

NGUYỄN HIẾN LÊ

chủ dịch và giới thiệu

TRANG TỬ

NAM HOA KINH



NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA

Table of Contents

TIÊU DẪN

I. LƯỢC SỬ TRANG-TỬ

II. UYÊN-NGUYÊN CỦA HỌC-THUYẾT TRANG-TỬ

III. SÁCH CỦA TRANG-TỬ

IV. HỌC THUYẾT CỦA TRANG-TỬ

NAM - HOA - KINH

NỘI - THIÊN

逍遙遊

TIÊU-DIÊU-DU

齊物論

TÊ-VẬT-LUẬN

養生主

DUỠNG-SINH-CHỦ

德充符

ĐỨC-SUNG-PHỤ

[i]

[ii]

[iii]

[iv]

[v]

[vi]

[vii]

[viii]

[ix]

[x]

[xi]

[xii]

[xiii]

[xiv]

[xv]

[xvi]

[xvii]

[xviii]

[\[xix\]](#)
[\[xx\]](#)
[\[xxi\]](#)
[\[xxii\]](#)
[\[xxiii\]](#)
[\[xxiv\]](#)
[\[xxv\]](#)
[\[xxvi\]](#)
[\[xxvii\]](#)
[\[xxviii\]](#)
[\[xxix\]](#)
[\[xxx\]](#)
[\[xxxi\]](#)
[\[xxxii\]](#)
[\[xxxiii\]](#)
[\[xxxiv\]](#)
[\[xxxv\]](#)

Chia sẻ ebook : <http://downloadsach.com/>

Follow us on Facebook : <https://www.facebook.com/caphebuoitoi>

TIÊU DẪN

I. LƯỢC SỬ TRANG-TỬ

Trang-Châu, thường gọi là Trang-tử (sống trong khoảng 369-298 trước Tây-lịch kỷ-nguyên), có lẽ là một nhà Lão-học cao nhất trong các nhà Lão-

học cổ nhất ở Trung-Hoa. Tư-Mã-Thiên trong *Sử-Ký*, chương *Trang-tử liệt-truyện* nói: “*Trang-tử, người xứ Mông, tên là Châu*”; nhưng không thấy nói là người nước nào.

Phí Nhân trong *Tập-giải* dẫn *Địa-lý-Chí* ra mà nói: Huyện Mông, thuộc về nước Lương. Còn Tư-Mã-Trinh trong *Sách-Ẩn* dẫn lời của Lưu-Hương trong *Biệt-Lục* lại nói: “*Người xứ Mông, nước Tống*”.

Như vậy, Trang-tử là người nước nào? Lương hay Tống?

Mã-tự-Luân trong *Trang-tử Tống nhơn khảo* nghiên cứu hai thuyết trên đây rất kỹ, quả quyết rằng Trang-tử là người nước Tống.

Theo họ Mã thì Trang-tử sống vào khoảng Lương Huệ-Vương nguyên-niên và Triệu-Huệ-Văn nguyên-niên. Lương-Huệ-Vương nguyên-niên thì thuộc về khoảng năm thứ 6 đời Châu-Liệt-Vương, còn Triệu-Huệ-Văn nguyên-niên thì ném vào khoảng Châu-Văn-Vương năm thứ 17. Như vậy, chiếu theo tây lịch kỷ-nguyên, Trang-tử sống vào khoảng 370 và 298 trước Tây-lịch kỷ-nguyên, nghĩa là đồng thời với Mạnh-tử, Huệ-tử bên Á, và Aristole, Zénon, Epicure bên Âu.

*

Sự tích truyền lại về đời sống Trang-tử thật là mơ-hồ, không có chi có thể tin là đích xác được. Nhưng, căn cứ vào sách *Trang-tử*, những câu chuyện thuật lại, có một giá-trị đặc biệt về phương-diện học-thuật, tưởng cũng không nên không lưu ý.

*

Đời ông rất nghèo, gần như cơ-hàn.

“*Trang-tử nghèo túng... sang Giám-hà-Hầu vay lúa. Giám-hà-Hầu nói: “Tôi có cái áp sấp nộp tiền lúa. Tôi sẽ giúp ông trăm lượng. Có được không?”*”

Trang-tử giận: “Hôm qua, khi Châu đến đây, giữa đường nghe có tiếng kêu. Ngoảnh lại trông, thì thấy một con cá đang vùng vẫy trong cái vết

bánh xe. Châu tôi hỏi: “Cá đến đây để làm gì?” Cá nói: “Tôi là Thủy-thần ở bể Đông, ông có thể giúp tôi một chén nước mà cứu tôi không?” Châu tôi nói: “Để tôi qua chơi bên phía Nam nước Ngô nước Việt, rồi khi về, tôi sẽ lấy nước Tây-giang về đón ngài. Có được không?” Cá giận nói: “Tôi đang cần nước, ông chỉ cho tôi được một ít là đủ sống. Nay nói như ông, đợi đến lúc ông về thì đến hàng cá khô, sẽ thấy tôi nơi ấy!”

(Ngoại-Vật)

*

Ở thiên Sơn-Mộc cũng có nói:

“Trang-tử bận áo vải mà vá, giày cột bằng dây gai...”

Gặp Ngụy-vương. Ngụy vương nói:

“Tiên-sinh khổ não thế ư?”

Trang-tử nói: “Nghèo, chứ không khổ-não. Kẻ sĩ có Đạo-Đức, không bao giờ khổ. Áo rách, giày hư là nghèo, không phải khổ. Đó chẳng qua là vì không gặp thời mà thôi. Phàm con khi con vợ náy nháy nhót đặng thông thả là nhờ gặp được rừng cây to cành dài, trơn tru dai dẻo. Dù cho bậc thiện xạ như Phùng-Mông cũng không sao hạ nó được. Nếu nó rũi gặp phải cây khô, gai góc, thì sự hoạt động ắt khó-khăn chậm chạp. Cũng thời một con thú, mà sự cử-động dễ khó khác nhau, chẳng qua vì gặp phải hoàn-cảnh không thuận làm cho nó không tự-do dùng tận sở-năng của nó. Nay, sanh không nhằm thời, trên thì hôn-ám, dưới thì loạn-tặc lại muốn không cực nhọc vất vả, có được không?”

*

Tuy là nghèo, mà lòng vẫn luôn-luôn thanh-cao, không bao giờ chịu bó thân trong cảnh vinh hoa phú quý. Tài Trí ấy, nếu muốn lợi danh, ắt hẳn đã có lợi danh lập-tức. Nhưng, ông một mực chối từ...

Sở Uy-Vương đã từng nghe danh tài của ông, đã từng vời ông ra làm khanh-tướng.

“Trang-tử câu trên sông Bộc. Sở-Vương sai hai quan đại phu đem lễ vật mời ông ra làm quan. Trang-tử cầm cần câu không nhúc nhích cũng không thèm nhìn lại, nói: “Tôi nghe vua Sở có con thần quy, chết đã ba nghìn năm. Vua Sở quý nó và cất trên miếu đường. Con quy ấy, chịu chết để lưu lại cái xương của mình cho người sau quý trọng hay lại chịu thà sống mà kéo lê cái đuôi của mình trong bùn?” Hai vị đại-phu nói: “Thà sống mà kéo lê cái đuôi trong bùn còn hơn!”

Trang-tử nói: “Thôi, về đi. Ta đây cũng chịu kéo lê cái đuôi của mình trong bùn...”

(Thu-Thủy)

*

Ở mục Lão-Trang Thân Hàn Liệt Nguyên trong Sử Ký, Tư Mã Thiên có đoạn bàn về nhân cách của ông: “Uy-vương nước Sở nghe nói Trang-Châu là người hiền trong thiên hạ, sai sứ đem hậu lễ đón, muốn mời ra làm Tướng. Trang-Châu cười, bảo với sứ giả: “Cái lợi của nghìn vàng quả trọng thật, cái địa vị khanh tướng quả cũng quý thật. Nhưng riêng ông chả thấy con bò té hay sao? Được người ta săn sóc, được mặc đồ trang sức văn-vẻ để đưa vào Thái-miếu. Lúc ấy dù có muốn được làm con lợn cô há còn được nữa hay không? Ông hãy đi đi, chớ có đến làm nhục ta. Thà ta dong chơi ở chốn bùn lầy như bản còn thấy sung sướng hơn là để cho kẻ làm chủ một nước kia trói buộc được ta...”

*

“Nước Tống, có Tào-Thương, được vua sai đi sứ nước Tần. Khi ra đi, số xe vừa đủ đi. Đi sứ nước Tần, đẹp lòng vua Tần, được ban thêm trăm cỗ xe.

Khi về Tống, gặp Trang-tử, nói: “Phàm sống trong chốn cùng lu, ngõ hẹp, áo giầy xóc xếch, thiếu hụt, khôn đón cùng khổ như ông, Thương này không thể chịu được. Làm cho bực chủ muôn xe vừa ý, để hậu thưởng trăm xe, đó là chỗ sở trường của Thương này vậy”.

Trang-tử nói: “Tôi nghe nói Tần-vương có bệnh, triệu thầy thuốc vào chữa. Nếu mổ được mụn ung của ông ta, thì được thưởng một xe. Còn ai liếm mụn ung, thì được thưởng năm xe. Cách trị càng hạ tiện bao nhiêu, thì số xe ban thưởng càng được tăng thêm bấy nhiêu. Ông đã trị bệnh Tần-vương cách nào mà được nhiều xe đến thế?”. (Liệt-Ngự-Khẩu)

*

“Huệ-tử làm quan nước Lương, Trang-tử tính qua nước Lương thăm. Nhưng, có kẻ nói với Huệ-tử: “Trang-tử mà qua đây, là để cùng ông tranh ngôi tướng quốc.” Huệ-tử sợ, cho kẻ canh chừng suốt ba ngày ba đêm, đợi Trang-tử đến thì bắt.

Trang-tử hay chuyện, không đi.

Sau rồi lại đến. Gặp Huệ-tử, Trang-tử bảo: “Phương Nam có con chim tên là Uyên-Sò, ông có biết không? Uyên-sò từ biển Nam bay qua biển Bắc, nếu không gặp cây ngô đồng thì không chịu đậu; nếu không gặp hột luyên thì không ăn; nếu không gặp nước suối trong thì không uống. Có con chim ụt đang rĩa xác chuột chết giữa cánh đồng thấy Uyên-sò bay ngang, sợ nó giành miếng ăn nên kêu to lên để dọa Uyên-sò đừng đáp xuống. Nay, vì sợ cái ngôi tướng quốc của ông ở nước Lương nên ông kêu to lên để dọa tôi sao?”. (Thu-Thủy)

*

Theo truyền thuyết thì Trang-tử giao du rất thân mật với Huệ-tử, tên là Thi, cũng là người Tống, và thường hay biện-nạn với nhau luôn. Trong sách Trang-tử có rất nhiều sự tích về sự tranh luận của hai nhà, cho ta thấy nhân-sinh-quan, cũng như lập-trường tư-tưởng của đôi bên, khác nhau xa, mặc dù hai bên cùng chịu ảnh hưởng lẫn nhau.

“Huệ-tử nói với Trang-tử: Ngụy-Vương thưởng tôi một giống dưa to. Tôi trồng nó có trái nặng đến năm thạch. Dùng nó đựng nước, nó nặng, không cất nhắc được. Bỏ nó ra làm bầu, thì lại không còn dùng được chỗ nào. Đâu phải nó không to lớn, nhưng vì cho nó là vô dụng nên tôi đập bỏ nó đi.

Trang-tử nói: Thế là ông vụng về chỗ đại dụng nó. Nước Tống có người khéo chế được món thuốc chữa rạn nứt da tay, đòi đòi chuyên làm nghề ương tợ. Có người hay biết, đến xin mua phương thuốc đó một trăm lượng vàng. Anh ta bèn nhóm thân tộc bàn rằng: Nhà ta đòi đòi làm nghề ương tợ, lợi không hơn số vàng ấy, vậy xin để cho bán.

Người khách được phương thuốc, đem thuyết vua Ngô. Nước Việt có nạn, vua Ngô sai anh làm tướng. Nhằm mùa Đông, thủy chiến với người nước Việt, người Việt đại bại. Vua Ngô bèn cắt đất mà phong thưởng cho anh ta. Cũng thời một phương thuốc trị rạn nứt da tay, mà một người được phong, một người không ra khỏi cái nghề ương tợ; đó là tại chỗ biết dùng hay không biết dùng mà khác nhau vậy.

Nay ông có trái dưa nặng đến năm thạch, sao không biết dùng nó làm trái nổi mà thả qua sông qua hồ, mà lo chi hồ vỡ bầu tan, không có chỗ đắc dụng? Thì ra vì cái lòng của ông hẹp hòi chưa trực-đạt đó”.

(Tiêu-Diêu-Du)

*

“Một khi khác, Huệ-tử nói với Trang-tử: “Tôi có cột cây to, người ta gọi nó là cây Vu. Góc nó lồi lõm không đúng dây mực. Nhánh góc nó thì cong queo không đúng quy củ. Dem trồng nó ở đường cái, người thợ mộc cũng không thèm nhìn. Nay lời nói của ông to lớn mà vô-dụng, nên người người đều không thèm nghe.”

Trang-tử nói: “Ông riêng chẳng thấy con mèo rình đó sao? Co mình đứng núp, nhìn vật đi rong, nhảy tây nhảy đông, không hiềm cao thấp, kẹt trong dò bẫy, chết nơi lưới rập. Đến như con thai ngư, lớn như vàng mây che một phương trời, kể ra cũng là to thật, nhưng không thể bắt được chuột. Nay ông có cây to, lại sợ nó vô dụng. Sao không đem nó trồng nơi tịch mịch, giữa cánh đồng rộng bao la. Khách ngao du không làm gì, ngồi nghỉ dưới góc nó, khách tiêu diêu nằm nghỉ dưới bóng nó. Nó sẽ không chết yếu vì búa rìu, cũng không sợ vật nào làm hại. Không có chỗ nào có thể dùng được, thì khôn khổ từ đâu mà đến được?”

(Tiêu-Diêu-Du)

*

“Huệ-tử gọi Trang-tử mà nói: “Lời của ông vô-dụng”. Trang-tử nói: “Biết cái chi là vô dụng, thì cũng đã biết nó sao là hữu dụng. Như đất rộng, người ta cho nó là hữu dụng, vì nhờ nó mà đi được. Nhưng, nếu trật chân té chìm tận suối vàng, người ta còn gọi nó là hữu dụng nữa không?”

Huệ-tử nói: Vô-dụng.

Trang-tử nói: Vậy thì rõ vô-dụng là hữu-dụng đó.”

(Ngoại-Vật)

*

Ở thiên Thu-Thủy, thuật rằng:

“Trang-tử cùng Huệ-tử đứng chơi trên cầu hào thành. Trang-tử nói: “Cá xanh, bơi lội thung dung. Cá vui đó.” Huệ-tử nói: “Ông không phải là cá, sao biết cá vui?”

Trang-tử nói: “Ông không phải tôi, sao biết tôi không biết!”

Huệ-tử nói: “Tôi không phải ông, nên không thể biết được ông, còn ông không phải cá, ông cũng không sao biết được cái vui của cá.”

Trang-tử nói: “Xin xét lại câu hỏi đầu. Ông hỏi tôi làm sao biết được cá vui? Đã biết là tôi biết, ông mới có hỏi “làm sao mà biết”... Thì đây, làm thế này: tôi đứng trên hào thành mà biết được”.

(Thu-Thủy)

*

Về sau, Huệ-tử mất. Một khi Trang-tử đi qua mộ ông, tỏ ý thương tiếc: “Từ khi phu-tử mất, tôi còn cùng ai chất vấn, bàn bạc được nữa!”

Gia-đình ông như thế nào, sử không thấy nói. Chỉ biết ông có vợ, và vợ ông chết.

“Vợ Trang-tử chết, Huệ-tử đến điếu. Thấy Trang-tử ngồi, duỗi xoác hai chân, vừa vỗ bôn, vừa ca.

Huệ-tử nói: Cùng người ở tới già, có con lớn mà người chết lại không khóc, cũng đã là quá rồi, còn vỗ bôn ca, không phải thái quá sao?

Trang-tử nói: Không. Lúc nàng mới chết, tôi sao chẳng động lòng. Nhưng nghĩ lại hồi trước, đó vốn là không sinh. Chẳng những là không sinh, mà đó vốn là không hình. Chẳng những là không hình, mà đó vốn là không khí. Đó chẳng qua là tạp-chất ở trong hư không mà biến ra mà có khí, khí biến ra mà có hình, hình biến ra mà có sinh, rồi lại biến ra nữa mà có tử. Sinh, hình, khí, tử có khác nào xuân, hạ, thu, đông, bốn mùa hành-vận. Vả lại, người ta nay đã yên nghỉ nơi Nhà-Lớn mà tôi cứ than khóc chẳng là tự nói không thông Mạng ư? Nên tôi không khóc.”

(Chí-Lạc)

*

Trang-tử mắt vào năm nào, thì không thấy có sách nào ghi chép. Chỉ biết rằng lúc “Trang-tử gần chết, các đệ tử muốn hậu táng, nhưng Trang-tử không cho. Trang-tử nói: “Ta có trời đất làm quan quách, nhật nguyệt làm ngọc bích, tinh-tú làm ngọc châu, vạn-vật làm lễ tống. Đám táng của ta như vậy, không đủ sao? Mà còn thêm chi cho lắm việc!”

Đệ tử thưa: “Chúng con sợ điều quạ ăn xác Thầy!”

Trang-tử nói: “Trên thì điều quạ ăn, dưới thì giòi kiến ăn. Cướp đây mà cho riêng đó, sao lại có thiên lệch thế!”

(Liệt-Ngự-Khâu)

*

II. UYÊN-NGUYÊN CỦA HỌC-THUYẾT TRANG-TỬ

Cái học của Trang-tử, tuy do Lão-tử mà ra, nhưng biệt lập ra một phái riêng: phái *Trang-học*.

Sử-Ký cho rằng “cái học của ông không đâu là bản không đến, nhưng gốc ở lời dạy của Lão-tử...”^[1]

Phê-bình học-thuyết Trang-tử, thiên Thiên-Hạ trong sách Trang-tử có nói: “Đạo vẫn thâm mật, vô hình mà biến hóa vô thường. Chết, Sống cùng Trời Đất ngang nhau, cùng thân mình qua lại và lui tới mà thấy không thiết-thực. Vạn-vật bao la mà lúc trở về, không thêm cho Đạo. Đó là chỗ nghiên cứu của người xưa. Chỗ đó Trang-Châu nghe qua, đẹp ý. Muốn truyền-bá nó ra, Trang-Châu mượn câu chuyện mậu-ngộ, tiếng nói hoang-đường, lời văn không bén, thường phóng-túng mung-lung mà không cao dị... Trang-Châu thấy đời chìm đắm trong ô-trọc, không hiểu được lời mình nên dùng “chi ngôn” mà gieo khắp, dùng “trùng ngôn” làm thực sự, dùng “ngụ ngôn” cho rộng hiểu. Rồi riêng một mình lại qua cùng trời đất tinh-thần mà không ngạo-nghe vạn-vật không hỏi tội thị phi, lại sống chung cùng thế-tục. Sách của Trang-Châu thì khô-vĩ mà dịu dàng, không hại. Lời tuy sâm-si, mà thầy đặng ý răn lòng khi trá. Chỗ sung-thực của đó không dùng đặng. Trên thì đạo cùng tạo vật, dưới bạn cùng “ngoại tử sanh, vô chung-thủy”. Bản nguyên của đó thì hoằng-đại mà sáng sủa, sâu rộng và phóng túng. Tông chỉ của đó có thể thích-hợp với bậc thượng-trí. Tuy nhiên, tông-chỉ và bản-căn đó đều ứng theo tạo hóa mà đạt đến vạn-vật. Lý của đó thì không cùng.”

(Thiên-Hạ)

*

Như vậy, ta thấy rằng học thuật của Lão và Trang, có chỗ không đồng nhau.

Lão-tử cho rằng “*cứng rắn thì dễ bị bể nát, nhọn bén thì dễ bị mòn lụi*”; và “*Kiên cường giả, tử chi đồ*” (chương 76) (cứng và mạnh hơn là bạn của cái chết), cho nên ông chỉ cho con người con đường để mà tránh khỏi sự đổ nát mòn gãy... “*Trì nhi doanh chi, bất như kỳ dĩ; suy nhi chuyết chi, bất khả trường bảo, kim ngọc mãn đường, mạc chi năng thủ; phú quý nhi kiêu, tự di kỳ cữu; công toại thân thối: thiên chi đạo*”. (Ôm giữ chậu đầy, chẳng bằng thôi đi. Dùng dao sắc bén, không bén được lâu; vàng ngọc đầy nhà, khó mà giữ lâu; giàu sang mà kiêu, tự vùi họa ưu; nên việc lui thân, đó là đạo Trời). (*Đạo Đức Kinh chương 9*).

Trang-tử thì chủ trương sự “*vô chung-thủy, ngoại tử sinh*”, cho nên chỗ mà Lão-tử thắc-mắc chăm-chú, thì Trang-tử lại nhìn với cặp mắt thản nhiên, lạnh-lùng như không đáng kể.

*

Trong thời kỳ Tiên-Hán^[iii], tư-tưởng của *Lão-học* được truyền bá, còn tư tưởng của *Trang-học* thì mãi đến thời Hậu-Hán^[iii] mới được đề cập đến và phổ-biến.

Buổi đầu nhà Hán, danh từ *Hoàng-Lão* được xưng-tụng và phổ-thông, nhưng đến cuối nhà Hán^[iv] mới đổi ra thành danh-từ *Lão Trang*.

Các nhà chú giải Lão-tử, sống vào khoảng đầu nhà Hán, không hề nói đến tên Trang-tử, còn các nhà chú-giải Trang-tử thì thuộc về khoảng nhà Tần (265-420) sau Tây-lịch kỷ-nguyên, tức là triều-đại nối liền với nhà Hán (Tam-Quốc). Cho nên, các học giả đời Hán, khi nói đến Lão-học là chỉ nghĩ đến Lão-tử mà thôi, nghĩa là chỉ quan tâm đến vấn đề đối phó với thời cuộc. Cho nên trong *Nghệ-Văn-Chi* sở dĩ cho rằng Lão-học (tức là cái học của Lão-tử) là “*phương-pháp của các bậc vương-đạo tại-vị*”, là vì thế. Thật vậy, Lão-tử soạn quyển *Đạo-Đức Kinh* là cho các nhà cầm quyền trị nước thời bấy giờ: ông đề-xướng giải-pháp “*vô-vi nhi trị*”.

Tư-Mã-Thiên nói về cái học của Lão Trang có viết: “*Triết-ly của Trang-tử, khác với Lão-tử, lại muốn siêu-thoát khỏi vấn-đề nhân-gian thế-sự. Khi ông nói đến các vị vua đầu tiên của nhà Hán, cho rằng các bậc ấy lấy “vô vi nhi-trị” là có ý muốn nói rằng các bậc trị nước ấy áp dụng triết lý của*

Lão-tử. Chỉ đến cuối đời nhà Hán (220 sau T. L) thì người ta mới bắt đầu chú ý đến Huyền-học, bấy giờ sách của Lão-tử cũng được người ta dùng cái học của Trang-tử mà giải thích. Như vậy ta thấy rằng, tuy khởi thủy hầu như lập trường triết-lý của hai nhà đứng riêng nhau mà vẫn có sự liên hệ với nhau luôn.”

Chỗ tương đồng của Lão-tử và Trang-tử là cả hai đều cùng một quan niệm về Đạo và Đức, và cả hai đều chống đối tư tưởng truyền thống và chế độ đương thời. Và, vì vậy mà Tu-Mã-Thiên đặt tên học-phái này là *Đạo-Đức Gia*, vì ông cho rằng hai quan niệm Đạo và Đức là nền tảng chung của Lão-học.

*

Trang-tử sống vào khoảng nửa thế kỷ thứ ba trước Tây lịch kỷ-nguyên (369-298 trước T. L kỷ-nguyên) tức là thuộc về một thời-kỳ hỗn-loạn nhất của Trung-Hoa: thời Chiến-quốc. Bởi vậy, có người cho rằng “trước một hoàn-cảnh xã hội nhiễu nhương mà phải trái rối bời, thật giả không phân, chúng ta hẳn không lấy chi làm lạ mà thấy Trang-tử chủ trương tư tưởng siêu nhiên, đem cặp mắt bình thản mà lạnh lùng mà nhìn xem xã hội sự vật”. Nói thế, không hẳn là không có lý do, vì nếu xét chung tư tưởng của Trang-tử, ta thấy ông cực lực phản đối hầu hết mọi học thuyết, chế độ của đương thời...

Ở thiên Tề-Vật-Luận, ông nói: *“Cố hữu Nho, Mặc chi thị phi, dĩ thị kỳ sở phi, nhi phi kỳ sở thị”*. (Bởi vậy mới có cái Phải Quấy của Nho Mặc. Nho Mặc thì lấy Phải làm Quấy, lấy Quấy làm Phải)

Đại diện cho Nho-học thời bấy giờ thì có Mạnh-tử; còn đại diện cho Mặc-học thì có Tống Hình, Huệ-Thi và Công-tôn Long thì đại diện cho nhóm danh gia.

*

Ở thiên Tề-Vật-Luận ông nói: *“Vị thành hồ tâm nhi hữu Thị Phi, thị kim nhật thích Việt nhi tích chi dã... Cố dĩ kiên bạch chi muội chung”* (Lòng mình vì chưa thành mà có Phải Quấy. Nên chi ngày hôm nay đi sang nước

Việt mà từ bữa hôm qua đã tới đó rồi vậy... Cho nên, suốt đời cam chịu tới tấp vì thuyết “Kiên Bạch”).

Câu “*kim nhật thích Việt nhi tích chí dã*” là ám chỉ biện-thuyết của Huệ Thi; còn câu “*dĩ kiên-bạch chi muội chung*” là nói về thuyết Kiên bạch của Công-tôn Long.

Đó là những chỗ mà Trang-tử phê bình học thuyết của người đồng thời, đem cái thuyết “*tê thị phi, đồng dị, tiểu đại*” của ông ra mà châm đối các nhà thích dùng biện luận. Theo ông thì “*đại biện bất ngôn*”, còn những biện giả trên đâu chỉ là những bọn người biện vật. (tiểu biện).

*

Thời ấy có Tử-Hoa-tử chủ trương sự “*toàn sinh vi thương*” và Đam-Hà chủ trương “*vị-thân, bất vị quốc*”, đều là những kẻ thừa hưởng cái học của Dương-Chu. Trang-tử đem cái thuyết Tề-Vật để đánh đổ lòng tư-kỷ, chia phân Nhĩ-Ngã của người đồng thời còn sống thiên trong giới Nhị-nguyên. Là vì, theo Trang-tử, hễ còn nói “*vì mình*” tức là còn thấy chỉ có mình mà không thấy có người, trong khi sự thật thì “*Vật Ngã vi Nhất*”.

Ở thiên Đại-Tông-Su ông viết: “*Có chi chân-nhân, bất tri duyệt sanh, bất tri ó-tử... Bất tri sở dĩ sanh, bất tri sở dĩ tử, bất tri tựu tiên, bất tri tựu hậu*” (*Bậc chân nhân đời xưa, không tham sống, không ghét chết... Không biết chỗ sở dĩ sống, không biết chỗ sở dĩ chết, không biết chỗ đến trước, không biết chỗ đến sau*)... Nghĩa là người đạt Đạo phải là kẻ đứng trên vấn đề Sanh, Tử, không vị kỷ, không quá chú trọng đến bản thân mà suy tính lợi hại quá đáng như các chủ trương nói trên.

Phản đối những tư tưởng vị kỷ, tức là phản đối lòng tham lam ích kỷ, ông lại cũng phản đối cả sự “*Xá-kỷ thích-nhơn*”, nghĩa là bỏ cái chân-tánh của mình mà chạy theo kẻ khác. Ở thiên Đại-Tông-Su ông nói: “*Hành danh thất kỳ, phi sĩ dã. Vong thân bất chân, phi dịch nhân dã.*” (Làm theo danh, mà bỏ mất mình, không phải là kẻ sĩ. Làm mất thân mình, không rõ cái lẽ chân thật nơi mình, cũng chẳng phải là kẻ sai được người vậy). Ông cho rằng “*như Hồ-Bát-Giai, Vụ-Quang, Bá-Di, Thúc-Tề, Cơ-Tử, Tử-Dư, Kỳ-Tha, Thân Đồ-Địch đều là hạng người làm cái làm của kẻ khác, chiêu theo*

cái thích của người, mà chẳng biết chiều theo cái thích của mình” (Nhược Hồ-Bát-Giai, Vụ-Quang, Bá-Di, Thúc-Tề, Cơ-Tử, Tử-Dur, Kỳ-Tha, Thân Đồ-Địch, thị dịch nhân chi dịch, thích nhân chi thích nhi bất tự thích kỳ thích giả dã). (*Đại-Tông-Sư*)

*

Và, như Lão-tử, ông cũng cực lực *phản đối Nhân, Nghĩa* của phái hữu-vi thời ấy. Cái học “trục-vật” và sự “câu-tri” cũng bị ông đả phá: “*Ngô sinh dã hữu nhai, nhi tri dã vô nhai. Dĩ hữu nhai, tùy vô nhai, dĩ hĩ!*” (*Dưỡng-Sinh-Chủ*)

Tóm lại, đối với thời đại, ông phản đối hầu hết các học thuyết cùng chế độ thời đó: phản đối *Nho, Mặc*, phản đối nhóm *danh gia biện thuyết* như Huệ-Thi, Công-Tôn-Long, phản đối lòng *vị-kỷ*, trọng tử-sinh, sát lợi-hại, phản đối cả *Nhân, Nghĩa* và cái thói “*câu-tri*”, “*trục-học*”, “*xá-kỷ thích nơn*”, nhất là những hành động hữu-vi của nhóm pháp-gia thời bấy giờ.

*

Tuy nhiên sự phản đối ấy của Trang-tử không phải là lối phản đối công kích của người phản thế (ghét đời là vì bất mãn đối với đời) mà thực ra là lối lập-ngôn đặc biệt của người đã “*vượt qua bên bên kia*” “*đáo bỉ ngạn*”, theo danh từ nhà Phật, con người giải thoát “*đề trở về nguồn cội*” của cái “*Sống Một*” mà ta sẽ thấy trình bày sau đây.

III. SÁCH CỦA TRANG-TỬ

Sách Trang-tử, theo *Hán-thư Nghệ-Văn-Chí*, thì có đến năm mươi hai (52) thiên. Nay chỉ thấy còn có ba mươi ba (33) thiên. Có phải vì người sau (Quách-Tượng) dồn lại và phân lại thiên chương, hay vì người ta đã làm lạc đi 19 thiên kia?

Ba mươi ba thiên, lại chia ra làm 3 phần (theo bản của Quách-Tượng là bản thông-hành hiện thời): *Nội-thiên*, *Ngoại-thiên* và *Tạp-thiên*.

Nội-thiên gồm có 07 thiên:

Tiêu-Diêu-Du
Tề-Vật-Luận
Dưỡng-Sinh-Chủ
Nhơn-Gian-Thế
Đức-Sung-Phù
Đại-Tông-Sư
Ứng-Đế-Vương

Ngoại-thiên gồm có 15 thiên:

Biên-Mẫu
Mã-Đê
Khứ-Cự
Tại-Hựu
Thiên-Địa
Thiên-Đạo
Thiên-Vận
Khắc-Ý
Thiện-Tánh
Thu-Thủy
Chí-Lạc
Đạt-Sinh
Sơn-Mộc
Điền-Tử-Phương
Trí-Bắc-Du

Tạp-thiên gồm có 11 thiên:

*Canh-Tang-Sở
Tì-Vô-Quý
Tắc-Dương
Ngoại-Vật
Ngũ-Ngôn
Nhuợng-Vương
Đạo-Chích
Duyệt-Kiểm
Ngư-Phụ
Liệt-Ngữ-Khẩu
Thiên-Hạ*

*

Sự phân biệt chương thứ như trên, phân đông các học giả đều cho rằng không phải do chính tay Trang-tử sắp đặt, mà do người sau an bài.

Tô-Đông-Pha, trong *Trang-tử Từ Đường Ký* cho rằng “*phân biệt các chương, đặt tên các thiên là do nơi thế tục, không phải bản-ý của Trang-tử*”.

Còn Đường-Lan, trong *Lão-Đam Đích-Tánh-Danh Hòa niên đại khảo và Cổ-sử biện* thì cho rằng “*sự phân-biệt Nội, Ngoại và Tạp thiên đều là do tay của Lưu-Hướng cả*”.

*

Căn cứ vào văn-thái và văn-mạch mà xem, thì thấy chỉ có Nội-thiên là biểu-thị được chỗ trọng-yếu của học thuyết Trang-tử mà thôi. Còn Ngoại-thiên và Tạp-thiên, thì phần nhiều rời rạc và chỉ bàn đi bàn lại những tư tưởng đã phô-diễn ở Nội-thiên mà thôi.

Phàm nghiên cứu về một học-thuyết nào, sự tìm tài-liệu chính-xác và phê-bình tài-liệu là vấn đề quan trọng nhất. Có được như thế thì sự nghiên cứu của ta mới được chính-đính, khỏi sự xuyên tạc và bất công, mang tội vu oan cổ nhân.

*

Phân biệt được sự *chân-ngụy* trong các thiên chương trong sách Trang-tử là việc rất gay go phiền phức. Trong quyển *Trang-tử tinh hoa*^[v], đã có dành riêng một chương khá đầy đủ cho vấn đề này, nên không lặp lại nơi đây làm gì nữa.

Nay chỉ tóm lại đại-khái như sau: Nội-thiên rất khác với Ngoại và Tạp-thiên cả về Văn-Nghệ, Tư-Tưởng và thần thái trong câu văn. Nếu Nội-thiên do Trang-tử viết ra, thì Ngoại và Tạp thiên chắc chắn do kẻ khác viết, không thể là cùng một người được. Tuy vậy, trong Ngoại và Tạp thiên thỉnh thoảng cũng có một vài chương mà thần-văn lạ lùng hùng-vĩ, đã chẳng những văn hay mà tứ cũng thâm, nếu không phải do những kẻ có một học-lực uyên thâm như Trang-tử, chắc cũng khó lòng mà viết ra cho được.

Cho nên, một phần cũng có thể cho là chính tay Trang-tử viết ra, còn phần nhiều chắc chắn là do kẻ khác học Trang-tử mà viết ra.

Như ở Ngoại-thiên, các thiên Biền-Mẫu, Mã-Đề, Khứ-Cự, Khắc-Ý, Thiện-Tánh thì văn khí bình diễn, lời nói rất tầm thường, thiển cận. Toàn thiên chỉ có một ý, nhưng mà cứ nói đi nói lại mà thôi, dường như là những bài sách luận của hậu học.

Thiên Thiên-Vận nói về việc Khổng-tử viếng Lão-tử để hỏi Lễ thì lại giống với câu chuyện chép ở *Sử-Ký* của Tu-Mã-Thiên, ta lại thấy rằng văn trong Thiên-Vận rất tạp nhạt, khí-tượng tầm thường không sao theo kịp văn-từ trong *Sử-ký*. Mà như ta biết, văn của Trang-tử đâu có kém gì văn *Sử-ký*, có khi còn cao hơn một bậc là khác. Cho nên, chắc chắn thiên Thiên-Vận ở Ngoại-thiên là ngụy thơ, do kẻ hậu học thêm vào.

Các thiên Đạo-Chích, Ngư-Phụ, Duyệt-Kiểm, Nhượng-Vương thì văn từ thiển-bạc, những chỗ chỉ trích Khổng-tử đầy ngạo nghễ, thóa mạ chỉ nói để cho hả hê lòng phần uất, không giống thần-thái của Trang-tử ở Nội-thiên.

Còn như các thiên Thiên-Đạo, Thiên-Địa, Chí-Lạc, Sơn-Mộc, Tại-Hựu thì tư tưởng tạp nhạt, người viết có khi chưa thật hiểu tinh thần tư tưởng của

Trang-tử nên nhiều khi xuyên tạc, có khi dùng lời nói mồm mép của Nho-gia mà giảng về Trang-tử.

Đó đều là những bài do các học giả theo phái Lão-Trang về sau viết ra cả.

*

Đối với Nội-thiên, học giả phân đông đều nhìn nhận rằng rất có thể đều do chính tay Trang-tử viết ra.

Nhưng Đường-Lan cho rằng, riêng chương Tử-Tang-Hộ ở thiên Đại-Tông-Su không giống với mấy chương trước mà gọi ngay Không-tử. Riêng tôi, cũng hoài nghi chương này, là vì trong thiên Đại-Tông-Su, tư tưởng của Trang-tử rất thuần nhất đối với vấn-đề Sanh-Tử. Trang-tử cho rằng Sanh-Tử là một. Nhưng riêng chương này lại khác hẳn với toàn thiên về cái nghĩa của Sanh-tử. Tử Tang-Hộ chết, hai người bạn đánh đàn và ca bên xác Tang-Hộ: “Than ôi! Tang-Hộ! Than-ôi! Tang-Hộ! Đó trở về cái chân, còn chúng ta còn là người! Ôi!”. Thế là tự tiếng ca ấy, ta thấy những người này mừng cho Tang-Hộ, mà riêng buồn cho mình còn phải sống làm người. Như vậy, ta thấy toàn chương biểu thị cái ý “vui chết buồn sống”, rất trái với ý tưởng của Trang-tử ở Tề-Vật cùng những chương khác ở thiên Đại-Tông-Su nữa.

Vậy, riêng một chương này, tôi tin rằng không phải của Trang-tử viết ra, và kẻ phân thiên chương vì xem xét không kĩ nên chép lầm vào đây. Ta nên bỏ hẳn chương này và sắp nó qua Ngoại hay Tạp thiên.

Thiên Nhơn-Gian-Thế cũng đáng hoài nghi là ngụy-thơ nữa. Là vì thể-tài chung của Nội-thiên không giống với thiên này. Trong các thiên khác ở Nội-thiên thì đều có luận, có dụ.

Như Ứng-Đế-Vương thì có trước dụ, sau luận, Đại-Tông-Su thì trước luận, sau dụ. Đức-Sung-Phù thì trước dụ, sau luận; Dưỡng-Sinh-Chú thì trước luận, sau dụ. Chỉ như hai thiên Tiêu-Diêu-Du và Tề-Vật-Luận thì dụ và luận giao lẫn nhau hồn nhiên như một thể. Như vậy ta thấy rằng ở Nội thiên, văn pháp tới lui có quy-tắc lắm.

Duy có Nhơn-Gian-Thế thì không phải vậy nữa:

Chương thứ nhất: nói về chuyện Nhan-Hồi muốn du-thuyết Vệ-Quân, hỏi ý nơi Không-tử.

Chương thứ hai: chuyện giữa công-tử Cao đi xứ nước Tề.

Chương thứ ba: chuyện giữa Nhan-Hạp và Cừ-Bá-Ngọc.

Chương thứ tư: chuyện người thợ mộc tên Thạch qua nước Tề gặp cây lịch-xã.

Chương thứ năm: chuyện Nam-Bá Tử-Kỳ thấy cây đại mộc.

Chương thứ sáu: chuyện một người què ở nước Tề.

Chương thứ bảy: chuyện Không-tử qua nước Sở gặp Cuồng-Tiếp-Dur.

Toàn thiên thuật rùng là cố-sự, không giống bút pháp của sáu thiên kia. Như vậy, không phải là do một người viết ra.

Hơn nữa, ý nghĩa trong thiên Nhơn-Gian-Thế này cũng không liên quán: chương thứ 4, thứ 5, thứ 6 đều lấy tỉ-dụ những vật nhờ bất tài mà được an toàn, không ăn chịu gì với tư tưởng của những chương trên. Chương 4 và 5 cũng đều là những ý tưởng trùng-phục.

Chương 7 nói về chuyện Không-tử qua nước Sở gặp Cuồng-Tiếp-Dur, thì các đoạn lại không hợp nhau. Ở đoạn nhất và đoạn nhì ta thấy Không-tử là người sáng suốt về Đạo, thay lời Trang-tử mà bàn về Đạo Đức. Nhưng qua đoạn chót, hốt nhiên Không-tử lại biến thành người ám muội. Thế là trước sau, bút pháp không thông vậy.

Chương thứ 8, nói về việc Không-tử qua Sở thì câu chuyện cũng như văn-từ trong bài ca đều lại giống hết văn của sách *Luận-Ngữ*. Trong *Luận-Ngữ*, Thiên Vi-tử nói: “*Sở Cuồng Tiếp Dur ca nhi quá Không-tử viết: “Phụng hề! Phụng hề! Hà đức chi suy, văn giả bất khả gián, lai giả du khả truy. Dĩ nhi! Dĩ nhi! Kim chi tòng chánh giả dĩ nhi”*”.

Trong Nhơn-gian-Thế thì viết: “*Sở Cuồng Tiếp Dur du ký môn viết: “Phụng hề! Phụng hề! Hà như đức chi suy dã! Lai thế bất khả đài, vãng thế bất khả truy dã. Thiên hạ hữu đạo, thánh nhơn thành yên, thiên hạ vô đạo, thánh nhơn sanh yên. Dĩ hồ! Dĩ hồ! Lâm nhơn dĩ đức! Dĩ hồ! Hoạch địa nhi xu”*”.

Sách *Luận-ngữ* có trước sách *Trang-tử*, thì đây quả là Nhơn-Gian-Thế chép văn *Luận-Ngữ*. Lẽ nào Trang-tử, một người khí phách phóng khoáng, lại đi bắt chước kẻ khác hay sao?

Huống chi, tư tưởng Trang-tử ở Tiêu-Diêu-Du và Tề-Vật-Luận thì thật là rộng rãi, còn ở Nhơn-gian-thế thì lời lẽ lại rất câu chấp tầm thường như hạng nhà Nho, không giống tư tưởng ở Tiêu-Diêu và Tề-Vật: “*dù gặp cảnh nào, dù đến thế nào, giữ một niềm thờ cha là chí hiếu, thờ vua là chí trung...*” (*Nhơn-Gian-Thế*) phải chăng là do mồm mép của nhà Nho?

Thế nên, thiên này cần phải loại ra khỏi Nội-thiên.

Tóm lại, chỉ có Nội-thiên là dùng được để nghiên cứu tư tưởng của Trang-tử mà thôi. Nhưng phải loại thiên Nhơn-Gian-Thế, và chương thứ hai ở thiên Đại-Tông-Sur, tức là chương Tử Tang-Hộ vì là ngụ thơ. Bản dịch này cũng loại Nhơn-Gian-Thế ra khỏi Nội-thiên và sắp vào Ngoại-thiên.

*

Các sách chú giải Trang-tử:

Trang-học rất thịnh về đời Ngụy Tần (220-316), cho nên sách vở chú giải Trang-tử của thời ấy cũng rất nhiều.

Hương-Tú tự là Tử-kỳ (221-300), người đời Ngụy Tần có chú giải Trang-tử, tuy trước ông cũng đã có cả chục nhà chú giải, nhưng đều là thiển bác không nắm được yếu chí, không xiển minh nổi cái học của Trang-Châu. Tần Thơ cho rằng chỉ có Hương-Tú là người đầu tiên thông được chỗ huyền-chỉ của Trang-học.

Nhưng ông chỉ chú giải đến thiên Thu-Thủy và Chí-Lạc thì chết. Về sau, đến đời Huệ-đế thì có Quách-Tượng^[vi] căn cứ vào chú giải của Hương-Tú mà diễn giải rộng thêm ra. Bởi vậy về sau người ta thấy hai bản Hương-Tú và Quách-Tượng nghĩa-lý tương đồng như của một người viết ra vậy.

Còn bản cổ-nhất của Tư-Mã-Buru (khoảng giữa nhà Tần (221) (trước G.S), luôn cả bản chú giải của Thôi-Tuyền thì hiện thời mất cả. Qua thời

Nam Bắc-Triều các nhà chú giải Trang cũng đông, nhưng chỉ còn lại bản của Quách-Tượng là cổ nhất thôi. Ngày nay sở dĩ người ta có thấy được một vài dấu vết của các nhà chú giải trên đây, là nhờ ở sách của Lục-Đức-Minh đời Đường. Trong bài Tự-Lục của Thích-Văn, Lục-Đức-Minh cho biết rằng Tư-Mã-Buru có chú giải 21 quyển, 52 thiên, còn Thôi-Tuyển thì chú 10 quyển, 27 thiên, Hương-Tú chú 20 quyển, 26 thiên, Quách-Tượng thì chú 33 quyển, 33 thiên.

Các nhà chú giải về sau rất nhiều, nhưng một số đông thiên về phê bình văn chương hơn là tư tưởng. Đại khái như đời nhà Minh có Châu-đắc-Chi trong *Nam-Hoa Thông-Nghĩa*; đời Thanh có Ngô-thế-Thượng trong *Trang-tử giải*; Tôn-Gia-Cầm trong *Nam-Hoa-Thông*; Lâm-tây-Trọng trong *Trang-tử Nhân*; Lục-Thụ-Chi trong *Trang-tử tuyệt*... đều là những tay sành về văn chương cả. Vì vậy, rất tiếc là các lời phê bình của các nhà ấy, yếu trọng nơi sự thưởng thức các câu văn, nhưng về phần tư tưởng lại không phát minh được điều gì mới lạ cả, cho nên phần tư tưởng của họ rất là loạn-chạc, rườm-rà, mờ tối không phát huy được cái yếu-chỉ huyền-diệu về phần tư tưởng của Trang-Châu.

Hoặc họ là các học giả thiên về Thần-tiên phái, họ ghép Trang-tử vào cái học Trường-sinh cửu thị. Như Chử Bá-Tú, trong bộ *Nam-Hoa Chân-Kinh Nghĩa-Hải-Soán-Vi*, tôn Trang-tử là Nam-Hoa Lão-tiên.

Đời Tống, có Bích-Hư-Tử, đời Minh có La-Miễn-Đạo đều lấy theo điển cổ của Thần-tiên phái mà giải Trang-tử.

Và lấy Thần-tiên học để mà giải Trang-tử là phần rất đông. Chính người viết về Trang-tử đây cũng đã gặp nhiều văn hữu hoặc học giả theo phái Thần-tiên cười nhạo và cho là chưa thấu đáo được ý nghĩa huyền diệu của Trang-tử vì đã không biết thể theo Thần-tiên Đạo-thư (của Trương-Đạo-Lãng và nhất là Bão-Phác-tử) để giảng giải Trang-tử.

Cũng có nhiều nhà chú giải thiên về Nho hoặc Phật, lấy tư tưởng của Nho-học hoặc Phật-học mà giảng Trang-tử nữa. Như đời Tống có Lâm-Hi-Dật, đời Thanh có Lục-Thụ-Chi, Lưu-Hồng-Điền cho Trang-tử là môn đồ của Khổng.

Đời Đông-Hán, có Chí-Độn, Tuệ-Lâm, Tuệ-Viễn cũng rất sành Lão-Trang, nên dùng cái học ấy mà làm sáng thêm cho Phật-học. Qua đời Đường có Thành-Huyền-Anh; đời Minh có Lục-Tây-Tĩnh, Thích-Đức-Thanh; đời Thanh có Trương-Thế-Lạc và gần đây có Chương-Thái-Viêm đều lấy Phật-điển mà giải Trang-tử.

Trang-tử là người văn học hoàn toàn. Kim-Thánh-Thán sắp ông vào hạng “đệ nhất tài tử” tưởng cũng không phải là quá đáng.

Luận về ông, Tu-Mã-Thiên có nói: *“Sách Trang-tử có hơn mười vạn chữ, đại để đều là ngụ ngôn... Văn ông khéo viết, lời lẽ thứ lớp, chỉ việc, tả tình để bài bác Nho Mặc. Tuy đương thời, những bậc túc-học uyên thâm cũng không sao cãi để gỡ lấy mình cho nổi. Lời văn của ông thì phóng-túng mênh mông, chỉ câu lấy thích chí mà thôi. Cho nên từ các bậc vương công đều không ai biết được nổi ông là hạng người thế nào”* (Sử-Ký).

Từ đời Đường, Tống về sau, các bậc đại văn hào như Hàn-Dũ, Liễu-Tôn-Nguyên, Tô-Thức... đều sùng bái ca tụng không ngớt. Sách Trang-tử, về phương diện văn học, là một áng văn kiệt tác.

Trang-tử là người biết hàm dưỡng chơn-thần rất là đầy đủ, cho nên khí phách ngang tàng phóng-dật. Văn ông rất hồn nhiên như hơi mây trong núi bay ra, như nước trong nguồn chảy... Bàn về một lẽ cao siêu tuyệt-đích, có thể cảm mà không thể nói ra được bằng những lời nói thông thường nhị-nguyên, cho nên ông phải dùng đến “ngụ-ngôn” rồi mượn “trùng-ngôn” mà làm cho sáng tỏ thêm. Trong đó sự tích tuy có thật mà câu chuyện giả-thác lạ lùng. Đó là cách dùng cụ thể để mà giải thích trừu tượng. Khi lại dùng đến “chi-ngôn”, tức là buột miệng nói ra, bất kể là đúng hay không với lịch sử. Cho nên văn chương của ông huyền thực mà hư... như lẽ Đạo muôn màu. Thật là rất khác xa với văn-từ của “bách-gia chư-tử”.

*

IV. HỌC THUYẾT CỦA TRANG-TỬ

A. ĐẠO VÀ ĐỨC

Triết học của Trang-tử cùng với Lão-tử có nhiều điểm không đồng, nhưng rất đồng về quan niệm Đạo và Đức.

Bản về Đạo, sách Trang-tử ở thiên Trí-Bắc-Du có giải rất rõ ràng:

“Đông-Quách-Tử hỏi Trang-tử:

- *Cái gọi là Đạo ở đâu?*
- *Không có chỗ nào là không có Nó.*
- *Xin chỉ ra mới được!*
- *Trong con kiến.*
- *Thấp hơn nữa!*
- *Trong cọng cỏ.*
- *Thấp hơn nữa!*
- *Trong miếng sành vỡ.*
- *Thấp hơn nữa!*
- *Trong cục phân.*

Đông-Quách-Tử không hỏi nữa.

Trang-tử nói: “Lời hỏi của ông, không đi đến đâu cả. Nó giống cách người giám-thị dùng để trị-giá heo: mỗi lần đập trên lưng heo là mỗi lần ấn mạnh càng xuống thêm. Ông đừng có chỉ hấn vào một vật nào có Nó, vì không có vật nào là không có Nó. Đạo là thế, mà lời nói cao cả cũng thế. Như ba tiếng này: “đều”, “cùng”, “cả thảy” tuy danh từ gọi có khác, mà tựu trung đều hàm cùng một ý.”

*

Đạo là Nguyên-Lý tuyệt đối sinh ra Trời Đất Vạn-vật. Cho nên hẳn có Vật, tức là có Đạo, nghĩa là “*không có chỗ nào là không có Đạo*”.

*

Thiên Đại-Tông-Sư nói: “*Kìa Đạo thì có tình, có tin, không làm, không hiện, có thể nhận được mà không thể thấy được. Đạo thì tự bản tự căn, khi chưa có Trời Đất vốn đã tồn tại từ xưa. Nó làm ra các đấng thiêng liêng quý thần, cùng Thượng đế; Nó sinh ra Trời, Đất; Nó ở trước Thái Cực mà không xem là cao, ở dưới lục-cực mà chẳng thấy là sâu; Nó sinh trước Trời Đất mà chẳng gọi là lâu, dài hơn Thượng Cổ mà chẳng gọi là già*”. (Phù Đạo hữu tình, hữu tín, vô vi vô hình; khả truyền nhi bất khả thụ, khả đắc nhi bất khả kiến; tự bản tự căn, vị hữu thiên địa, tự cổ dĩ có tồn; thần quý thần đế, sinh thiên sinh địa, tại thái cực chi tiên nhi bất vi cao, tại lục cực nhi hạ chi bất vi thâm, tiên thiên địa sinh nhi bất vi cửu, trường ứ thượng cổ nhi bất vi lão)

Đạo là Nguyên-lý sinh ra Trời Đất Vạn-Vật nên gọi là “*tự bản tự căn*”, nghĩa là tự mình là gốc, là rễ của mình, chứ không phải do một gốc hay một rễ nào khác ngoài mình tạo ra. Đạo cũng là “*vô thủy vô chung*”, “*thường tồn bất biến*” và vạn vật dựa vào đó mà sinh sinh không dừng vậy.

*

Đạo, như ta đã thấy, biểu-hiện nơi vạn sự vạn vật, bởi vậy, không sự vật nào là không có cái tính “*tự sinh*”, “*tự trưởng*”, “*tự hủy*”, “*tự diệt*” của nó. Như thế, ta có thể nói rằng sự “*tự sinh, tự trưởng, tự hủy, tự diệt*” của vạn-sự vạn vật chính là những hành động “*tự vi, tự hóa*” của mỗi sự vật trong đời, mà ta cũng có thể gọi đó là “*chỗ tác-vi của Đạo*” mà không sai, vì “*không có vật nào là không có Đạo*” ở trong cả. Hai chữ “*tự-hóa*” của Trang, chính là thuyết “*vô-vi nhi vô bất vi*” của Lão-tử.

*

Còn quan niệm về chữ *Đức* của Trang-tử như thế nào?

Thiên Thiên-Địa có nói: “*Thuở thái-sơ của Trời Đất thì đã có cái Vô. Cái Vô ấy không có tên, và là nơi phát sinh ra cái Một, nhưng cái Một ấy cũng chưa có hình. Khi mà vạn vật được cái Một ấy^[vii] cái đó gọi là Đức*”. “Thái sơ hữu Vô, Vô hữu Vô danh. Nhất chi sở khởi, hữu Nhất nhi vị hình. Vật đắc dĩ sinh, vị chi Đức.”

Trong câu “*thái sơ hữu Vô*”, chữ Vô đây là chỉ về Đạo. Câu “*nhất chi sở khởi*” của Trang-tử “*Vô là chỗ phát sinh ra cái Một*” thì đồng với câu “*Đạo sinh Nhất*” của Lão-tử trong *Đạo-Đức-Kinh*. Còn Đức tức là chỗ mà “*vật đắc dĩ sinh*” (vật nhận được mà sống). Cho nên mới nói “*Đức là chỗ “tự đắc” của con người*”. “*Tự đắc*” là tự mình đã được của Tạo Hóa, của Tự-nhiên, của Đạo^[viii]. Hay nói một cách khác: Đức là cái Đạo biểu hiện nơi mỗi người mỗi vật, là những năng khiếu tự nhiên, không vậy không được, của mọi sự vật trên đời.

Đạo và Đức, tuy danh từ dùng để gọi có khác, nhưng vẫn là Một. Có kẻ đã ví Đạo như nước. Nước ở sông, biển, ao, hồ... cũng như ở bầu tròn, ống thẳng, dù có hình thức động tịnh khác nhau, nhưng đâu đâu cũng là nước cả.

B. THUYẾT THIÊN-QUÂN

Trang-tử, trong thiên Tề-Vật-Luận, dùng hai chữ *Thiên-Quân* để chỉ cái tác dụng của Đạo, là có ý chỉ cho ta thấy nó là một thứ *triết học biến động* nghĩa là “*vận hành bất tức*”

“*Quân*” là cái bánh xe quay tròn mà người thợ nung dùng để chế tạo những đồ vật có hình tròn. Chữ “*Thiên-Quân*” lại có chỗ viết là có ý nói

về sự quân-bình, tùy cái bánh xe lưu chuyển, vòng bán kính của bánh xe bao giờ cũng bằng nhau, tự nhiên luôn luôn vẫn quân bình. Ở thiên Ngụ-Ngôn có nói: “*Vạn vật đều là một giống cả, không cùng hình mà thay nhau, trước sau như những cái vòng tròn, không thể phân biệt luân loại. Nên gọi là Thiên-quân. Thiên-quân, là Thiên-Nghê*”. “Vạn vật giai chủng dã, dĩ bất đồng hình tương thiện thủy tốt nhược hoàn, mặc đặc kỳ luân. Thị vị Thiên-quân. Thiên-quân giả, Thiên-Nghê dã”.

Thiên Thiên Địa lại nói: “*Trời Đất tuy lớn, mà sự biến hóa đều quân bình cả*” (Thiên địa tuy đại, kỳ hóa quân dã.)

Như thế thì, *Thiên-quân* của Trang-tử là nói về sự đáp đối nhau của các giống vật mà biến hóa, “đồng hình” biến làm “bất đồng hình”. Nhưng ở đâu mà lại, rồi sẽ đi đến đâu, thời sau cùng cũng không biết đâu là manh mối. Sự biến hóa giống như cái bánh xe quay tròn, nên gọi là *Thiên-quân*.

*

C. THUYẾT VẠN-HÓA

Cứ theo phép ấy thì sự biến thiên của các giống vật đều không có mục đích, không có phương hướng... con đường đó của vạn sự vạn vật là một cái vòng tròn: “*châu nhi phục thủy*”, chứ không phải là một con đường thẳng đi đến một mục tiêu nào. Trang-tử không chủ trương Tiến-hóa, mà chủ trương *Vạn hóa*, hay là *Tự-hóa*.

Thiên Thu-Thủy nói: “*Vạn-vật sinh ra, như đuổi như chạy; hệ động là có biến, không lúc nào mà không xê dịch. Sao lại như thế, mà sao lại chẳng như thế? Ấy là vì cái lẽ “tự hóa” vậy!* (Vật chi sinh giả, nhược sâu nhược

tri, vô động nhi bất biến, vô thời nhi bất di, hà vi hồ, hà bất vi hồ. Phù có tương tự hóa).

Thiên Tại-Hựu nói: *“Anh hãy chỉ cứ ngồi đây, không cần làm gì cả mà vạn vật tự hóa... vạn vật phồn thịnh, giống nào cũng trở lại nguồn gốc của mình. Vật nào cũng trở lại gốc của mình mà không biết”*. Trong câu văn này, quan trọng nhất là ở chữ *“Phục”*.

Ở thiên Thiên-Thụy trong sách Liệt-tử cũng có câu nói: *“Tự sinh, tự hóa, tự có hình, tự có sắc, tự có trí, tự có lực, tự giảm, tự tăng”*. Thế là đều *“tự nhiên nhi nhiên”*, *“bất kỳ nhiên nhi nhiên”*, không có sự nhất định phải bảo tồn những hình thức cá biệt nào có ích, tiêu diệt những hình thức cá biệt nào có hại như cách tác dụng của luật *Thiên-trạch*^[ix] có mục đích, có phương hướng của thuyết Tiên-hóa Tây phương^[x].

Sở dĩ Trang-tử không chủ trương *Tiến-hóa*, mà lại chủ trương *Vạn-Hóa* là vì theo sự nhận xét của ông, ông cho rằng *không thể nào xét biết được lẽ chung thủy của Đạo, nghĩa là không thể nào biết được rằng Đạo bắt đầu như thế nào, và sự cùng tận của nó như thế nào*. Như vậy, thì làm thế nào mà nhận thấy được cái phương hướng của nó theo chiều nào mà chủ trương *Tiến-hóa* được? *Tiến-hóa* chỉ là một ức thuyết của Tào-Hóa, trong khi sự thật *Trời Đất không thể biết đâu là khởi điểm, đâu là cùng tận, mà chỉ là một cái “vòng tròn”* (Thiên-Quân).

Thiên Tác-Dương nói: *“Vạn vật có sống mà không thấy đâu là cái gốc của nó, có chỗ xuất ra mà không thấy đâu là cái cửa của nó”*. Lại nói: *“Người xét Đạo, không theo cho đến chỗ đã phé, cũng không suy cho đến chỗ chưa khởi: hễ bàn đến nó là phải thôi đi. Ta xét cái gốc của nó, ta thấy nó đi đến vô cùng, ta cầu đến cái ngọn của nó, ta lại thấy nó không bao giờ dứt. Không cùng, không dứt, thì còn bàn nói vào đâu được nữa. Vật, thì cũng một lẽ đó”*.

Ở thiên Sơn-Mộc cũng nói: *“Hóa muôn vật mà không biết nó thay đổi như thế nào, thời biết nó bắt đầu ra làm sao, mà cùng tận ra làm sao?”*

*

Đối với *nhân-sự* cũng thế: phải biến thành quấy, quấy biến thành phải... không biết đâu là khởi điểm, không biết đâu là cùng tận... như trên một cái “vòng tròn”; Lớn; Nhỏ; Sanh; Tử; Dài; Ngắn; Có; Không; Cao; Thấp; Thành Hoại đều không sao phân biệt được^[xi], không sao biết được đâu là chỗ khởi đầu của nó.

Thiên Thu-Thủy nói: “*Lấy Đạo mà xem thì vật không có chi gọi là quý, là tiện, là ít, là nhiều cả. Chỉ có Một mà thôi. Lấy chỗ sai biệt mà xét, nhận thấy lớn mà cho là lớn, thì vạn vật không vật nào là không lớn, nhận thấy nhỏ mà cho là nhỏ, thì vạn vật không vật nào là không nhỏ... Lấy xu hướng mà xét, nhận cho phải là phải, thì vạn vật không vật gì là không phải, nhận cho quấy là quấy, thì vạn vật không vật gì là không quấy.*”

Thiên Đức-Sung-Phù nói: “*Lấy chỗ khác nhau mà xét, thì gan và mật cách nhau như nước Sở nước Việt, nhưng mà lấy chỗ tổng mà xét, thì vạn vật đều là Một cả*”.

Cứ đem cái thuyết *Tương đối* (relativisme) ngày nay mà xem, ta sẽ thấy cũng không xa gì những điều nhận xét trên đây của Trang-tử. Theo *Tương-đối-luận* thì quyết không có gì là cao, là thấp tuyệt đối; không có gì là dài, là ngắn tuyệt đối; không có gì là lớn, là nhỏ tuyệt đối: những tiếng như “thành”, “hủy”, “quý”, “tiện”, “thị”, “phi”, “hữu”, “vô” toàn là những danh-từ tương đối, không phải là tuyệt đối. Cho nên cho rằng Trang-tử là tị-tỏ của thuyết “tương đối” không phải là quá đáng.

Cái luật *Thiên-Quân* của Trang-tử lại bao hàm cả con người trong đó: “*Cho nên Thánh-nhân hòa lẽ Thị-phi, và rút cuộc ở trong Thiên-Quân*”.

Thiên Đại-Tông-Sư nói: “*Như cái hình của người ta, thật là biến hóa muôn lần, mà chưa thấy đâu là cùng tận vậy*”. Lại cũng nói: “*Giá như cánh tay trái tôi hóa làm con gà, thì tôi sẽ nhân đó mà gáy canh. Giá như lại hóa cánh tay phải tôi làm hòn đạn, tôi sẽ nhân đó mà kiếm chim quay; giá như lại hóa cái xương cùn của tôi làm bánh xe, lấy cái thân hôn tôi làm con ngựa, thì tôi sẽ nhân đó mà cười lên, há còn phải đợi xe ngựa nào nữa!... “Lớn lao thay! Tạo hóa muốn anh làm vật gì bây giờ? Muốn đi đến đâu bây giờ? Hay là biến anh làm gan con chuột? Hay làm cánh trùng?” (...)* “*Nay có người thợ đúc vàng, vàng nhảy lên đòi: tôi muốn được làm*

thanh gươm mặc-da, người thợ đúc tất cho nó là vàng quái gở. Nay có kẻ ngẫu nhiên muốn được hình người, nhảy lên nói: Tôi muốn làm người... tạo hóa tất cho người ấy là người quái gở. Nay lấy Trời Đất làm lò lớn, Tạo-hóa làm người thợ đúc lớn, thời tha hồ muốn biến hóa ra sao thì biến hóa, đâu mà chẳng được.”

Loài người biến hóa vô cùng, nhưng không có phương hướng nào nhất định cả: Phàm vật, hễ “*cùng tắc phản*” “*chung tắc thủy*” loay quay mãi theo “*vòng tròn*” vô tận.

Tuy Trang-tử chủ trương “*tự hóa*” và “*vạn hóa*”, không chủ trương sự biến hóa có phương hướng như thuyết “*luân hồi*” của Phật giáo tiêu-thừa, hay thuyết “*thiên trạch*” của Đạt-Quynh (Darwin), nhưng lại nói đến sự biến hóa theo một cái “*Cơ*”. Thiên Chí-Lạc nói: “*Các giống đều có Cơ*” và kết luận rằng: “*Vạn vật đều ra nơi Cơ, và vào nơi Cơ*”. Theo Trang-tử thì “*Cơ*” là cái nguồn gốc của sự biến đổi, và rút lại, quy kết vào hai chữ “*đức tính*”.

Lấy theo thuyết *Thiên-Quân* mà xét việc đời thì thấy các sự vật đều chẳng chịt dính lú với nhau, nhân rồi quả, quả rồi nhân tiếp tục nhau không biết đâu là khởi điểm, đâu là cùng tận, như trên một cái “*vòng tròn*”.

Để chỉ sự phức tạp trong các mối quan hệ, thiên Sơn-Mộc nói: “*Trang-Châu đi chơi ở rừng Diêu-Lãng, thấy một con chim tước lạ ở phương Nam lại, cánh rộng bảy thước, mắt tròn một tác, đứng ở trán Châu mà đậu ở bụi cây lật. Trang-Châu nói: chim này là chim gì vậy? Cánh to mà không bay, mắt lớn mà không nhìn. Bèn dùng dằng dừng bước, lấy đạn ra nhắm bắn. Bỗng thấy một con ve, vừa được bóng mắt mà quên cả thân. Một con bọ ngựa, lấy lá che thân, chồm đến muốn bắt lấy mà quên cả thân. Còn phía sau, con tước đang vỗ bắt nó mà quên cả thân mình...*

Trang-Châu giật mình: Ôi! Giống vật vốn làm lụy nhau... hai loài như gọi lẫn nhau.

Rồi bỏ viên đạn mà chạy trở về...”

Xem đó, tuy là một câu chuyện ngụ ngôn, nhưng mà ý vị sâu sắc miêu tả được những mối quan hệ trong vũ trụ phức tạp là chừng nào, thật là điều khó thể tư-nghị được.

Trang-tử nói: “*Bớt, thêm; đầy, vơi; một tối, một sáng*” là muốn bảo luật Thiên-Quân bao-quát cả hai cõi tối, sáng ấy. Câu nói này của Liệt-tử: “*một vật thể, khi đầy, khi vơi, khi thêm, khi bớt, khi sáng, khi tối đều có cảm thông với Trời, Đất, ứng với vật loại*” có thể bao-quát và cai quản cả cái luật Thiên-Quân.

Theo luật Tiên-hóa, hay tử-trạch thì các giống vật càng biến, càng không bình đẳng. Còn theo luật Thiên-quân thì các giống vật càng biến lại càng theo về bình đẳng, dù cho hình chất không bình đẳng, địa vị không bình đẳng mà Tánh và Phận vẫn bình đẳng. (Xem Tiêu-Diêu-Du và Tề-Vật-Luận).

Đó là sự phân biệt quan trọng nhất trong hai thuyết Tiên-hóa và Vạn-hóa.

*

Tóm lại, ta có thể lấy câu này của Trang-tử để chỉ luật Thiên-Quân “*trước sau như cái vòng*”.

*

Với hai chữ “*tự hóa*”, Trang-tử không thừa nhận có một “Đấng tạo hóa” đứng ngoài và làm chúa tể Vũ Trụ Vạn Vật, mà lại cho rằng ngay ở mỗi vật, từ cực nhỏ tới cực lớn, đều có cái sức “*tự sinh*”, “*tự hóa*” có thể được xem như một đấng “*tiểu tạo hóa*” hay “*tiểu hóa công*”. Cho nên trong thiên Tề-Vật-Luận mới nói: “*Trời Đất cùng ta đồng sinh, vạn vật cùng ta đồng nhất*”. Vạn vật đồng nhất thể, đó là danh từ tổng quát để chỉ Vũ-trụ-quan của Trang-tử.

Thuyết Vạn-hóa Thiên-quân của Trang-tử, như trên đây đã nói có thể tượng trưng bằng một cái “*Vòng ốc*” không thể lẫn lộn với thuyết Luân-Hồi của Nhà Phật (tiêu-thừa).

Thuyết Luân-Hồi của Phật-giáo tiểu thừa, tựu trung là một hình thức của thuyết Tiến Hóa, cho nên người ta quan trọng về vấn đề quả trị cao thấp: một ảo vọng của Bản Ngã. Vì vậy, đứng về phương diện Giải thoát, thì thuyết Luân-Hồi phải thua xa thuyết Vạn-Hóa Bình-đẳng của Trang-tử.

Thật vậy, con người sở dĩ nô lệ, là vì còn bị cái *Sợ* chi phối tinh thần. *Sợ* đủ thứ, nhưng cái đáng sợ nhất của con người là sợ chết, và cái cảnh sau khi chết. Thuyết Luân-Hồi của tiểu thừa Phật giáo an ủi được lòng thắc mắc băn khoăn ấy, và bảo đảm được rằng loài người sẽ tiến mãi: hết loài thú, đến loài người, rồi đến loài tiên, loài phật... Con người càng “tiến” chừng nào, thì lòng khao khát lên “cao” lại càng tăng và lòng “nô lệ”, ngời vị đẳng cấp sẽ càng nặng chừng ấy, nghĩa là lòng giải thoát cái *Sợ* sẽ không bao giờ giảm bớt và dứt được.

Trái lại, với thuyết Bình-đẳng của Trang-tử, căn cứ vào thuyết Vạn-hóa Thiên-Quân cho rằng người là Đạo, người mà thực hiện được cái Đạo nơi mình rồi, thì nó sẽ “*tự sinh*”, “*tự hóa*” như Trời Đất, nên “toàn mãn” mà không còn cái bụng đèo bè tham muốn những gì khác ngoài cái Tánh-Phận của mình nữa: “*Vạn vật dữ ngã đồng nhất*”. Miễn giữ gìn được Thiên-chân, ngoài ra cuộc đời hãy nên xử như “*Trang-Châu hóa bướm*”. Trang-Châu chiêm bao thấy mình là Bướm. Trong khi làm bướm, quên lưng mình là người, và vi thích với phận bướm. Nếu đứng theo Trang-Châu mà luận, và thử hỏi Trang-Châu có chịu đổi cái kiếp người của mình để làm phận con bướm, thì Trang-Châu ắt không chịu. Nhưng, nếu đứng theo con bướm mà xem, và xin đem đổi cái kiếp con bướm làm phận con người như Trang-Châu, ắt con bướm cũng không muốn. Làm Người chưa ắt là vui hơn làm Vật, và như thế Vật và Ta là bình đẳng vậy. “*Giá cánh tay trái ta là con gà, thì ta nhân đó mà gáy canh...*” Mình là Đạo, thì Đạo nơi ta hóa ra cái gì thì hóa, sao mà phải lo sợ? Ta có thể tự nói với mình: “*Lớn lao thay! Tào hóa nơi ta. Người muốn ta đi đến đâu bây giờ? Hay là người muốn biến ta làm gan con chuột, hay làm cánh trùng?*” Với một nhân-sinh-quan như thế, thì làm gì còn nô lệ lấy những cái sợ hãi huyền để mà tranh giành Cao Thấp, Lớn Nhỏ, Vinh Nhục...? Cho nên giải thoát tinh thần con người khỏi cái “*sợ*” thiên niên giam hãm đời mình trong dục vọng và bóng tối, quả thuyết Luân-hồi của Phật giáo tiểu thừa phải kém xa thuyết Thiên-Quân Vạn-Hóa của Trang-tử, nếu không nói rằng bất-lực.

*

D. HẠNH-PHÚC CÁ-NHÂN VÀ XÃ-HỘI

Trang-tử cho rằng *“hết thấy vạn vật đều do Đạo mà ra, và mỗi vật đều có cái Đức của nó, nghĩa là, hết thấy vạn vật, mỗi vật đều có cái tánh tự nhiên của nó. Nếu biết thuận theo tánh tự nhiên mà sống, thì hạnh phúc có ngay trong lúc đó, không phải cầu cạnh đâu khác ở ngoài.”*

Được phát triển tự do bản tánh là điều kiện đầu tiên đưa ta đến hạnh phúc, một thứ hạnh phúc tương đối dĩ nhiên. Muốn đạt đến Hạnh phúc tuyệt đối phải cần đến một thứ tri thức siêu nhiên huyền diệu hơn, tức là cái mà Lão-tử gọi *“tri bất tri, thượng”*.

Thường thì, sở dĩ bản tánh con người không được tự do phát triển là do sự ràng buộc, uốn nắn của chế độ, giáo dục, luân lý giả tạo của xã hội bên ngoài. Bởi vậy Trang-học, cũng như Lão-học hết sức phản đối nhân tạo mà đề cao cái sống cận với thiên nhiên.

Ở thiên Thu-Thủy Trang-tử nói: *“Thiên tại nội, nhơn tại ngoại (...) Ngưu mã tứ túc thị vi Thiên; lạc mã thủ, xuyên ngưu tĩ thị vi Nhơn” (Trời ở bên trong, người ở bên ngoài (...) Bò ngựa bốn chân, đó là Trời, khớp đầu ngựa, xỏ mũi bò, đó là Người)* ông lại nói: *“Chớ lấy Người mà giết Trời! Chớ lấy nhân tạo mà giết Thiên Mạng! Chớ lấy Được mà chết theo danh! Giữ cẩn thận, đừng làm mất Thiên chân! đó là trở về cái Chân của mình!”*

*

“*Trở về cái Chân của mình!*” (“*phản kỳ chân*”) hay là “*phục kỳ bốn*” tức là đạo Giải thoát: trở về Bản tánh như Nhà Phật khuyên ta “*minh tâm, kiên tánh*” vậy. Cho nên, không thể hiểu một cách quá giản lược và sai ngoa rằng thuyết “*thuận Thiên, an Mạng*” của ông là thái độ tiêu cực, nhu nhược, phó mặc cho số phận mà xã hội đã an bài cho ta, ra sao hay vậy. “*Trở về cái Chân của mình*” phải là một cuộc đại-cách-mạng mới thoát khỏi gọng kềm xã hội càng ngày càng phủ lấp và mai một Thiên-Chân. Cho nên Trang-tử mới khuyên ta: “*Chớ có lấy cái Ta xã hội, cái Ta nhân tạo do luân lý, giáo dục, chế độ cấu thành mà giết chết Thiên-tính!*” (Vô dĩ Nhơn diệt Thiên)

*

Vạn vật, vật nào cũng có cái tánh tự nhiên của nó, và nói về năng khiếu tự nhiên thì không vật nào là giống vật nào cả. Có điều là, nếu mỗi vật, vật nào cũng được phát triển tự do năng khiếu tự nhiên của mình thì vật ấy được ngay hạnh phúc.

Trong thiên Tiêu-Diêu-Du, Trang-tử mượn có tạo ra một vật cực đại (là cá Côn, chim Bằng) và vật cực tiểu (con ve và con cừu) để chứng minh rằng năng khiếu tự nhiên của mỗi vật hoàn toàn khác nhau. Vật cực đại như chim Bằng, mỗi khi muốn đến biển Nam phải “*đập trên mặt nước ba nghìn dặm dài, lên theo gió trốt chín muôn dặm cao, và bay trọn sáu tháng không nghỉ*” (...) “*Con chim cừu và con ve, thấy vậy, cười nói: Ta thích bay vút lên cây du, cây phượng... nếu có lúc bay không tới mà có rớt xuống đất thì cũng không sao. Sao lại phải lên chi tới chín muôn dặm cao, bay qua biển Nam mà làm gì?*”

Nếu mỗi vật đều biết đủ với Tánh Trời của mình, thì tuy Đại Bằng, không xem mình là cao quý hơn chim nhỏ mà tự cao, mà chim nhỏ như chim cừu cũng không xem mình là thấp hèn mà đèo bòng ham muốn đến Ao Trời làm gì như chim Bằng! Lớn, nhỏ tuy khác nhau, nhưng mỗi vật nếu biết thuận theo cái tánh tự nhiên của mình, biết an theo cái phận của mình, thì đều được tiêu diêu (tự do) không sai cả.

Sự vật trên đời không giống nhau, nhưng cũng không nên cầu cho hết thảy đều giống với nhau. Là vì không thể nào cầu cho được. Sự bình đẳng

tự nhiên không có và không bao giờ có trên đời này. Thiên Biên-Mẫu có nói: “*Căng vệt thì ngắn, cố mà nối dài, nó khổ. Dò hạc thì dài, cố mà làm cho ngắn, nó đau. Cho nên Tánh mà dài, không phải cái nên chặt bớt; tánh mà ngắn, không phải cái nên kéo dài, thì sao có đau khổ!*”

*

D. QUAN NIỆM VỀ XÃ-HỘI VÀ CHÍNH-TRỊ

“*Đừng mong kéo căng vệt cho dài, thu dò hạc ngắn lại*” nhưng đó lại là công việc làm của các nhà xã hội chính trị “hữu vi” từ ngàn xưa vậy.

Mục tiêu chính của các nhà làm luật pháp, các luân lý gia, các chế độ chính trị... phải chăng đều có tham vọng san bằng mọi cá tính đặc biệt, bình đẳng hóa tất cả mọi bất bình đẳng tự nhiên trong thiên hạ... biến mỗi cá nhân thành một con người sống theo xã hội, theo chế độ, “*thích theo cái thích của mọi người mà không biết thích theo cái thích của mình*”^[xii]

Theo Trang-tử, *Tánh* (tự nhiên) của vạn vật, thì không đồng nhau: mỗi vật đều có chỗ nhận cho là đẹp, là hay, là phải, riêng của vật ấy. Cho nên không cần phải cưỡng ép cho tất cả đều đồng nhau, mà cũng không sao cưỡng ép cho đồng được. Chỗ không đồng của vạn vật, ta phải biết nhận lãnh nó, biết “chịu” nó, đó tức là dùng chỗ “không đồng” mà làm cho “đồng” vậy. Trái lại tất cả mọi chế độ chính trị, xã hội theo hữu vi đều định ra “*một cái tốt*” để làm tiêu-chuẩn chung cho mọi tư tưởng hành vi, khiến người người đều phải theo nó mà hành động. Đó là ép những chỗ không đồng phải đồng nhau. Yêu, mà yêu theo chỗ thích riêng của mình, là làm đau khổ cho vật mình yêu vậy. Cho nên các bậc thánh nhân lập ra “*quy củ chuẩn thẳng*” cùng các thứ quy tắc chế độ để định chế chánh trị xã hội,

khiến cho người người trong thiên hạ đều phải phục tùng theo, chỗ dụng tâm, tuy chưa phải là không có lý do chánh đáng và tốt đẹp, và chỗ dụng ý tuy không phải là không thực yêu người... nhưng, kết quả thì lại như Lỗ-Hầu nuôi chim...

“Xưa kia, có con chim biển đậu ở cửa thành nước Lỗ... Lỗ hầu ngự ra ra nghênh tiếp, rước về chuốc rượu ở đền Thái-miếu, cho tấu nhạc Cửu thiều cho nó vui, giết trâu bò mời nó ăn... Chim ấy ngó dớn dác, bộ sậu bi không dám ăn, dám uống. Cách ba hôm thì chết. Đó là dùng cách nuôi người mà nuôi chim. Nếu như muốn dùng cách nuôi chim mà nuôi chim, thì phải để cho nó đậu ở rừng sâu, dạo ngoài gò đất, trôi nổi sông hồ, kiếm ăn lươn cá, đỗ theo hàng liệt, ung dung tự đắc, thích đâu ở đó. Cứ nghe người nói là nó không ưa rồi, lựa là còn đem tiếng nhạc mà làm cho nó kinh tâm. Nếu đem nhạc Hàm trì, Cửu thiều mà đánh lên ở Động-đình, thì chim nghe phải bay, thú nghe phải chạy, cá nghe phải lặn... nhưng người ta thì lại kéo nhau đến đó mà nghe. Cá ở dưới nước thì sống, người ở dưới nước thì chết. Đó và đây đã khác nhau, thì sự ưa ghét cũng khác nhau. Bởi vậy, bậc thánh ngày xưa không giống nhau về sở năng, nên không đồng nhau về sự nghiệp”. (Chí-Lạc)

Như vậy, ta thấy rằng không phải Lỗ Hầu không có thiện ý, nhưng kết quả thì lại khác hẳn với ý muốn của mình: hại mà không có lợi. Đó cũng là hậu quả của những kẻ muốn dùng luật pháp, luân lý để mà điền chế tư tưởng hành vi của thiên hạ.

Bởi thế, Trang-học cực lực phản đối cái cách “*lấy trị mà trị thiên hạ*” (dĩ trị, trị thiên hạ). Muốn khiến cho thiên hạ được trị, không chỉ bằng “*lấy sự không trị, mà trị thiên hạ*” (dĩ bất trị, trị thiên hạ). Thiên Tại-Hựu nói: “*Ta nghe phòng và giữ thiên hạ, chứ không nghe chuyện trị thiên hạ. Phòng, là sợ thiên hạ đăm đuổi mà mất tánh; giữ là sợ thiên hạ dờn đổi mà mất đức. Thiên hạ mà không đăm đuổi đến mất Tánh, không dờn đổi đến mất Đức, thì sao lại có chuyện trị thiên hạ?*” Dù sao đi nữa, bất đắc dĩ mà phải dùng đến luật pháp, luân lý, chính trị, chế độ... thì luật pháp, luân-lý, chính trị, chế độ cũng phải có mục đích duy nhất này là phụng sự cho cá nhân, chứ không được đem “*Người mà giết Trời, đem nhân tạo mà giết thiên nhiên...*”

Lão-tử và Trang-tử đều chủ trương “*Vô vi nhi trị*”, một chế độ không có chế độ, một chánh thể không có chánh thể, nhưng mỗi người theo những lý do riêng.

Lão-tử thì nhấn mạnh về Đạo, và vấn đề phản-phục: “*Phản giả Đạo chi động*”. Còn Trang-tử thì nhấn mạnh về sự phân biệt giữa thiên nhiên và nhân tạo: “*Người không được giết Trời, nhân tạo không được lấn thiên nhiên*”, vì làm thế là làm cho nhân dân thống khổ: không phát triển được tự do Bản tánh của mình.

*

E. VẤN ĐỀ HẠNH-PHÚC TƯƠNG ĐỐI VÀ TUYỆT ĐỐI

Cái hạnh phúc nói trên đây, chỉ là một thứ hạnh phúc tương đối, vì nó còn phải có điều kiện, nghĩa là còn phải tùy thuộc vào cái gì. Thật vậy, người ta sở dĩ có được hạnh phúc là khi nào được tự do sống theo bản tánh của mình.

Như vậy, xã hội, chế độ... như đã nói trên, chỉ là một trong những điều kiện không thuận tiện cho sự phát triển tự do bản tánh con người trên con đường hạnh phúc.

Cũng có nhiều trở ngại khác không kém quan trọng khiến cho ta khó thực hiện được hạnh phúc, là vấn đề “*lão*”, “*bệnh*”, và “*tử*”. Như vậy, ta thấy rằng Phật giáo không phải là không có lý, khi họ đề xướng thuyết “*sanh, lão, bệnh, tử: khổ*” người tự do không những không bị ràng buộc về pháp luật, luân lý, chế độ, xã hội bên ngoài, mà cũng là người không còn sợ già, sợ bệnh, sợ chết nữa.

Già không đáng sợ. Đáng sợ là nên sợ cái già mà đầy bệnh tật. Vì vậy, người ta muốn được hạnh phúc, cũng phải biết lo đến phép dưỡng sinh. Người mạnh khỏe không sợ già, cũng không sợ chết nữa. Trong mọi tai họa, tai họa đáng sợ nhất của con người là tật-bệnh. Người hay đau yếu, bệnh tật là người dễ sa vào ích kỷ: thường sẵn sóc sấm soi đến thân thể nên dễ đem lòng quyến luyến và yêu thương. Lão-tử cũng đã có nói: “*Ngô sở dĩ hữu đại hoạn giả, vi ngô hữu thân. Cập ngô vô thân, ngô hữu hà hoạn!*” (Chương 13 Đạo-Đức-Kinh). Cho nên, dưỡng sinh là thuật làm cho mình luôn luôn mạnh khỏe, để mà không có cơ hội thiết tha nghĩ đến thân thể của mình.

Người xưa có nói: “*Một thân thể không đau, một tinh thần không loạn, đó là chân hạnh phúc của con người*”. Có được một thân thể không đau, thì tinh thần mới không loạn; nhưng thường khi, nhờ có một tinh thần không loạn, mới có được một thân thể không đau. Đó là hai điều không thể rời nhau: ảnh hưởng của vật chất đối với tinh thần và ảnh hưởng của tinh thần đối với vật chất. Nhưng bàn về phần cao nhất của phép dưỡng sinh thì người Đông phương coi trọng phần ảnh hưởng của tinh thần hơn.

*“Điềm đạm hư vô,
Chân khí từng chi,
Tinh thần nội thủ,
Bệnh an từng lai.”*

(Hoàng-Đế Nội-Kinh)
(Chương Đạo-Sinh)
Thượng-Cổ Thiên-chân luận

*

Ở thiên Dưỡng-sinh-Chủ, Trang-tử nói: “Ngô sinh dã hữu nhai, nhi tri dã vô nhai. Dĩ hữu nhai tùy vô nhai, dĩ dĩ!” (*Sinh lực của ta thì có hạn, mà nỗi lo nghĩ ưu lự thì vô hạn, là nguy vậy!*). Vì vậy mà phép dưỡng sinh chiếm địa vị khá quan trọng trong học thuyết Trang-tử và về sau phái Đạo gia lại khai thác nó lập ra thành một học phái đặc biệt là phái “*trường sinh cứu thị*”.

*

Nhưng, mỗi bữa khoăn lo sợ nhất làm cho con người thương-sinh^[xiii] và đã biến con người thành con vật đau khổ nhất đời là lòng ham sống sợ chết (tham sinh úy tử).

Ta hãy nhìn kỹ chung quanh, xem sự bành trướng mạnh mẽ của tôn giáo thì đủ rõ vấn đề sinh tử là quan trọng đến bậc nào! Người hoàn toàn tự do là người thoát khỏi cái tâm trạng “tham sinh úy tử”, người biết nhìn thấy sinh tử là Một. Sự băn khoăn lo sợ sự sống chết sẽ giảm được hoặc dứt đi nếu ta *hiểu rõ được cái lý của sống chết. Đó là cái phép “lấy Lý mà hóa Tình” của Trang-tử.*

*

Thiên Dưỡng-sinh-chủ nói: “*Lão Đam chết. Tàn Thất đến điếu, khóc ba tiếng, rồi đi ra. Đệ tử hỏi: Ông không phải là bạn của phu tử hay sao?*”

- *Phải.*

- *Vậy thì, điếu như thế là phải hay sao?*

- *Phải. Trước kia ta xem Lão Đam là bạn ta. Nay xem lại đó, thì không phải nữa. Lúc ta vào điếu, thấy có già khóc đó như cha khóc con; trẻ khóc đó như con khóc mẹ. Đó là trốn thiên tánh, gia thêm tình và quên chỗ mình thọ lãnh của tạo hóa. Cổ nhơn gọi đó là hình-khổ của sự trốn thiên tánh. Phu tử vui mà đến, là thời; vui mà đi, là thuận. An thời xử thuận thì buồn vui làm sao vào đặng cõi lòng. Cổ nhơn gọi đó là “huyền giải”.*

Trong Trời Đất, chỉ có một cái “Sống”, cái “Sống” không sinh không tử. Sống Chết chỉ là cái hình thức của một cuộc biến hóa của cơ Đại Hóa của Trời Đất. Cái “Sống” ấy chính là cái mà Lão-tử gọi “*tử nhi bất vong giả thọ*” (chết mà không mất).

Hình thức này mà có mất đi, thì cái “Sống” ấy lại đi về một chỗ khác. Cũng như trong một thân cây, lá này rụng, thì cái sống trong lá cây “trở về” trong thân cây mà sanh ra lá khác, cùng hoa trái khác... cái mà ta gọi

là sống chết đây, chỉ là một sự “thành, hủy” của một trạng thái trong vạn hóa của Trời Đất Vạn vật mà thôi. Trang-tử đã ví sự sống chết như một bó củi “cột lại” và “mở ra”. Sinh là *Huyền*, tử là *Giải*. Huyền là cột lại, Giải là tháo ra.

Sống chết chẳng qua là “*một đi một lại*” nối tiếp nhau, còn cái Sống, tức là Chân-thể của ta, thì luôn luôn như thể mãi, không thay đổi.

Cái Sống của Chân thể, đối với hình thể của ta, ví như “lửa” mà đối với “củi”: từ hình thể này truyền qua hình thể kia như “lửa” truyền từ bó củi này sang bó củi kia: “*không khác nào hỏa cứ truyền mãi mà không tắt, cái sống truyền mãi mà không bao giờ tuyệt*”.

Chết, là từ một cảnh này, đổi qua một cảnh khác... Từ cảnh này đổi qua cảnh khác mà lo sợ, thì là một việc lo sợ hão như cảnh nàng Lê Cơ... “*Nàng Lê Cơ, con một vị quan trấn thủ phong cương xứ Ngại, gả về cho Vua nước Tần. Lúc xuất giá, rơi lụy đầm sâu. Khi tới hoàng cung, cùng Vua đồng sàng, ném mùi sô-hoạn, rồi nàng lại hỏi hận giọt lệ ngày xưa*” (Tề-Vật-Luận).

Chết mà lo sợ thì có khác nào ta sợ trước cái cảnh mà mình chưa biết. Biết đâu rằng, sau này ta lại giống như nàng Lê Cơ, sau khi đến hoàng cung bấy giờ lại hỏi hận giọt lệ ngày xưa mà không chịu trở về quê cũ. Nếu ta cho hình thức hiện có đây là đáng vui, thì sau khi chết, chỗ ta đứng hình thức mới khác, sao lại biết là không có chỗ đáng vui như bây giờ? Nghĩ lại lúc mà ta chưa là người như ngày nay, có lẽ lúc lia cảnh đó để sang qua cảnh đây, biết đâu ta cũng đã “rơi lụy đầm sâu”, quyến luyến dùng dằng, và cho sự thay đổi hoàn cảnh là một tai họa. Và hiện nay, nghĩ lại cái “giọt lệ ngày trước” ta cũng sẽ lấy làm hối hận. “*Trong muôn vàn hình thức của vạn vật, hình thức của người là một. Gặp được hình thức ấy, chưa đủ riêng vui với nó, bởi trong vô cực, chỗ “gặp mới” của vạn vật thì vô cùng... Một chỗ “gặp mới” như đây mà còn biết vui, há chỉ có một chỗ này mà thôi sao?*” Lời chú đây của Quách Tượng thật rõ ràng hết sức.

Hình thức con người là một trong muôn vàn hình thức của vạn vật. Như vậy, gặp hình thức nào cũng đáng vui mừng cả, há chỉ có hình thức con người đáng vui mừng mà thôi sao? “*Giả như cánh tay trái ta biến thành*

con gà thì ta nhân đó mà gáy canh. Giá như cánh tay mặt ta hóa làm hòn đạn thì ta nhân đó mà kiếm chim quay. Giá như hóa cái xương cùm của ta làm bánh xe, hóa thân hồn ta làm con ngựa thì ta nhân đó mà cưỡi, há còn đợi xe ngựa nào nữa? Và “đắc” là thời, “thất” là thuận. An thời xử thuận thì buồn vui làm sao vào đặng cõi lòng!” Vì vậy, bậc chân-nhân xưa “không ham sống, không ghét chết, ra không vui, vào không sợ, thản nhiên mà đến, thản nhiên mà đi”. (Đại-Tông-Sư).

“Xưa, Trang-Châu chiêm bao, thấy mình là bướm, vui phận làm bướm: tự nhiên thích chí không còn biết Châu. Chợt tỉnh giấc, thấy mình là Châu. Không biết Châu lúc chiêm bao là bướm, hay bướm lúc chiêm bao là Châu? Châu cùng bướm ắt có phận định” (Tề-Vật-Luận).

Bàn về vấn đề sinh tử mà lại dùng đến Thực và Mộng như chuyện *Trang-Châu mộng hồ-điệp* mà nói, thì thâm trầm sâu sắc không biết chừng nào! Thật là văn chương huyền-tướng lạ thường.

*

Theo Trang-tử, muốn trấn tĩnh lòng cảm xúc của con người trước vấn đề sinh tử, cũng như đối với tất cả mọi xúc cảm khác để làm cho ta thương sinh, thì phải dùng đến phép “*lấy Lý mà hóa Tình*”. Người trí thức, biết rõ được chân tướng của Vũ Trụ, biết được chỗ phát sinh của sự vật là việc tất nhiên... thì khi gặp việc sẽ không động cảm mà giữ được vẻ thản nhiên trầm tĩnh bên ngoài cũng như bên trong. Không động cảm, là không bị trói buộc, nghĩa là được tự do và hạnh phúc vậy. Tỉ như gió thổi ngói bay, rót nhằm một đứa trẻ hoặc một kẻ lớn. Đứa trẻ nóng giận, nguyên rủa và quy tội cho miếng ngói vô tình; còn kẻ lớn, trái lại, biết là không lỗi nơi đâu cả, cho nên không động cảm, không bực tức và nhờ đó mà chỗ đau cũng bớt đau. Là vì, trí thức của người lớn biết rõ cái lý do của miếng ngói rót, nên “*lấy Lý mà hóa Tình*”, “*buồn vui vì đó mà không vào đặng cõi lòng!*”

Trở lên là bàn đến hạnh phúc tương đối.

*

Còn muốn bàn đến hạnh-phúc tuyệt đối, thì phải bàn đến Tự-Do tuyệt đối.

Muốn đi đến hạnh phúc tuyệt đối, tức là Tự Do tuyệt đối, thì cần phải dùng đến một thứ tri thức siêu đẳng để mà đạt đến chỗ Huyền-đồng cùng vạn vật.

Thiên Tiêu-Diêu-Du, sau khi bàn về hạnh phúc tiêu diêu của chim Bằng, cũng như của chim cưu, có nói đến Liệt-tử cỡi gió mà đi... *“Liệt-tử cỡi gió mà đi, đi một cách êm ái nhẹ nhàng, đi trọn mười lăm hôm mới về. Đó sống trong chỗ chí phúc và người như ông dễ thường thấy có. Tuy khỏi phải đi, nhưng còn phải chờ...”* Chờ cái gì? Gió.

Như vậy, thì cái hạnh phúc của Liệt-tử cũng chưa được gọi là tuyệt đối, là vì còn phải tùy một điều kiện khác ở ngoài.

Chỉ có những ai *“thuận theo cái chánh của Trời Đất, nương theo cái biến của lục-khí mà rong chơi trong cõi vô cùng; thì đó đâu còn phải đợi cái gì nữa. Cho nên nói rằng: bậc chí nhân không thấy có mình, bậc thần nhân không nhớ đến công trạng của mình, bậc thánh nhân không nghĩ đến tên tuổi của mình.”* (Tiêu-Diêu-Du)

Trang-tử, trên đây, tả hạng người hoàn toàn giải thoát, tức là người đã đạt đến hạnh phúc tuyệt đối, bậc chí nhân đã *huyền-đồng cùng tạo vật, nên không còn thấy mình nữa*. Họ là người đã vượt lên trên những cặp mâu thuẫn mà thế nhân thường nhận thấy: phải quấy, vinh nhục, trước sau, cao thấp, lớn nhỏ, sanh tử... Họ là người đã giải quyết được sự mâu thuẫn to tát nhất nơi họ: tình và lý, tâm và trí, nội và ngoại, nhĩ ngã. Không còn thấy có “nhĩ”, tức là không còn thấy có “ngã”, họ là người đã đạt đến trạng thái “vô-ngã”. “Vô ngã”, nên cũng “vô-công” và “vô danh”.

Đã là “vô-kỷ”, “vô công”, “vô danh” nên họ đã là Một với Đạo. *“Đạo thì không làm mà không có gì là không làm”*. Và nhân đó mà hành động của họ không còn gọi là hành động của tư tâm tư dục nữa, mà là hành động của Đạo, của Chân-thế, của Vô-Ngã. Hành động ấy là hành động “Vô-vi” của Đạo nơi ta vậy.

*

Để đi đến sự Huyền-Đông, bậc Chân-nhân phải “*biết quên thị phi*” (tri vong thị phi).

Theo nghĩa thông thường của thế nhân thì “biết” là “biết” bằng sự phân biệt. Phải dứt bỏ lối nhận thức ấy để đi đến một thứ nhận thức siêu-đẳng khác mà các nhà Đạo-học gọi là “*tri bất tri, thượng*”^[xiv].

Phùng hữu Lan gọi đó là “*kinh nghiệm thuần túy*” tức là kinh nghiệm của Vô Tri Thức, và cũng là chỗ mà nhà Phật gọi là *Hiện-lượng, Thiên-định, Thiên-tọa*, và về sau phái Thần-tiên của Đạo-giáo gọi là *Tĩnh-tọa*. Thuần túy kinh nghiệm, là sự thực nghiệm Đạo ở bản thân, trong đó không còn cần đến suy luận, đối đãi... mà nhận thức trực tiếp Thực tại không chủ khách, không nội ngoại vì những cặp đối đãi ấy đã đồng nhất, và đã biến mất trong tâm mình rồi.

*

Thiên Đại-Tông-Sư có đoạn văn này:

“*Nhan Hôi nói: Hôi được thêm!*”

Trọng-Ni hỏi: Là nghĩa gì?

Nhan Hôi nói: Tôi quên Nhân Nghĩa.

Trọng Ni nói: Được, nhưng mà chưa trọn.

Một hôm khác, lại ra mắt và nói:

- *Hôi được thêm.*

- *Là nghĩa gì thế?*

- *Hôi quên Lễ Nhạc.*

- *Được, nhưng chưa trọn.*

Một hôm khác nữa, lại ra mắt mà rằng:

- *Hỏi được thêm.*

- *Là nghĩa gì?*

- *Hỏi “ngôi mà quên” rồi.*

Trọng Ni ngạc nhiên hỏi:

- *Ngôi mà quên, là thế làm sao?*

Nhan Hôi nói: Giải thể, bỏ thông minh, lìa hình, bỏ trí, đồng với Đạo lớn. đó gọi là “ngôi mà quên” (tọa vong).

Trọng Ni nói: “Đồng, thì không còn tham muốn nữa; hóa, thì không thường nữa. Quả Hôi là người hiền. Khuru này nguyện theo sau đó.”

*

Chương đầu thiên Tê-Vật-Luận cũng có nói:

“Quách Tử-Kỳ ngồi dựa ghế, giữa mặt hà hơi, bơ phờ như người mất bạn.

Nhan-Thành Tử-Du đứng hầu trước mặt, thấy vậy, hỏi: “Sao mà hình hài có thể khiến được như cây khô, còn lòng thì có thể khiến được như tro lạnh. Nay người ngồi trên ghế có phải là người ngồi trên ghế trước đây nữa không?”

Tử-Kỳ nói: “Yên, câu hỏi của ngươi đâu phải là không đúng! Ta nay đã mất bản ngã rồi, ngươi có biết không?...”

Đây cũng là phép “tọa vong” để mà thực hiện sự huyền đồng với bản thể của Đạo và đó cũng là cứu cánh của Trang-học: hễ “đồng” với cái Sống chung của Vũ Trụ Vạn Vật thì sẽ không còn thương ghét riêng tư, sẽ không còn tham muốn đèo bòng những Tánh Phận ngoài mình nữa. Cho nên mới nói rằng “đồng tắc vô hiếu dã”^[xv]

Đạo học, theo Trang-tử, không phải chỉ là một lối triết lý suông của lý trí, mà là một cuộc *thực hiện hay thực nghiệm bản thân về Chân-Lý*. Lời nói của Nhan-Hồi trong câu chuyện “*tọa vong*” trên đây có nghĩa là Hồi đã được cái Đạo bên trong bằng phép “*truất-phế thông minh*” và “*bỏ lý trí*”. Nên để ý phân biệt điều này: bỏ sự hiểu biết không phải là khuyên ta đừng hiểu biết. Có hai trình độ hiểu biết: *biết cái biết thông thường*, cái biết của giới nhị nguyên, cái biết trong vòng tương đối của thị phi, thiện ác và biết về cái lẽ “*bất khả tri*”, biết về *Bản thể*, tức là cái biết về *Tuyệt đối*. Cái biết thông thường của lý trí, của giới nhị nguyên về thị phi, thiện ác đâu phải là không cần, trong khi ta vẫn còn hoạt động trong vòng “*sắc tướng*”, nhưng, khi muốn nắm được Đạo, ta cần phải vượt lên khỏi nó. Trang-tử gọi cái phép “vượt lên” ấy bằng một chữ “*Vong*”, nghĩa là “*Quên*”. Ông nói: “*Tri vong thị phi, tâm chi thích dã*”. Người được Đạo, không phải là người không biết thị phi, mà là người đã vượt lên trên cả thị phi. Không biết thị phi, với vượt lên thị phi là hai điều khác nhau xa. Cái “*không biết*” (bất tri) của đứa hài nhi, với cái “*không biết*” của bậc đạt Đạo cũng khác nhau rất xa vậy. Cái “*không biết*” ấy, mà Lão-tử gọi là “*Xích tử chi tâm*” đừng có hiểu lầm đó là tâm trạng hỗn độn của đứa trẻ sơ sinh. Cho nên không nên hiểu cho đó là cái học “*ngu dân*”.

Bởi không nhận thấy rõ ràng sự phân biệt đó mà phần đông học giả chuyên về Trang-học mới đề xướng thuyết “*phục cổ*” như ở Thiên Đạo Chích trong sách Trang-tử (Xem *Trang-tử tinh-hoa*).

Cái tri thức thông thường về sắc giới không làm sao hiểu được chân lý tuyệt đối, vì vậy Trang-tử đề xướng sự “*khử-tri*” và “*phế bỏ thông minh*”.

Ở thiên Thiên Địa có đoạn: “*Hoàng đế đi chơi đến phía Bắc Xích Thủy, lên gò Côn-lôn, trông về hướng Nam tìm đường trở về, thì bỏ rơi ngọc Huyền-châu. Sai Trí đi tìm, nhưng không tìm ra. Sai Ly-Châu (rất tinh con mắt) đi tìm, nhưng cũng không tìm ra. Sai Khiết-Câu (người có tài hùng biện) đi tìm, nhưng cũng tìm không ra. Bèn sai Tượng-Võng. Tượng-Võng tìm ra. Hoàng đế nói: Lạ thay, chỉ có Tượng Võng mới tìm ra được ngọc Huyền-châu sao!*”

Tượng-Võng là cái “*có hình mà thực ra không có hình*” tức là ám chỉ cái “*Tâm hư không*” trừu tượng siêu hình.

Cũng không thể dùng đến sách vở kinh điển mà tìm được Đạo, vì theo Trang-tử, đó cũng chỉ là những “*cặn bã của cá nhân*”^[xvi] mà thôi.

Lý luận, biện thuyết đều vô ích cả, nó chỉ làm cho lòng ta thêm tăm tối, cho thần minh mờ ám.

“Nhiễm Cầu hỏi Trọng Ni:

Có thể nào biết được cái có trước Trời Đất không?

Trọng Ni nói: Được! Xưa cũng như bây giờ.^[xvii]

Nhiễm Cầu rút lui, không hỏi nữa.

Qua ngày hôm sau, lại ra mắt mà rằng:

Hôm trước tôi hỏi: có thể nào biết được cái có trước Trời Đất chăng? Thì thầy dạy rằng: Được. Xưa cũng như nay. Trước kia, tôi tưởng là tôi đã hiểu, nhưng hôm nay thì lại cảm thấy mù mịt. Dám xin hỏi ý Thầy nói như thế nào?

Trọng Ni nói: Hôm trước ngươi hiểu rõ là vì đã dùng đến cái thần minh mà nghe. Nay lại cảm thấy mù mịt là vì đã dùng đến cái không phải thần minh mà cầu hiểu. (Trí Bắc Du)

Cái mà Trang-tử gọi “Thần” là ám chỉ cái khiêu biết tự nhiên (một thứ trực giác phát tự cái tâm “hu”), cho nên mới hiểu rõ liền. Về sau, vì dùng cái lý luận giả tạo chấp nôi của lý trí, nên lòng thông cảm tự nhiên của trực giác mờ đi. “*Học giả, học kỳ sở bất năng học (...); biện giả, biện kỳ sở bất năng biện*”^[xviii]. Cái học mà Trang-tử khuyên ta là “*cái học mà không sao học được*”; còn có biện luận thì “*hãy biện luận cái không sao biện luận được*”. Đó là cái học về thuần túy siêu hình, một thứ Tâm-học hoàn toàn.

Cho nên chỉ có thực hiện được cái đời sống tâm linh của ta, là mục đích tối cao của đời sống con người. Trong sách Trang-tử đầy đầy những câu chuyện “*thần-hóa*” ấy.

“Nhan Thành Tử-Du nói với Nam-Quách Tử-Kỳ:

- Từ ngày tôi nghe lời dạy của Thầy được một năm, thì tôi thấy lòng tôi trở về mộc mạc đơn thuần; được hai năm, thì chạy theo Đạo; được ba năm, thì thông lẽ Đạo; được bốn năm, thì thấy tôi như một vật ngoại; được năm năm, thì tiến đến mực; được sáu năm, thì thấy dường như có thân mình nhập thế; được bảy năm, thì được thân hóa (thiên thành); được tám năm, thì không biết mình còn sống hay chết; được chín năm, thì đã đến chỗ Đại Huyền-diệu” (Ngũ Ngôn).

Đó là những giai đoạn phải trải qua để đi đến một cuộc “thần hóa” hoàn toàn.

Một đoạn khác ở thiên Đại-Tông-Sư lại nói rõ ràng hơn:

“Ba ngày, thì bỏ được việc thiên hạ ra ngoài; (...) bảy ngày, thì bỏ được sự thấy có ngoại vật bên ngoài; (...) chín ngày, thì bỏ được cái sống của mình ra ngoài^[xix]. Bỏ được cái sống của mình ra ngoài thì mới được “triêu triệt”^[xx]. “Triêu triệt” rồi, mới nhận thấy được cái Một. Thấy được cái Một rồi, mới không còn thấy có Xưa có Nay. Không còn thấy có Xưa có Nay rồi, mới vào được cõi không chết không sống.”

Cái trạng thái “hốt nhiên, đắc ngộ” ấy, có khi chỉ nhờ một lời nói mà được: “nhứt ngôn nhi năng ngộ”^[xxi]. Công phu dục bị thì lâu dài trong Vô thức, nhưng lúc “đắc ngộ” thì thật là mau lẹ như chớp nháng và làm biến đổi hẳn tâm thần trí não con người.

“Nhan Hôi nói: Khi chưa thần hóa, thì rõ là có Hôi thật. Nhưng khi đã được thần hóa rồi, thì thấy chưa hề có Hôi. Có thể gọi đó là “hư” chưa? (Nhơn-Gian-Thế).

Cái thời kỳ “đắc ngộ” thì mau lẹ như thế, nhưng cần phải có một thời kỳ chuẩn bị, tức là tu luyện. Thời kỳ ấy, Trang-tử gọi là “tâm trai”, tức là sự chay tịnh của lòng.

Ở thiên Nhơn-Gian-Thế, Trang-tử miêu tả rất rõ lẽ ấy:

Hôi nói: Dám xin hỏi thế nào là “chay tịnh của lòng?”

Trọng Ni đáp: Hãy chuyên tâm nhất chí. Đừng nghe bằng tai, mà nghe bằng lòng. Đừng nghe bằng lòng, mà nghe bằng khí. Điều gì mình nghe, thì hãy để nó ở ngoài tai, còn lòng thì hợp nhất nó lại. Thần khí phải hư, hư mới nhận được Đạo; hư tức là “chay lòng” đấy!”

Đó là cả một chương trình “chay tịnh”: từ bỏ tất cả ngoại vật, sống giản dị, làm cho tâm trí đồng nhất với mọi sự mọi vật, “chuyên tâm bất loạn” cho lòng được trống không hư tịnh, không còn bị ảnh hưởng gì của vật ngoài nữa cả. Như vậy mới mong đạt đến trạng thái huyền-đồng với chân thể tuyệt đối của mình. Cốt yếu là để cho lòng đạt đến “chân không” mới mong thần hóa được. ^[xxii]

Và, nhân thế mà phân đông những kẻ theo về với Đạo-học, bao giờ cũng khởi đầu bằng cách lánh xa cuộc sống phồn hoa xã hội, thích ở những nơi tịch-mịch thiên nhiên:

“Không-tử bèn từ biệt bè bạn, từ bỏ học trò, trốn vào chằm lớn, mặc áo cừu, áo vải, ăn hạt gấm, hạt dẻ. Chen vào đám muông mà không làm loạn đàn, chen vào đám chim mà không làm loạn hàng (tức là hòa đồng với vạn vật). Chim muông còn không ghét bỏ, huống chi là con người (Sơn-Mộc).

Tuy nhiên, lánh đời có khi cũng chưa đủ để gọi là thoát được khỏi ảnh hưởng của đời. Ở trong đời mà không để cho thân tâm lụy vì đời, mới thật là người làm chủ được hoàn cảnh, mới thật là người tự do. Sự thần nhiên dứt bỏ đối với thế sự khởi nơi lòng giác ngộ của mình trước nhất: đâu cần phải xa lánh cuộc đời mới dứt được lòng nô lệ quyền luyến.

Ở thiên Ứng-Đế-Vương, Trang-tử có nói: “(...) Liệt-tử ba năm không ra ngoài. Ở nhà nấu cơm cho vợ, nuôi heo cung kính như nuôi người, và không thiết đến việc gì nữa cả (để mà tiêu diệt cái lòng tự kiêu tự ái của mình đi). Phá bỏ tất cả mọi trang sức giả tạo để cho tâm lòng trở về cõi thuần phác tự nhiên. Thành như cục đất, giữa cảnh náo nhiệt mà lòng vẫn không náo động. Như thế đến trọn đời mình...”

Trong con đường “huyền học”, giai đoạn “tâm trai” này là khó khăn gay go nhất vì mình phải chịu đựng một cuộc tranh chấp khổng lồ ở nội tâm

giữa cái “ta xã hội” và cái “Chân thể” của ta, nghĩa là giữa cái mà Trang-tử gọi là *Thiên* và *Nhơn* (Trời và người).

Cắt nghĩa chữ Thiên và Nhơn, Trang-tử có nói: “*Bò ngựa bốn chân, đó là Trời (Thiên)^[xxiii]. Khớp đầu ngựa, xỏ mũi trâu, đó là người (Nhơn)^[xxiv] (...) đừng lấy người mà giết trời (...) Giữ cẩn thận, đừng để mất thiên chân, thế gọi là trở về cái Chân của mình.*” (Thu-Thủy)

Nhơn, tức là *nhơn-tạo*, là ám chỉ những ước lệ giả tạo của xã hội để ràng buộc con người vào một khuôn khổ, tức là những cái mà Khổng-học gọi là Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín... luân-lý, Đạo đức, pháp độ, dù rất có lợi cho con người trong giai đoạn “*tri thị phi, tri thiện ác*”, nó trở lại thành một chướng ngại vật cho giai đoạn giải thoát, tức là giai đoạn “*vong thị phi, vong thiện ác*”, giai đoạn mà “*Chân thể*” đã đến lúc trưởng thành, đủ sức “*tự sinh, tự hóa.*” Vì thế Trang-tử mới có nói: “*Tri vong thị phi, tâm chi thích dã*”. Biết quên sự phải quấy, đó là cái tâm của mình thông suốt rồi vậy. Bảo rằng: biết quên, tức là phải có biết, rồi sau mới vượt lên sự hiểu biết mà quên đi. Muốn giải thoát, con người trước hết phải trải qua giai đoạn nhận thức rõ ràng cái Bản ngã của mình: không bao giờ đi đến giải thoát mà chưa từng nhận thức và sống trong Bản Ngã một cách sâu xa. Bản ngã là nguồn gốc của đau khổ, vì nó cố gắng sống riêng ngoài cái Sống-một của tâm hồn. Nhưng bản tánh của nó là “hữu-thức”, vì có “hữu thức” mới có thể chia phân. Hữu thức phải đến trình độ cùng cực của nó, mới có thể đi vào cái Sống của Vô thức. Bản ngã là Âm, hễ Âm cực mới Dương sinh. Dương là ám chỉ cái Chân thể của mình (l'Être véritable). Như trên đã nói: Bản ngã là nguồn gốc của đau khổ. Muốn đi đến trạng thái Vô-thức, phải làm cho tan vỡ cái vỏ bao ngoài, là Bản ngã. Làm tan vỡ nó, sẽ phải đau khổ để mà thoát xác, “*phải chết, rồi mới được Phục sinh*”, đó là ý nghĩa của câu chuyện Đấng Cứu-Thế (Jésus) phải chịu chết đóng đinh trên cây Thập-giá, để rồi được phục sinh và lên trời. Vì vậy mới có câu khẩu hiệu này của các nhà huyền học Thiên chúa giáo (mystiques chrétiens): “chết trên cây thập giá của mình” (mourir sur sa croix). Triết học Đông phương bảo “vật cùng tắc biến, vật cực tắc phản”, “chết để mà sống lại”, đó là điều ám chỉ đến việc làm cho “*chết*” bản ngã đi, để phục hồi chân tính.

Nhà Đạo học Ấn Độ hiện đại là J. Krisnamutri cũng có nói rõ ràng hiện trạng ấy: *“Tiếng nói của tôi là tiếng nói của sự Hiểu biết thâm sâu, do một sự đau khổ tuyệt vọng mà có”* (Ma voix est la voix de la Connaissance, née d’une douleur infinie)^[i]

Bản ngã chưa chín mùi, chưa có thể rụng. Đau khổ chưa đến chỗ tuyệt vời, khó mà giác ngộ.^[xxv]

Bản-ngã (cả cái bản ngã xã hội (moi social) hun đúc nó) có thể ví như cái vỏ trứng gà, đối với con gà con đang thời kỳ chưa nở. Cái vỏ bao ngoài là cần thiết cho cái sống của con gà trong khi nó chưa thành hình đầy đủ, nhưng khi con gà con đã đến độ trưởng thành, có thể sống tiếp xúc ngay với ánh sáng và không khí bên ngoài, thì cái vỏ bao ngoài kia lại trở thành một chướng ngại vật mà nó phải phá vỡ ra, vì đó là tất cả vấn đề sanh tử của nó lúc bấy giờ.

Hột lúa chỉ làm xong sứ mạng của nó khi nào nó trở thành cây lúa, nghĩa là để có thể trở thành cây lúa, nó phải *“chết”* cái đời sống hột giống của nó đi, thì nó mới hoàn thành được sứ mạng của nó.

Bởi vậy, trước đây Trang-tử mới có bảo: *“Phá bỏ tất cả mọi trang sức giả tạo bên ngoài để cho tâm lòng trở về cõi thuần phác tự nhiên”* (Ứng-Đế-Vương). Và *“đừng lấy người mà giết Trời”* (Thu-Thủy). Người đây là cái *“ta xã hội”* (moi social) tạo thành, còn Trời tức là chân thể.

Nhận rõ được như thế, ta sẽ không lấy gì làm lạ mà thấy rằng suốt bộ Nam-Hoa-Kinh, Trang-tử bao giờ cũng cực lực phản đối cái học của Khổng, Mặc, và đề cao thiên nhiên mà đả kích *“nhân vi hay nhân tạo”*. Cái học của Trang-tử, cũng như của Lão-tử, là cái học giải thoát, tiêu diệt Bản ngã để thực hiện con người *“vô kỹ, vô công, và vô danh”*, tức là cái học thuyết về giai đoạn thứ hai trong cuộc thiên diễn của đời người để hoàn thành sứ mạng con người của mình trong Trời Đất: *“Ta nay đã mất Bản ngã rồi, người có biết chăng?”* (Tề-Vật-Luận).

Tóm lại, sự chống đối, đả kích của Trang-tử chẳng qua là việc làm của *“con gà con”* đã đến thời kỳ nở: phá vỡ cái vỏ bọc ngoài của quả trứng để giải thoát. Chỉ có thể thôi.

*

Đi ra, rồi trở lại, đó là con đường của Đạo mà Lão-tử đã nói: “*Phản giả, Đạo chi động*”. *Đi ra*, là con đường trong giai đoạn đầu để đi đến sự tạo thành một Bản-ngã đầy đủ; *đi về*, là con đường “*phục kỳ bản*”, “*phản kỳ chân*”, tiêu diệt bản ngã.

Con đường trước là con đường sống chia phân của nội tâm: Tâm Trí, Nhĩ Ngã, Thị Phi, Thiện ác...

Con đường thứ hai, là con đường “*trở về*” nguồn *Sống Một*, con đường hợp nhất lại những gì đã bị chia chẻ... Đó là con đường giải thoát. Hai con đường trên đây trong đời sống của con người là cả hai thế giới riêng biệt và nghịch hẳn nhau. Con đường trước người ta gọi là con đường “*tiến*” thì con đường sau phải gọi là con đường “*thối*”. Lão-tử có nói: “*Vi học nhật ích, vi Đạo nhật tôn...*” Từ bên thế giới này sang qua thế giới bên kia, nhà Phật gọi là “*đáo bỉ ngạn*” (đến bờ bên kia) (paramita).

Hai thế giới đã khác nhau, thì sự hoạt động tri thức trên những vùng tinh thần ấy cũng phải khác nhau: ở giới nhị nguyên thì phải dùng lý trí, nhưng khi bước chân vào ngưỡng cửa của giới nhất nguyên thì không còn dùng đến dụng cụ tri thức kia, là lý trí được nữa, mà phải dùng đến một năng khiếu đặc biệt khác là trực giác^[xxvi]. Trang-tử gọi là “*đại tri*” và nhà Phật gọi là Trí “*Bát nhã*” (Prajna), hay là Trí-huệ bát nhã.

Như vậy, *nhãn quang* của người bước qua giai đoạn giải thoát là nhãn quang nghịch hẳn với nhãn quang của người còn sống trong giai đoạn chấp có một cái ta riêng biệt (nhị nguyên).

Giai đoạn này (giai đoạn nhị nguyên) có hai thời kỳ: thời kỳ phôi thai của Bản Ngã và thời kỳ trưởng thành của Bản Ngã.

Trong thời kỳ thứ nhất, con người còn sống theo quần đoàn, sống theo tập quán, theo ảnh hưởng của người chung quanh, chưa có cá tánh đặc biệt. Họ chỉ biết bắt chước và không dám suy nghĩ khác hơn những giáo lý, tôn

giáo hay chế độ giáo dục đương thời: họ hoàn toàn là sản phẩm của xã hội chung quanh.

Thời kỳ thứ hai là thời kỳ trưởng thành của Bản Ngã. Bắt đầu cá nhân có những tư cách chống đối xã hội, không chịu mù quáng thuận theo một cách nô lệ bất cứ một mạng-lệnh nào, một lẽ lối cụ ước nào của chế độ luân-lý, tôn giáo, xã hội đã qua hoặc đương thời chi phối. Họ có những tư tưởng cách mạng và độc đoán. Vách thành của truyền thống, của tập tục bắt đầu rạn nứt. Họ dám suy nghĩ theo mình, bắt đầu hoài nghi, và can đảm đem tất cả mọi vấn đề mà đặt lại. Họ không thụ động nữa, trái lại đề cao đến tột độ chủ nghĩa cá nhân đủ mọi phương diện. Họ tìm đủ mọi cách để đề cao đời sống độc lập tinh thần, không chịu tôn thờ một quyền thế vật chất tinh thần nào cả ngoài mình. Độc lập, tân-kỳ, sáng tạo, tự do, đó là bốn đặc điểm của con người tinh thần của họ.

Nhưng, một ngày kia, bản ngã của họ phát triển đến mức cùng tột, họ lại cảm thấy họ bị ràng buộc trong những công trình sáng tạo của họ, nghĩa là họ cảm thấy họ bị nô lệ lấy những giá trị giả tạo mà chính họ đã bày ra. Tất cả những giá trị của xã hội văn minh ngày nay, như những giá trị về luân-lý, đạo đức, văn hóa, xã hội mà họ đã bày ra, phải chăng đều có công dụng là trói buộc họ vào những khuôn khổ quá chật hẹp của một ảo vọng đầu tiên vô cùng quan trọng: Bản ngã. Bây giờ, họ bắt đầu đi qua giai đoạn thứ ba, là vượt lên trên cái Bản ngã ảo tưởng ấy, tức là họ bước qua con đường Giải thoát.

Giai đoạn này không phải là giai đoạn đi đến sự thực hiện siêu nhân, mà để thực hiện trạng thái tự nhiên của một con người “*viên mãn*”, một con người “*vô ngã*”, hay nói theo Trang-tử, con người “*chân-nhân*”. Giai đoạn này “*phản*” lại giai đoạn trên: Cách nhận thức, suy luận đều *ngịch hẳn* với những cách nhận thức, suy luận nhị nguyên như trong giai đoạn trước. Cách lập ngôn vì thế cũng khác hẳn. Cũng như bên Thiên-tông Phật giáo, người ta dùng đến phép lập ngôn vô cùng đặc biệt này là hay nói ngược lại tất cả những lối suy nghĩ thông thường để mà *phá tan* cái “*tập niệm nhị nguyên*”. Phải có trải qua một cuộc đại cách mạng tư tưởng, xáo trộn và lật ngược tất cả mọi vấn đề thường thức trong đời, mới mong “*phá*

tan” được cái ác-tập suy nghĩ theo nhị nguyên, mới nhận rõ được cái Chân-tướng của sự vật.

Như vậy, phần đông người ta, nếu sở dĩ còn trách cái giọng văn “khinh thế ngạo vật” của nhóm Trang-học, cho rằng lời văn nhiều khi trịch thượng và quá bạo, không có vẻ dịu dàng hòa nhã và khiêm tốn đối với tư tưởng của Nho Mặc, đại diện tư tưởng nhị nguyên, là vì người ta chưa ý thức được phép lập ngôn của các nhà Đạo học Đông phương, của Lão-Trang và nhất là của Thiên-tông, thường vụ lấy chỗ làm cho thức tỉnh, chứ không còn phải vụ lấy sự ru-ngủ cái bản ngã của con người nữa. Sự va chạm nặng nề đối với thành kiến là một trong những phương pháp để giúp cho người dễ tỉnh ngộ.

*

Tóm lại, ba mươi ba thiên của sách Trang-tử, tuy nghĩa lý sâu rộng, nhưng chỉ có sáu thiên đầu, là *Tiêu-Diêu-Du*, *Tề-Vật-Luận*, *Dưỡng-Sinh-Chủ*, *Đức-Sung-Phù*, *Đại-Tông-Sư* và *Ứng-Đế-Vương* của Nội thiên là bao quát được tất cả yếu chỉ của toàn thể bộ sách. Các thiên chương trong Ngoại và Tạp-thiên rất có thể có một số ít do tay Trang-tử viết ra, kỳ dư đều do các bậc hậu học của phái Lão-Trang thuật lại để diễn đạt thêm cái đại nghĩa của sáu thiên đầu.

Tiêu-Diêu-Du thì bàn về *tự do tuyệt đối*; còn *Tề-Vật-Luận* thì nói về *bình đẳng tuyệt đối*. Thật ra thì chỉ có hai thiên này là nền tảng của cả học thuyết Trang-tử mà thôi. Các thiên khác trong Nội thiên cũng đều là những ý tưởng phụ thuộc dùng để diễn đạt cái đại ý của hai thiên này mà thôi.

*

* *

NAM - HOA - KINH

NỘI - THIÊN

(Dịch và bình chú: Thu Giang Nguyễn Duy Cần)

逍遙遊

TIÊU-DIÊU-DU

A.

北冥有魚, 其名為鯤. 鯤之大, 不知其幾千里也. 化而為鳥, 其名為鵬. 鵬之背, 不知其幾千里也. 怒而飛, 其翼若垂天之雲. 是鳥也, 海運則將徙於南冥. 南冥者, 天池也. 齊諧者, 志怪者也. 諧之言曰: 鵬之徙於南冥也, 水擊三千里, 搏扶搖而上者九萬里, 去以六月息者也.

Bắc minh^[xxvii] hữu ngư, kỳ danh vi Côn^[xxviii]. Côn chi đại, bất tri kỳ kỳ thiên lý dã. Hóa nhi vi điều, kỳ danh vi Bằng^[xxix]. Bằng chi bối, bất tri kỳ kỳ thiên lý dã. Nộ nhi phi, kỳ dực nhược thùy thiên chi vân. Thệ điều dã, hải vận tắc tương tử u Nam minh. Nam minh giả, thiên trì dã. Tề Hài^[xxx] giả, chí quái giả dã. Hài chi ngôn viết: Bằng chi tử u Nam Minh dã, thùy kích tam thiên lý, đoàn phù điều^[xxxi] nhi thượng giả cửu vạn lý, khứ dĩ lục nguyệt tức giả dã.^[ii]

野馬也,塵埃也,生物之以息相吹也.天之蒼蒼,其正色邪,其遠而無所至極邪?其視下也,亦若是則已矣.

Dã mã^[xxxiii] dã, trần ai^[xxxiii] dã, sinh vật chi dĩ tức tương xuy dã. Thiên chi thương thương, kỳ chính sắc da, kỳ viễn nhi vô sở chí cực da? Kỳ thị hạ dã, diệc nhược thị tắc dĩ hĩ.

且夫水之積也不厚,則負大舟也無力.覆杯水於坳堂之上,則芥為之舟,置杯焉則膠,水淺而舟大也.風之積也不厚,則其負大翼也無力.故九萬里,則風斯在下矣,而後乃今培風,背負青天,而莫之夭闕者,而後乃今將圖南.

Thả phù thủy chi tích dã bất hậu, tắc phụ đại châu dã vô lực. Phục bôi thủy ư ao đờng chi thương, tắc giới vi chi châu, trí bôi yên tắc giao, thủy thiên nhi châu đại dã. Phong chi tích dã bất hậu, tắc kỳ phụ đại dực dã vô lực, có cử vạn lý, tắc phong tư tại hạ hĩ, nhi hậu nãi kim bôi^[xxxiv] phong, bôi phụ thanh thiên, nhi mặc chi yếu ú^[xxxv] giả, nhi hậu nãi kim tương đồ Nam.

蝸與學鳩笑之曰:我決起而飛,槍榆枋而止,時則不至,而控於地而已矣.奚以之九萬里而南為.適莽蒼者,三餐而反,腹猶果然.適百里者,宿舂糧,適千里者,三月聚糧.

Điêu^[xxxvi] dữ học cưu^[xxxvii] tiếu chi viết: Ngã quyết khởi nhi phi thương du phương, thời tắc bất chí, nhị không ư địa nhi dĩ hĩ. Hề dĩ chi cử vạn lý nhi nam vi. Thích mãng thương^[xxxviii] giả, tam xan nhi phản, phúc du quả nhiên. Thích bách lý giả, túc thung lương. Thích thiên lý giả, tam nguyệt tụ lương.

*

之二蟲,又何知?
小知不及大知,
小年不及大年.
奚以知其然也?

Chi nhị trùng, hựu hà tri?
Tiểu trí bất cập đại trí.

Tiểu niên bất cập đại niên.
Hề dĩ tri kỳ nhiên dã?

朝菌不知晦朔, 蟪蛄不知春秋. 此小年也. 楚之南有冥靈者, 以五百歲為春, 五百歲為秋. 上古有大椿者, 以八千歲為春, 八千歲為秋. (此大年也). 而彭祖乃今以久特, 眾人匹之, 不亦悲乎!

Triêu khuẩn^[xxxix] bất tri hời sóc^[xi] huệ cô^[xli] bất tri xuân thu. Thử tiểu niên dã. Sở chi nam hữu minh linh^[xlii] giả, dĩ ngũ bách tuế vi xuân, ngũ bách tuế vi thu. Thượng cổ hữu đại xuân^[xliii] giả, dĩ bát thiên tuế vi xuân, bát thiên tuế vi thu. (Thử đại niên dã). Nhi Bành tổ^[xliv] nãi kim dĩ cửu đặc vãn, chúng nhơn thất chi, bất diệc bi hồ!

*

DỊCH NGHĨA:

TIÊU-DIÊU-DU

A. Tại biển Bắc có con cá Côn, lớn không biết mấy nghìn dặm. Cá này hóa ra chim Bằng: lưng của chim Bằng lớn cũng không biết mấy nghìn dặm. Vỗ cánh mà bay, cánh nó sè ra như mây che rợp một phương trời. Biển động, Bằng bèn bay sang biển Nam: biển Nam là Ao-Trời.

Tê Hải, sách chép các việc kỳ quái nói: chim Bằng, lúc bay qua biển Nam, cánh đập làm cho sóng nước nổi lên ba nghìn dặm dài; nó nương theo gió trớt mà cất lên chín muôn dặm cao, và bay luôn sáu tháng mới nghỉ.

Cái mà ta thấy trên không kia có phải là bầy “ngựa rìng” chẳng, hay là bụi trần? Hay là cái hơi thở của muôn vật nổi lên? Còn màu trời xanh xanh kia có phải là màu thật của nó không, hay chỉ là màu của vô cùng

thăm thăm? Thì cái thấy của con chim Bằng bay trên mây xanh dòm xuống dưới đây cũng chỉ như thế mà thôi.

Vả lại, nước không sâu thì không sức chở thuyền lớn. Đổ một chung nước nhỏ vô một cái hũng nhỏ trong nhà, lấy một cọng cỏ thả lên làm thuyền, thì thuyền tự nổi; nếu lại lấy cái chung ấy làm thuyền mà thả lên, thì thuyền phải trệt. Là tại sao? Tại nước không sâu mà thuyền thì lớn. Cũng như lớp gió không dày thì không đủ sức chở nổi cánh lớn của chim Bằng. Bởi vậy chim Bằng khi bay lên chín muôn dặm cao là cỡi lên lớp gió ở dưới nó. Chùng ấy, lưng vác trời xanh, không gì ngăn trở, nó bay thẳng qua Nam.

*

Một con ve và một con chim cưu nhỏ thấy vậy, cười nói: “Ta quyết bay vọt lên cây du, cây phượng. Như bay không tới mà có rơi xuống đất thì thôi, chứ không sao! Bay cao chín muôn dặm, sang qua Nam mà làm gì? Ta thích bay đến mấy cánh đồng gần đây, ăn ba miếng no bụng, rồi về. Nếu ta đến chỗ xa trăm dặm, thì ta có lương thực mỗi ngày. Còn nếu ta đến chỗ xa nghìn dặm, thì ta có ba tháng lương thực.”

*

Hai con vật ấy, mà biết gì?

Kẻ tiểu trí sao kịp người đại trí. Kẻ tuổi nhỏ sao kịp người tuổi lớn.

Sao mà biết được thế? Năm mai biết gì được hời sóc, ve sâu biết sao được xuân, thu! Đó đều là hạng tuổi nhỏ cả. Phương Nam nước Sở có cây minh-linh, sống một xuân là năm trăm năm; một thu là năm trăm năm. Thượng cổ có cây đại-xuân sống một xuân là tám nghìn năm, một thu là tám nghìn năm. (Đó là hạng tuổi lớn). Lâu nay từng nghe danh sống lâu của Bành tổ. Hễ nói đến sống lâu, thì người đời thường đem đó mà so sánh, như thế không đáng buồn sao?

*

B.

湯之問棘也是已。窮髮之北，有冥海者，天池也。有魚焉，其廣數千里，未有知其脩者，其名為鯤。有鳥焉，其名為鵬，背若泰山，翼若垂天之雲，搏扶搖羊角而上者九萬里，絕雲氣，負青天，然後圖南且適南冥也。斥鴳笑之曰：彼且奚適也。我騰躍而上不過數仞而下，翱翔蓬蒿之間，此亦飛之至也，而彼且奚適也。此小大之辯也。

Thang chi vân Các dã thị dĩ. Cùng phát chi bắc, hữu minh hải giả, thiên trì dã. Hữu ngư yên, kỳ quảng số thiên lý, vị hữu tri kỳ tu giả, kỳ danh vi Côn. Hữu điều yên, kỳ danh vi Bằng, bồi nhược Thái Sơn, dực nhược thù thiên chi vân, đoàn phù điều dương giác^[xlv] nhi thượng giả cửu vạn lý, tuyệt vân khí, phụ thanh thiên, nhiên hậu đồ Nam thả thích Nam minh dã. Xích yên^[xlvi] tiêu chi viết: Bỉ thả hề thích dã. Ngã đằng dục nhi thượng bất quá số nhân chi hạ, ngao tường bông hao chi gian, thử diệc phi chi chí dã. Nhi bỉ thả hề thích dã. Thử tiêu đại chi biện^[xlvii] dã.

*

DỊCH NGHĨA:

B. Lờì ông Thang hỏi ông Các, cũng thế. Miền Bắc hoang lạnh có cái biển gọi là Minh-hải, tức là Ao Trời. Có con cá lớn tới mấy nghìn dặm, chưa ai biết nó dài đến bao nhiêu, tên là Côn. Có con chim, tên là Bằng, lưng như núi Thái, cánh tựa vòng mây che một phương trời. Chim này theo gió trốt cuộn như sừng dê mà lên chín muôn dặm cao, tuyết bóng mây-mù, đội trời xanh biếc, bấy giờ nó mới bay về biển Nam. Một con chim ở hồ nhỏ cười nói: đó bay chi cao xa lắm vậy? Ta bay nhảy bất quá vài chục thước cao, ngao du trong đám cỏ bông cỏ hao. Bay đến thế cũng là đúng mực lắm rồi. Còn đó bay chi cao xa lắm vậy?

Đó là chỗ phân biệt giữa lớn và nhỏ.

*

C.

故夫知效一官，行比一鄉，德合一君而徵一國者，其自視也，亦若此矣。而宋榮子猶然笑之，且舉世而譽之，而不加勸，舉世而非之，而不加沮，定乎內外之分，辯乎榮辱之竟，斯已矣。彼其於世，未數數然也，雖然，猶有未樹也。

Cố phù trí hiệu nhất quan, hạnh tỉ nhất hương, đức hợp nhất quân nhi^[liii] trung^[xlviii] nhất quốc giả, kỳ tự thị dã, diệc nhược thử hĩ. Nhi Tống Vinh tử du nhiên tiếu chi, nhi bất gia khuyến, cử thể nhi phi chi, nhi bất gia thư, định hồ nội ngoại chi phận^[xlix], biện hồ vinh nhục chi cảnh^[l], tư dĩ hĩ. Bĩ kỳ ư thể, vị sát sát nhiên dã, tuy nhiên du hữu vị thọ^[li] dã.

夫列子御風而行，泠然善也，旬有五日而反。彼於致福者，未數數然也。此雖免乎行猶有所待者也。

Phù Liệt tử^[lii] ngự phong nhi hành, lãnh nhiên^[liii] thiện dã, tuần hữu ngũ nhật nhi hậu phản. Bĩ ư trí phúc^[liv] giả, vị sát sát nhiên dã. Thử tuy miễn hồ hành du hữu sở đãi giả dã.^[lv]

若夫乘天地之正而御六氣之辯，以遊無窮者，彼且惡乎待哉。故曰：至人無己，神人無功，聖人無名。

Nhược phù thừa thiên địa chi chánh nhi ngự lục khí chi biện^[lvi], dĩ du vô cùng giả, bĩ thả ô hồ đãi tai. Cố viết: chí nhơn vô kỹ, thần nhơn vô công, thánh nhơn vô danh^[lvii].

*

DỊCH NGHĨA:

C. Cho nên, kẻ có tài trí đủ làm nổi một tước quan, hạnh hơn cả một làng, (thì) đức (sẽ) không khác nào một vị vua được lòng tin của cả nước, (nếu biết) tự xem như đang làm vua kia vậy.

Nhưng Vinh-tử nước Tống lại còn cười chê đó. Và, đời có khen cũng không khích lệ, mà đời có chê cũng không ngăn đón được: họ đã định rõ cái phận của trong ngoài, phân biệt cái cảnh của vinh nhục rồi đấy. Trong

đòi, hạng người như thế cũng dễ thường thấy có. Tuy vậy, đức của họ cũng chưa được vững.

Liệt-tử cười gió mà đi, đi một cách êm ái nhẹ nhàng, đi trọn mười lăm hôm mới về. Đó sống trong chỗ chí phúc và người như ông dễ thường thấy có. Tuy khỏi phải đi, nhưng còn chỗ phải chờ.

Đến như thuận theo cái chánh của Trời Đất, nương theo cái biến của lục khí mà dong chơi trong cõi vô cùng: thì đó đâu còn phải chờ đợi cái gì nữa. Cho nên nói rằng: bậc chí nhơn không thấy có mình, bậc thần nhơn không nhớ đến công mình, bậc thánh nhơn không nghĩ đến tên mình.

*

D.

堯讓天下於許由,曰:日月出矣,而燭火不息,其於光也不亦難乎?時雨降矣而猶浸灌,其於澤也不亦勞乎?夫子立而天下治,而我猶尸之,吾自親缺然.請致天下.

Nghiêu nhượng thiên hạ ư Hứa Do, viết: Nhật Nguyệt xuất hĩ, nhi tước hỏa^[lviii] bất tức, kỳ ư quang dã bất diệc nan hồ? Thời vũ giáng hĩ nhi du tâm quán, kỳ ư trạch dã bất diệc lao hồ? Phu tử lập nhi thiên hạ trị, nhi ngã du thi^[lix] chi, ngô tự thị khuyết nhiên. Thỉnh trí thiên hạ.

許由曰:子治天下,天下既已治也,而我猶代子,吾將為名乎?名者,實之賓也,吾將為賓乎?鷦鷯巢於深林,不過一枝;偃鼠飲河,不過滿腹.歸休乎君,予無所用天下為!庖人雖不治庖,尸祝不越樽俎而代之矣.

Hứa Do viết: Tử trị thiên hạ, thiên hạ ký dĩ trị dã, nhi ngã du đại^[lx] tử, ngô tương vi danh hồ? Danh giả, thật chi tân dã. Ngô tương vi tân hồ? Tiêu liêu^[lxi] sào ư thâm lâm, bất quá nhất chi. Yên thử^[lxii] ẩm hà, bất quá mãn phúc. Quy hưu hồ quân. Dư vô sở dụng thiên hạ vi. Bào nhơn tuy bất trị bào, thi chúc bất việt tôn trở nhi đại chi hĩ.

*

DỊCH NGHĨA:

D. Vua Nghiêu muốn nhường thiên hạ cho Hứa-Do, nói: Mặt trời mặt trăng đã mọc, mà không dụt đuốc, nhìn bóng đuốc há chẳng khó coi lắm sao? Mưa mùa đã đổ xuống, mà còn đi tưới nước, thế là chẳng lao công vô ích hay sao? Nay nếu phụ tử lên ngôi, thiên hạ ắt được trị. Tôi còn ngồi làm thần tượng chi nữa. Tôi tự thấy rất kém. Vậy, xin mời ngài lên trị thiên hạ.

Hứa Do nói: Ngài trị thiên hạ, thì thiên hạ được trị. Tôi còn thế Ngài làm chi, tôi cầu danh hay sao? Danh là khách của Thật. Tôi muốn làm khách sao? Chim tiêu liêu đậu ở rừng sâu, chẳng qua một nhánh là vừa. Chuột đồng uống nước sông dài, chẳng qua đầy bụng là đủ. Xin trả lại cho ngài đó. Thiên hạ ấy, tôi không dùng làm gì cả. Người đầu bếp dù không xong việc bếp, người chủ tể cũng không vượt phận mà thế cho đó được.

*

E.

肩吾問於連叔曰:吾聞言於接輿大而無當,往而不返.吾驚怖其言,猶河漢而無極也,大有徑庭不近人情焉,連叔曰:其言謂何哉.曰:藐姑射之山,有神人居焉,肌膚若冰雪,淖約若處子,不食五穀,吸風飲露,乘雲氣,御飛龍而遊乎,四海之外.其神凝,使物不疵癘,而年穀熟.吾以是狂而不信也.

Kiên Ngô vấn ư Liên Thúc viết: Ngô văn ngôn ư Tiệp Dư đại nhi vô đương^[lxiii], vãng nhi bất phản. Ngô kinh bố^[lxiv] kỳ ngôn, du Hà Hán nhi vô cực dã, đại hữu kính thính^[lxv] bất cận nhơn tình yên. Liên Thúc viết: “kỳ ngôn vị hà tai”. Viết: Diểu Cô Tạ chi sơn, hữu thần nhơn cư yên, cơ phu nhược băng tuyết, não ước^[lxvi] nhược xử nữ^[lxvii] bất thực ngũ cốc, hấp phong âm lộ, thừa vân khí, ngự phi long nhi du hồ, tứ hải chi ngoại, kỳ

thần ngưng, sử vật bất tì lệ, nhi niên cốc thực. Ngô dĩ thị cuồng nhi bất tín dã.

連叔曰: 然, 瞽者無以與乎文章之觀, 聾者無以與乎鐘鼓之聲. 豈唯形骸有聾盲哉, 夫知亦有之. 是其言也, 猶時女也. 之人也, 之德也, 將旁礪萬物以為一, 世蘄乎亂, 孰弊弊焉以天下為事. 之人也, 物莫之傷. 大浸稽天而不溺. 大旱, 金石流, 土山焦, 而不熱. 是其塵垢秕糠, 將猶陶鑄堯舜者也. 孰肯以物為事.

Liên Thúc viết: Nhiên. Cô giả vô dĩ hồ văn chương chi quan, lung giả vô dĩ dữ hồ chung cổ chi thanh. Khởi duy hình hài hữu lung manh tai, phù tri diệc hữu chi, thị kỳ ngôn dã, du thời nử^[lxviii] dã. Chi nhơn dã, chi đức dã, tương bang bạc vạn vật dĩ vi nhất, thế ky hồ loạn, thực tề tề yên dĩ thiên hạ vi sự. Chi nhơn dã, vật mạc chi thương. đại tảm khổ thiên nhi bất nịch. Đại hạn, kim thạch lưu, thổ sơn tiêu, nhi bất nhiệt. Thị, kỳ trần cầu tĩ khương^[lxix] tương du đào chú Nghiêu Thuấn giả dã. Thực khảng dĩ vật vi sự!

宋人資章甫而適越, 越人斷髮文身, 無所用之. 堯治天下之民, 平海內之政, 往見四子藐姑射之山, 汾水之陽, 窅然喪其天下焉.

Tổng nhơn tư chương phủ nhi thích chư Việt. Việt nhơn đoạn phát văn thân, vô sở dụng chi. Nghiêu tự thiên hạ chi dân, bình hải nội chi chánh, vãng kiến tứ tử Diểu Cô Tạ chi sơn phần thủy chi dương, yêu nhiên^[lxx] táng kỳ thiên hạ yên.”

DỊCH NGHĨA:

E. Kiến Ngô nói với Liên-Thúc: Tôi nghe Tiệp Dư nói chuyện lớn lúc không tương, có lối đi mà không có lối về... khiến tôi kinh sợ, ông nói như sông Hà sông Hán không cùng tận, rất là xa xôi, không cận với nhân-

tình... Liên Thúc hỏi: “Nói những gì?” - “Nói rằng trên núi Diểu-Cô Tạ có thần nhơn ở, da thịt như băng tuyết, dáng điệu mềm yếu như người con gái chưa chồng. Không ăn năm loài thóc, chỉ hít gió, uống sương, nương theo hơi mây, cỡi rồng mà bay ngoài bốn biển. Ngưng thân lại thì có thể làm cho vạn vật không đau ốm hư hoại, lúa thóc lại được mùa. Tôi cho đó là lời nói cuồng, nên không tin.”

Liên Thúc nói: “Phải! Kẻ đui lấy gì để xem thấy được cái đẹp của văn-hoa: kẻ điếc lấy gì để nghe được tiếng chuông tiếng trống. Há chỉ có hình hài mới có đui điếc đâu... trí cũng có đui điếc. Theo lời nói ấy thì người nay cũng thế. Kẻ như người ấy, đức ấy cùng vạn vật hỗn hợp làm Một, thì đời dầu có cầu ra trị loạn, họ cũng đâu chịu đi làm cái việc của thiên hạ. Người ấy không vật nào hại đặng. Nước cả đưng trời mà không làm họ chết chìm được, nắng cả chảy mềm sắt đá, cháy núi thiêu đất cũng không làm cho họ chết nóng được. Đồ bụi bặm, cặn bã của thần nhơn ấy cũng đúc thành được hạng người của Nghiêu Thuấn. Ai đâu lại khứng đi làm công việc cho ngoại vật!

Người nước Tống buôn mũ Chương phủ, sang nước Việt. Người nước Việt thì cắt tóc ngắn và xăm mình, không dùng mũ ấy làm gì. Nghiêu trị trăm họ trong thiên hạ, bình trị được trong nước, bèn sang qua núi Diểu-Cô Tạ để ra mắt bốn Thầy. Họ có cái vẻ sâu xa làm sao mà Nghiêu quên mất thiên hạ của mình.

*

G.

惠子謂莊子曰: 魏王貽我大瓠之種, 我樹之成, 而實五石. 以盛水漿, 其堅不能自舉也. 剖之以為瓢, 則瓠落無所容. 非不呶然大也. 吾為其無用而掊之. 莊子曰: 夫子固拙於用大矣, 宋人有善為不龜手之藥者, 世世以泝澼絘為事. 客聞之, 請買其方百金. 聚族而謀曰: 我世世為泝澼絘, 不過數金; 今一朝而鬻技百金, 請與之.

Huệ-tử vị Trang-tử viết: Ngụy vương di ngã đại hồ chi chủng, ngã thọ chi thành, nhi thật ngũ thạch. Dĩ thanh thủy tương, kỳ kiên bất năng tự cử dã. Phẫu chi dĩ vi biểu, tắc hồ lạc vô sở dụng. Phi bất hiêu nhiên đại dã. Ngô vi kỳ vô dụng nhi phẫu chi. Trang-tử viết: Phu tử cố chuyết ư dụng đại hĩ. Tống nhơn hữu thiện vi bất quy thủ^[lxxi] chi dục giả, thế thế dĩ bình tích khoáng vi sự. Khách văn chi, thỉnh mãi kỳ phương bách kim. Tụ tộc nhi mưu viết: ngã thế thế vi bình tích khoáng bất quá sô kim, kim nhất triều nhi chúc kỹ bách kim, thỉnh dữ chi.”

客得之, 以說吳王. 越有難, 吳王使之將... 冬與越人水戰, 大敗越人, 裂地而封之.

Khách đắc chi, dĩ thuyết Ngô vương. Việt hữu nạn, Ngô vương sử chi tướng... Đông dữ Việt nhơn thủy chiến, đại bại Việt nhơn, liệt địa nhi phong chí.

能不龜手一也. 或以封, 或不免於泔澼絀, 則所用之異也. 今子有五石之瓠, 何不慮以為大樽而浮乎江湖, 而憂其瓠落無所容. 則夫子猶有蓬之心也夫.

Năng bất quy thủ nhất dã. Hoặ dĩ phong, hoặ bất nhiên ư bình tích khoáng, tắc sở dụng chi dị dã. Kim tử hữu ngũ thạch chi hồ, hà bất lự dĩ vi đại tôn nhi phù hồ giang hồ, nhi ưu kỳ hồ lạc vô sở dụng. Tắc phu tử du hữu bồng^[lxxii] chi tâm dã phù.

DỊCH NGHĨA:

G. Huệ-tử gọi Trang-tử, nói: Ngụy vương tặng tôi một giống dưa to. Tôi trông nó có trái nặng đến năm thạch. Dùng nó đựng nước, nó nặng, không cất nhắc được. Bỏ nó ra làm cái bầu, thì lại không còn dùng được chỗ nào. Đâu phải nó không to lớn, nhưng vì cho nó là vô dụng nên tôi đập bỏ nó.

Trang-tử nói: Thế là phu tử vụng về chỗ đại dụng nó. Nước Tống có người khéo chế được môn thuốc chữa răn nứt da tay, đòi đòi chuyên làm nghề uơng tơ. Có người hay biết, đến xin mua phương thuốc đó một trăm

lượng vàng. Anh ta bèn nhóm thân-tộc bàn rằng: “Nhà ta đời đời làm nghề ương tơ, lợi không hơn số vàng đó. Nay một mai mà được trăm vàng, xin để cho bán.”

Người khách được phương thuốc, đem thuyết vua Ngô. Nước Việt có nạn, vua Ngô sai anh làm tướng. Nhằm mùa đông, thủy chiến với người Việt, người Việt đại bại. Vua Ngô bèn cắt đất mà phong thưởng anh ta.

Cũng thời cùng một phương thuốc trị răn nứt da tay mà một người được thưởng phong, một người không ta khỏi cái nghề ương tơ: đó là tại chỗ biết dùng mà khác nhau vậy.

Nay phu tử có trái dưa nặng đến năm thạch, sao không tính dùng nó làm trái nổi thả qua sông qua hồ, mà lo chi hồ vỡ bầu tan, không có chỗ dùng? Thì ra vì cái lòng của phu tử hẹp hòi chưa thông đạt đó.

*

H.

惠子謂莊子曰:吾有大樹,人謂之樗.其大本擁腫而不中繩墨.其小枝卷曲,而不中規矩.立之塗,匠者不顧.今子之言大而無用,衆所同去也.

Huệ tử vị Trang-tử viết: Ngô hữu đại thọ, nhơn vị chi Vu. Kỳ đại bốn ủng thũng^[lxxiii] nhi bất trúng thẳng mặc. Kỳ tiêu chi quyện khúc, nhi bất trúng quy củ. Lập chi đồ, tượng giả bất cố. Kim tử chi ngôn đại nhi vô dụng, chúng sở đồng khứ dã.

莊子曰:子獨不見狸狌乎,卑身而伏,以候敖者,東西跳梁,不辟高下,中於機辟,死於罔罟.今夫斄牛,其大若垂天之云.此能爲大矣,而不能執鼠.今子有大樹,患其無用.何不樹之於無何有之鄉,廣莫之野,彷徨乎無爲其側,逍遙乎寢卧其下.不夭斤斧,物無害者,無所可用,安所困苦哉!”

Trang-tử viết: Tử độc bất kiến ly tinh^[lxxiv] hồ, ti thân nhi phục, dĩ hậu ngao giả, đông tây điệu lương, bất tị cao hạ, trùng ư cơ tịch, tử ư võng vô. Kim phù thai ngư, kỳ đại nhược thủy thiên chi vân, thử năng vi đại hĩ, nhi bất năng chấp thử. Kim tử hữu đại thọ, hoạn kỳ vô dụng. Hà bất thọ chi ư vô hà hữu chi hương^[lxxv], quảng mạc^[lxxvi] chi dã, bàng hoàng hồ vô vi kỳ trắc, tiêu diêu hồ tầm ngọa^[lxxvii] kỳ hạ, bất yếu cân phủ, vật vô hại giả. Vô sở khả dụng, an sở khôn khổ tai!

DỊCH NGHĨA:

H. Huệ-tử gọi Trang-tử, nói: “Tôi có cội cây to, người ta gọi nó là cây Vu. Góc nó lồi lõm không đúng dây mực. Nhánh nhóc nó thì cong queo không đúng quy củ. Đem trồng nó ở đường cái, người thợ mộc cũng không thèm nhìn. Nay lời nói của ông to lớn mà vô dụng, nên người người đều không thèm nghe.”

Trang-tử nói: “Ông riêng chẳng thấy con mèo rừng đó sao? Co mình đứng núp, rình vật đi rong, nhảy tây nhảy đông, không hiềm cao thấp, kẹt trong dò bẫy, chết nơi lưới rập. Đến như con thai-ngư, lớn như vàng mây che một phương trời, kể ra cũng là to thật, nhưng cũng không bắt được chuột. Nay ông có cây to, lại sợ nó vô dụng. Sao không đem nó trồng nơi tịch mịch, giữa cánh đồng rộng bao la. Khách ngao du không làm gì, ngồi nghỉ dưới góc nó, khách tiêu diêu nằm ngủ dưới bóng nó. Nó sẽ không chết yếu vì búa rìu, cũng không sợ vật nào làm hại. Không có chỗ nào có thể dùng được, thì khôn khổ từ đâu mà đến được?”

*

TỔNG BÌNH

Về quan niệm Đạo và Đức thì Trang-tử và Lão-tử đồng với nhau.^[iv] Nhưng về quan niệm hạnh phúc, thì Trang-tử giản minh một cách rõ ràng khúc chiết hơn trong thiên Tiêu Diêu Du này.

Trang-tử cho rằng tất cả muôn vật, vật nào cũng có cái Đức của nó, do cái Đạo nơi mình mà phát huy ra. Chữ Đức ở đây không có cái nghĩa thông thường về luân lý như phái Nho gia đã dùng, mà nó dùng để ám chỉ cái Tánh tự nhiên của mỗi vật, tức là chỗ mà Lão-tử gọi là “kiến Tổ” và Nhà Phật gọi là “kiến Tánh”^[lxxviii]. “Tánh tự nhiên” đây, tức là chỗ mà Quách Tượng bảo “bất đắc bất nhiên” (không vậy không được), nghĩa là cái “bất đắc dĩ” của mọi sự mọi vật... như lửa không thể không nóng, giá không thể không lạnh. Cái động tác của Đức rất tự nhiên, không cố cưỡng, nên gọi nó là “Vô vi”.

Nếu biết thuận theo tánh tự nhiên ấy mà sống, thì hạnh phúc có ngay liền trước mắt, không cần cầu cạnh đâu khác ngoài mình.

*

Tiêu-diêu, là “tự do tự tại”, là “tự do sống theo cái sống tự nhiên của mình” mà không phải mô phỏng theo ai khác, đèo bồng tham muốn cái ngoài Tánh Phận của mình. Tiêu Diêu Du, là rong chơi vui thích theo ý mình, vì đã biết “thích kỷ tự an”, chứ không như người đời “xả kỷ thích nhơn”^[lxxix], điều mà Trang-tử rất cực lực phản đối ở thiên Đại-Tông-Su^[lxxx].

Như vậy, ta thấy rằng, cái Tự Do mà Trang-tử đề xướng là một thứ tự do tuyệt đối, không lệ thuộc vào một điều kiện nào ngoài cái Bản Tánh của mình cả. Sống theo mình là Tự Do, là Hạnh phúc; sống theo kẻ khác, là Nô lệ, là Đau khổ.

Đại ý thiên Tiêu-Diêu-Du, có thể tạm chia làm năm điểm chánh như sau đây:

*

I. LỚN VÀ NHỎ KHÔNG THƯỜNG

Nghĩa là cái Lớn cái Nhỏ không phải là điều tuyệt đối, bất biến, mà thực ra, là một lẽ tương đối: lớn hơn cái nhỏ, nhỏ hơn cái lớn. Lớn và Nhỏ đều là những lẽ vô thường.

Như cá Côn, vốn là một thứ cá nhỏ mà Trang-tử cho nó là một giống cá lớn không biết mấy nghìn dặm; chim Bằng, vốn là chim Phụng, cũng đâu phải là một vật cực đại, thế mà Trang-tử lại cho nó là một vật cực đại, có cái lưng lớn không biết mấy nghìn dặm, còn cánh của nó thì như vàng mây che khuất một phương trời. Đó là chỗ dụng ý đặc biệt của Trang-tử dùng một bút pháp cực kỳ huyền tượng, biến hóa bất thường để chỉ rõ sự vô thường của cái Lớn và cái Nhỏ. Đó là chỗ mà ở thiên Thu-Thủy nói: “lấy chỗ bất tề mà xem, thì sẽ thấy vật nào cũng lớn cả (đối với vật nhỏ hơn nó) và vật nào cũng nhỏ cả (đối với vật lớn hơn nó); biết Trời Đất như một hạt thóc, biết mây lông là hòn núi. “Như vậy, thì Nhỏ sao lại thường chẳng Lớn, mà lớn sao lại thường chẳng nhỏ được. Nhận thấy cái chỗ nhỏ của mình, mà ham muốn đèo bồng mãi cái phận ngoài mình, sao bằng nhận thấy chỗ lớn của mình và cho nó là đủ để mà “thích kỷ tự an”? Biết rõ được lẽ ấy, thì sẽ bỏ được cái lòng tham-dục của sự phân biệt trong ngoài, bỏ được cái lòng tham muốn những gì ngoài mình và không từng mình nữa. [lxxxii]

*

II. LỚN, THÌ HỢP VỚI CHỖ LỚN, NÊN KHÔNG THẤY MÌNH LÀ LỚN;

NHỎ, THÌ HỢP VỚI CHỖ NHỎ, NÊN KHÔNG THẤY MÌNH LÀ NHỎ.

Tức như chim Bằng, một con vật rất lớn, tất phải dờn sang biển Nam, bay lên cao chín muôn dặm và bay trọn sáu tháng trường không nghỉ... Trang-tử đã nói: “Nước không sâu thì không sức chở thuyền lớn, đồ một chung nước xuống cái hồ nhỏ, lấy một cộng cỏ mà làm thuyền thả lên thì thuyền tự nổi, nếu lại lấy cái chung nước ấy mà thả lên làm thuyền, thì thuyền ấy phải mắc cạn. Là tại sao? Tại nước không sâu, mà thuyền thì lớn. Lốp gió không dày, thì không sức chở nổi cánh lớn của chim Bằng.”

Quách tử Huyền luận về điểm này có nói: “Nếu không phải là mình hải thì không đủ chỗ cho thân con cá Côn day trở, nếu không có chín muôn

dặm cao thì sao đủ chỗ cái cánh to tướng của chim Bằng. Há phải đó vì hiếu kỳ mà vẽ cho ra chuyện thêm đâu! Hễ vật lớn, phải sanh ra nơi chỗ lớn, và chỗ lớn tất nhiên cũng sanh ra vật lớn đó. Lý cố tự nhiên, đâu phải cần lo cho nó không được như vậy!” Ông lại nói: “Cánh lớn nên khó cử động trong chỗ hẹp, cho nên phải vượt trên chín muôn dặm cao, mới có đủ chỗ mà cử động. Đã có cánh ấy mà lại quyết ở dưới thấp, hay bay lên vài chục thước cao như con chim cuu, có được không? Đó đều là chỗ “bất đắc bất nhiên” (không vậy không đặng), chứ đâu phải vui sướng gì mà làm ra như thế đâu!”

Vậy, lớn thì thuận theo chỗ lớn, không tự xem là lớn mà sinh kiêu; nhỏ thì thuận theo chỗ nhỏ, không tự xem là nhỏ mà đèo bồng ham muốn, như “con chim cuu... bay vụt lên du cây phương, dù bay không tới thì rơi xuống đất” đâu cần phải ham muốn cái rộng lớn của chim Bằng. Nghĩa thật rõ ràng!

Quách-Tử-Huyền nói: “Nếu biết đủ với tánh phận của mình, thì tuy mình lớn như chim Bằng, cũng không tự cho là lớn mà cho mình quý hơn chim nhỏ kia, mà con chim nhỏ kia cũng không cho mình là nhỏ mà ham muốn bay đến Ao Trời (thiên-trì) làm gì. Nên chỉ nói đến cái Vinh của chim Bằng, hay nói đến cái thềm muôn của con chim nhỏ (để kịp với chim Bằng) đều là nói thừa cả. Lớn, Nhỏ, tuy khác nhau, nhưng tâm trạng tiêu-du (nghĩa là tự do) vẫn một.

Tóm lại, chim Bằng ở thiên trì, thì chính cũng như chim cuu ở cây du, cây phương... “đâu vừa với đó”. Chim bằng, không tự xem mình là lớn, chim cuu không tự xem mình là nhỏ, nên lớn không kiêu với nhỏ, nhỏ không đèo bồng ham muốn cái lớn. Tham dục nhờ đó, tự nhiên không còn nữa. Tham dục mà không còn có nữa, thì hạnh phúc có ngay liền đó, vì hạnh phúc là sống được cái sống của mình, sống toại sinh trong cái tự tánh của mình vậy.

*

III. THỌ VÀ YẾU

Điều mong ước lớn nhất của người đời, là được sống lâu. Cho nên mới cho cái sống bảy tám trăm năm của Bành Tổ là thọ, mà ao ước, thèm thườn! Là tại sao? Là tại cái số kiếp của con người, chỉ trăm năm là hạn, nên mới đèo bồng ham muốn sống được như Bành Tổ và cho đó là thọ. Giả sử mà ai ai cũng đều sống được như Bành Tổ, thì cái khoảng bảy trăm năm lại sẽ không còn đủ cho là thọ nữa. Như ta đã thấy, lòng ham muốn con người sở dĩ có, là khi nào không biết an theo số phận của mình mà đem tâm đeo đuổi theo số phận của những vật ngoài mình và khác mình.

Thật vậy, vì không ai sống đến được cái tuổi của Bành Tổ, nên mới cho cái sống ấy là thọ mà thèm muốn. Bành Tổ, trái lại, nếu cũng bắt chước như ta mà không biết an với Tánh Phận của mình là sống bảy trăm năm, lại đèo bồng muốn sống được cái sống của cây minh linh thì tất cũng cho cái hạn bảy trăm năm của mình không đủ cho là thọ, mà sống được như cây minh linh mới là thọ. Cây minh linh, nếu lại bắt chước Bành Tổ, không tự xem mình là thọ, lại đèo bồng ham muốn sống theo cái sống của cây đại xuân; cây đại xuân lại muốn sống được như cái sống của Trời Đất... thì ra vật nào cũng không thọ cả, mà vật nào cũng đều yếu cả! Cho nên nói rằng, nếu cứ tham muốn sống ngoài cái tánh phận của mình, thì cái sống của Bành Tổ đối với cây đại xuân, không khác nào “cái sống của đứa trẻ chết trong nôi” vậy.

Nếu lấy cái sống trăm năm là hạn của ta làm mực thước, thì con ve sâu mùa xuân sanh, mùa hạ chết, tai nấm mai sớm nở tối tàn... đều là vật yếu cả! Cái sống một mùa của con ve sâu, và cái sống có một buổi của tai nấm mai, đối với ta tuy chỉ là cái sống trong khoảng khắc rất ngắn ngủi, mà đối với nó, vẫn cũng là một kiếp sống, như một kiếp sống trăm năm của ta vậy. Đối với con người, được sống trăm năm là thọ; thì đối với tai nấm mai, sống được một buổi cũng là thọ, mà đối với con ve sâu, sống được một mùa, đều là thọ cả: chúng nó được sống đến cái mức cùng của kiếp sống của chúng. Còn như cây đại xuân sống một xuân là tám nghìn năm, một thu là tám nghìn năm, giá như nó chỉ sống được có bốn mùa, nghĩa là ba muôn hai nghìn năm, thì đối với ta, sao không cho đó là thọ được, nhưng đối với cái kiếp sống của nó thì nó chỉ sống được có một tuổi mà thôi, nghĩa là chỉ sống được có bốn mùa; sống được tám nghìn năm, phải chăng

đôi với ta, là rất thọ, nhưng đôi với chính cây đại xuân, thì nó chỉ sống được có một mùa mà thôi, sống rất yếu vậy!

Thế thì căn cứ vào sự dài ngắn của thời gian không thể được xem là thọ hay yếu. Chẳng qua như vật lớn ở chỗ lớn, vật nhỏ ở chỗ nhỏ. Vậy, thọ, yếu cũng như lớn, nhỏ chỉ là một danh từ đối đãi, tự nó không có nghĩa gì là thật cả, thật một cách tuyệt đối. Không nhìn ra ngoài, mà chỉ nhìn vào trong, nghĩa là mỗi vật, nếu biết “các an kỳ phận”, “thích kỷ tự an”, thì vấn đề lớn nhỏ, thọ yếu sẽ không còn thành vấn đề làm cho lòng mình thắc mắc nữa.

*

IV. HUYỀN NGHĨA CỦA TIÊU-DIÊU

Mỗi vật, nếu đều biết tự đủ với cái tánh phận của mình, thì dù ở trong xã hội, phải ở vào địa vị nào, cũng không tự xem là không đủ, để đèo bồng tham muốn cái Tánh Phận ngoài mình. Như “kẻ có tài trí đủ để làm nổi một tước quan, hạnh hơn cả một làng, thì đức sẽ không khác nào một vị vua được lòng tin của cả nước, nếu biết tự xem mình như đáng làm vua kia vậy.” Tuy phận giống nhau, nếu mỗi người đều tròn với cái phận của mình. Chí và Hành của hai bên, bất quá như vật lớn nhỏ, thọ yếu mà thôi.

Kẻ biết nhận thấy đức của mình ngang với bậc Vua chúa như chức quan nhỏ kia, tuy là kẻ sáng suốt “thích kỷ tự an”, hơn người đời một bậc, nhưng chỗ “lập đức” chưa vững. Là vì hãy còn thấy có công.

Vinh tử nước Tống, “đời khen cũng không khích lệ, đời chê cũng không ngăn đón được”, tức là người vượt lên trên dư luận, không còn nô lệ đến thị phi bên ngoài nữa, thế mà chỗ lập đức của ông cũng chưa được vững. Là vì tuy đã biết坦然 đối với dư luận, nhưng còn để cho đời biết được mà khen với chê. Đó là hạng người còn để lại “danh”. Ấy là hạng người như vua Nghiêu, và Hứa Do.

Trên hai hạng đó, lại còn một hạng nữa, là hạng người như Liệt tử, hạng “cỡi gió mà đi, đi một cách êm ái nhẹ nhàng”. Ở đây Trang-tử muốn ám

chỉ những bậc tu đạo đã đạt đến trạng thái huyền hóa trong những lúc thiên tọa hay tĩnh tọa. Trong những lúc ấy, họ đã đạt đến trạng thái “tiêu diêu” vì đã huyền đồng cùng với cái sống thiêng liêng của họ, tức là Đạo. Nhưng, chỉ có một lúc thôi, nên mới nói “tuy phải đi, nhưng còn phải có chỗ chò”. Liệt-tử tuy “cỡi gió mà bay, thong thả tự do”, nhưng còn phải đợi có gió mới bay được, như chim Bằng đợi có gió trốt nổi lên, mới “nuơng theo đó mà bay lên chín muôn dặm cao”. Kẻ như Liệt tử, được huyền đồng cùng Đạo, tuy tiêu diêu được, mà cũng phải đợi lúc huyền hóa mới được tiêu diêu. Tự do (tiêu diêu) mà còn đợi lúc huyền hóa mới tiêu diêu thì chưa phải thật là người đã đạt đến cõi tiêu diêu tuyệt đối (tự do tuyệt đối). Là vì họ không phải luôn luôn “không còn thấy có mình” (vô kỷ) nữa. Chỉ có bậc “chí nhơn vô kỷ, thần nhơn vô công, thánh nhơn vô danh” mới thật là kẻ đã đạt đến cái trạng thái huyền đồng một cách vĩnh viễn mà không còn phải chờ đợi một điều kiện gì khác.

*

Làm cách nào để đạt đến trạng thái huyền hóa? Phải biết “thuận theo cái chánh của Trời Đất, nuơng theo cái biến của lục khí mà lại qua trong cõi vô cùng.”

Nghĩa là gì thế? Trời Đất là nói về Âm Dương. Âm Dương cọ sát nhau, tranh đấu nhau, nhưng khi được cái Chánh của nó, tức là Đạo, thì nó sẽ được điều hòa. Đạo, tức là cái Chánh của Trời Đất, đứng trên Âm Dương, và bao giờ cũng có cái phận sự điều chỉnh lại những gì thái quá do sự tranh chấp của cặp mâu thuẫn ấy gây nên, và không cho cái nào lấn cái nào cả. Thuận theo cái Chánh của Trời Đất được rồi, thì tha hồ “nuơng theo cái biến của lục khí” nghĩa là biết “đĩ bất biến” (Đạo) để mà “ứng vạn biến” trong cuộc “vạn hóa” của Trời Đất. Cái Chánh (Đạo) ấy nơi ta, nhà Phật gọi là Tánh, Lão-tử gọi là Tồ và ở đây gọi là Tánh Tự nhiên.

Quách Tượng giải nghĩa câu này nói: “Trời Đất lấy vạn vật làm cái thể, còn vạn vật lấy cái tự nhiên (tức là Đạo) làm cái chánh. Không làm mà vẫn được tự nhiên, mới gọi là Tự Nhiên. Tức như chim Bằng, bay cao là sở năng của nó; chim cuu, bay thấp là sở năng của nó; tai nấm mai, sống trong một buổi mai, là sở năng của nó; cây đại xuân, sống dài dằng dặc, là sở năng của nó. Bấy nhiêu cái đó, đều là “sở năng” của tự nhiên, không

phải “sở năng” của sự làm của mình; không làm mà tự nhiên được cái sở năng ấy, đó gọi là Chánh. Bởi vậy, “thuận theo cái Chánh của Trời Đất”, tức là thuận theo cái Tánh tự nhiên (Đạo) của vạn vật, thì đâu phải cần chờ đợi cái gì nữa mà huyền hóa với tạo vật. Được như thế, mới gọi là người chí đức, tức là người đã được tiêu điều trong sự huyền đồng của Đây và Đó. Nếu còn nhờ (cái gì ở ngoài) nữa, rồi sau mới được tiêu điều, tức như Liệt tử tuy “cỡi gió mà đi một cách êm ái dịu dàng” nhưng còn phải đợi có gió mới bay đi được, thì Đức chưa hoàn toàn. Huống chi là chim Bằng. Duy, cùng với vạn vật hỗn hợp làm một rồi, và nương theo cuộc đại biến của Trời Đất mà rong chơi trong cõi vô cùng thì mới gọi được là bậc “thường thông” hay là “đại thông”.

Lời chú giải trên đây của Quách Tượng, thật rõ ràng hết sức. Bậc chí nhân là kẻ đã huyền đồng cùng tạo vật rồi, cho nên bản ngã không còn nữa. ở thiên Tề-Vật-Luận, Trang-tử mượn lời của Tử-Kỳ để nói lên chân lý ấy: “Ta đã mất bản ngã rồi!” Bản ngã mà không còn thì Thiên-Tánh hiện ra^[lxxxii], có khác nào Mặt trời (Thiên Tánh hay Đạo) bị mây (Bản ngã) che mờ: hễ mây tan đi thì tự nhiên Mặt trời hiện ra sáng tỏ. Khi Thiên Tánh hiện ra là vì Bản ngã đã mất, nên gọi là “chi nhơn vô kỹ”, đó là được chỗ “đại thuận”, hay là “được cái Chánh của tánh mạng”.

“Thuận theo cái Chánh của Trời Đất”, tức là “thuận theo cái Tánh tự nhiên của mình”^[lxxxiii]. Quan trọng nhất, là gìn giữ cái tánh ấy, đừng để nó lu mờ vì tư dục, đừng để cho hoàn cảnh huyền hoặc, thay đổi... Một cái cây, từ lúc đâm mọc, nảy chồi, trở lá, đơm bông... những cuộc biến động tuy nhiều, nhưng cái Sống của cây vẫn luôn luôn có một, và toàn mãn từ đầu chí cuối.

Bậc chí nhân vì đã thực hiện được trạng thái “vô kỹ” nên “thuận với Tánh tự nhiên của mình” và dù lưu chuyển theo cuộc biến động bất tận của Trời Đất, vẫn không làm mất Bản-tánh duy nhất của mình.^[lxxxiv]

Bởi vậy, nơi mình, thì lo mà thực hiện sự huyền đồng cùng tạo vật, không phân trong và ngoài, ta và người nữa, không thấy lớn nhỏ, thọ yếu; còn nơi vật, thì biết để cho vạn vật, vật nào cũng được “an theo chỗ đã an bài của chúng” nên không ép buộc ai phải theo mình, nghĩa là lấy mình mà đánh giá sự phải quấy của người. Đó gọi là “chi nhơn vô kỹ”.

*

V. HỮU DỤNG VÀ VÔ DỤNG

Trời Đất sinh vạn vật, để cho mỗi vật sống cái sống của nó, chứ không phải sinh ra để cho người dùng nó. Dùng được thì dùng, không dùng được thì bỏ. Gọi là hữu dụng hay vô dụng là sai. Thực ra, tự nó, không có vật gì gọi là hữu dụng hay vô dụng cả.

Như mỗ Chương-phủ, người nước Tống thì đại dụng, mà người nước Việt không dùng, bởi nó không đáp với nhu cầu. Hữu dụng hay vô dụng là việc không thường cũng như lớn nhỏ vậy.”Một trái dưa to, nặng năm thạch” mà “bỏ nó ra để làm cái bầu” thì lại hỏng cả, không dùng gì được nữa(vô dụng); trái lại, nếu để nó như vậy mà làm phao, đeo lội qua sông, thì nó là hữu dụng.

Ta thấy rằng nếu biết dùng, thì không có vật gì là không vô dụng, như cũng thời món thuốc “bất quy thủ” mà kẻ thì được phong hầu, còn người thì suốt đời chỉ làm cái nghề quay tơ. Đó là Trang-tử trả lời cho Huệ-tử (cùng những ai chê cái học của ông là vô dụng) rằng: nếu biết dùng thì không có cái học nào là vô dụng cả: “là vì lòng của phu tử còn hẹp hòi chưa thông đạt”!

Vật nào cũng có cái Tánh tự nhiên của nó, không vật nào giống vật nào cả. Bởi vậy, ta phải biết chịu chỗ khác biệt nhau đó, nghĩa là phải biết nhìn nhận sự “bất bình đẳng tự nhiên” của sự vật mà đừng đem tư tâm mong bình đẳng nhất loại tất cả làm một. Biết nhận sự “bất bình đẳng tự nhiên” giữa vạn vật, tức phải biết kính trọng chỗ riêng biệt của mỗi vật, nghĩa là cái tánh tự nhiên của mỗi vật mà không xen vào làm trở ngại sự phát triển tự nhiên của nó hay sửa đổi uốn nắn nó theo một công thức giả tạo nào khác. Không xen vào làm trở ngại hay làm hư hoại tánh tự nhiên của mỗi vật, là để cho mỗi vật được sống “tiêu điều” (tự do) theo cái sống của nó, tự do phát triển theo cái tánh tự nhiên của nó.

*

Tóm lại, tiêu điều là tự do. Tự do là sống được theo tánh tự nhiên, tức là theo bản tánh của mình. Một hành động được gọi là hành động tự do, khi nào trong hành động ấy, ta biểu lộ được cái Người thâm sâu, thành thực của ta, theo ta, chứ không phải theo kẻ khác, theo một giáo lý hay một mẫu người lý tưởng nào ngoài ta. Và nếu mỗi vật, vật nào cũng được sống theo mình, thì sẽ không còn lớn, nhỏ, quý, tiện nữa, mà thấy đều tiêu điều như nhau cả. Tiêu điều như nhau cả, đó là bình đẳng tuyệt đối, mà bình đẳng tuyệt đối là nhờ có tự do tuyệt đối. Thiên Tê-Vật-Luận sẽ bàn về cái Bình đẳng tuyệt đối ấy.

*
* *
* *

齊物論

TÊ-VẬT-LUẬN

A.

南郭子綦隱机而坐, 仰天而噓, 荅焉似喪其耦.

Nam-Quách Tử-Kỳ^[lxxxv] ẩn kỹ nhi tọa, ngưỡng thiên nhi hu^[lxxxvi], tháp yên^[lxxxvii] tự táng kỳ ngẫu^[lxxxviii].

顏成子游立侍乎前,曰:“何居乎?形固可使如槁木,而心固可使如死灰乎?今之隱机者,非昔之隱机者也”.

Nhan-Thành Tử-Du^[lxxxix] lập thị hồ tiên, viết: “Hà cư hồ? Hình cố khả sử như khảo mộc, nhi tâm cố khả sử như tử khôi hồ? Kim chi ẩn kỹ giả, phi tích chi ẩn kỹ giả dã”.

子綦曰: 偃, 不亦善乎, 而問之也. 今者吾喪我. 汝知之乎 . 汝聞人籟而未聞地籟, 汝聞地籟, 而未聞天籟夫?

Tử-Kỳ viết: Yên, bất diệc thiện hồ, nhữ^[xc] vấn chi dã. Kim giả ngô táng ngã. Nhữ tri chi hồ. Nhữ^[xci] vấn nhân^[xcii] lại nhi vị vấn địa lại, nhữ vấn địa lại, nhi vị vấn thiên lại phù?

子游曰: 敢問其方.

Tử Du viết: Cảm vấn kỳ phương.

子綦曰: 夫大塊噫氣, 其名為風. 是唯無作, 作, 則萬竅怒呿. 而獨不聞之寥寥乎. 山林之畏佳, 大木百圍之竅穴, 似鼻, 似口, 似耳, 似枅, 似圈, 似臼, 似埴者, 似污者; 激者, 謫者 叱者吸者, 叫者, 謔者, 突者, 咬者.

Tử Kỳ viết: Phù đại khối ái khí, kỳ danh vi phong. Thị duy vô tác. Tác, tắc vạn khiếu nô ngạc, nhi độc bất vấn chi liệu liệu hồ. Sơn lâm chi úy giai, đại mộc bách vi chi khiếu huyết, tợ tị, tợ khẩu, tợ nhĩ, tợ kê, tợ quyện, tợ cự; tợ oa giả, tợ ô giả, kích giả, hao giả, sát giả, hấp giả, khiếu giả, hạo giả, yêu giả, giao giả.

前者唱于,

而隨者唱喁.

冷風則小和,

飄風則大和,

Tiền giả xướng vu,

Nhi tùy giả xướng ngu.

Lãnh phong tắc tiểu hòa,

Phiêu phong tắc đại hòa,

厲風濟則眾竅爲虛. 而獨不見之調調之刁刁乎?

Lệ phong tế tắc chúng khiêu vi hư. Nhữ độc bất kiến chi điều điều chi điều điều hồ?

子游曰: 地籟則眾竅是已. 人籟則比竹是已. 敢問天籟.

Tử Du viết: Địa lại tắc chúng khiêu thị dĩ. Nhơn lại tắc tỉ trúc thị dĩ. Cảm vấn thiên lại?

DỊCH NGHĨA:

TÈ-VẬT-LUẬN

A. Nam Quách Tử Kỳ ngồi dựa ghế, giữa mặt hà hơi, bơ phờ như người mất hồn.

Nhan Thành Tử Du đứng hầu trước mặt, thấy vậy, hỏi: “Sao mà hình hài có thể khiến được như cây khô, còn lòng thì có thể khiến được như tro lạnh? nay người ngồi trên ghế có còn phải là người ngồi trên ghế trước đây nữa không?”

Tử Kỳ nói: “Yên! Câu hỏi của ngươi đâu phải là không đúng! ta nay đã mất bản ngã rồi, ngươi có biết chăng? Ngươi chỉ nghe tiếng sáo của người mà chưa nghe tiếng sáo của đất. Ngươi chỉ nghe tiếng sáo của đất mà chưa nghe tiếng sáo của trời.”

Tử Du nói: “Dám hỏi dùng phương chi nói để cho tôi hiểu được?”

Tử Kỳ nói: “Hơi thở của đại khối, gọi là gió. Nó không nổi lên thì thôi. Nó mà nổi lên thì muôn lỗ hồng gào thét lên, riêng ngươi chẳng nghe nó ào ào đó hay sao? Máy chỗ sâu hõm của núi rừng, những bông của cây to trăm vòng, như mũi, như miệng, như tai, như xà, như vành, như cối, như ao sâu, như vũng cạn... khi thì rập nhau la lối, nạt nộ, gầm thét, khi lại bỏ giọng rừ rì, nỉ non, than thở. Tiếng trước xướng lên, tiếng sau họa lại. Gió

hiu hiu thì là tiểu hòa; gió vụt vụt thì là đại hòa. Đến khi gió lặng, thì các khiêu đều êm. Riêng người không thấy cành lá còn rung động đó hay sao?”

Tử Du nói: “Tiếng sáo Đất là tiếng hòa của muôn khiêu. Tiếng sáo của người là tiếng hòa của ống trúc. Dám xin hỏi thế nào là tiếng sáo của Trời?”

*

B.

子綦曰：夫吹萬不同，而使其自己也。咸其自取，怒者其誰耶？

Tử-Kỳ viết: Phù xuy vạn bất đồng, nhi sử kỳ tự kỷ dã, hàm kỳ tự thủ, nô giả, kỳ thùy da?

大知閑閑，
小知閒閒；
大言炎炎，
小言詹詹，
其寐也，魂交，
其覺也，形開。

Đại trí hàn hàn.

Tiểu trí nhàn nhàn^[xciii]

Đại ngôn viêm viêm,

Tiểu ngôn chiêm chiêm^[xciv]

Kỳ mị dã, hồn giao.

Kỳ giác dã, hình khai.^[xcv]

與接爲構

日以心鬪

縵者，窞者，密者

小恐惴惴，

大恐縵縵.

Dữ tiếp vi cầu,

Nhật dĩ tâm đầu, ^[xcvi]

Mạn ^[xcvii] giả, giáo ^[xcviii] giả, mật ^[xcix] giả.

Tiểu khủng chủ chủ.

Đại khủng mạn mạn. ^[c]

其發若機括, 其司是非之謂也. 其留如詛盟, 其守勝之謂也. 其殺如秋冬, 以言其日消也; 其溺之所為之, 不可使復之也; 其厭也如緘, 以言其老洫也. 近死之心, 莫使復陽也.

Kỳ phát nhược cơ quát, kỳ tư thị phi chi vị dã. Kỳ lưu như trở minh, kì thủ thắng chi vị dã. Kỳ sát như thu đông, dĩ ngôn kỳ nhật tiêu dã; kỳ nịch chi sở vi chi, bất khả sử phục chi dã; kỳ yểm dã như giam, dĩ ngôn kỳ lão dật dã. Cận tử chi tâm, mạc sử phục dương dã.

喜怒哀樂慮嘆變熱姚佚啟態. 樂出虛蒸成菌. 日夜相代乎前而莫知其所萌. 已乎! 已乎! 旦暮得此其所由以生乎!

Hỉ nộ ai lạc lự thán biến nhiệt diêu dật khái thái ^[ci]. Nhạc xuất hư chung thành khuẩn. Nhật dạ tương đại hồ tiền nhi mạc tri kì sở manh. Dĩ hồ! Dĩ hồ! Đản mộ đắc thử kỳ sở do dĩ sinh hồ!

非彼無我. 非我無所取是亦近矣. 而不知其所為使. 若有真宰而特不得其朕可行已信而不見其形. 有情而無形. 百骸九竅六藏, 賅而存焉, 吾誰與為親? 汝皆說之乎? 其有私焉? 如是皆有為臣妾乎? 其臣妾不足以相治乎? 其遞相為君臣乎? 其有真君存焉? 如求得其情與不得, 無益損乎其真. 一受其成形, 不亡以待盡, 與物相刃相靡, 其行盡如馳, 而莫之能止. 不亦悲乎? 終身役役而不見其成功, 荼然疲役而不知其所歸, 可不哀邪? 人謂之不死溪益, 其形化, 其心與之然, 可不謂大哀乎?

Phi bỉ vô ngã. Phi ngã vô sở thủ thị diệc cận hĩ. Nhi bất tri kỳ sở vi sử. Nhược hữu chân tể nhi đặc bất đắc kỳ trầm khả hành dĩ tín nhi bất kiến kỳ hình. Hữu tình nhi vô hình. Bách hại cửu khiêu lục tạng, cai nhi tồn yên. Ngô thùy dữ vi thân? Nhữ giai thuyết chi hồ? Kỳ hữu tư yên. Như thị giai hữu vi thân thiếp hồ? Kỳ thân thiếp bất túc dĩ tương trị hồ? Kỳ đại tương vi quân thân hồ? Kỳ hữu chân quân tồn yên? Như câu đắc kỳ tình dữ bất đắc,

vô ích tổn hồ kỳ chơn. Nhất thụ kỳ thành hình, bất vong dĩ đãi tận, dữ vật tương nhẫn tương mỹ, kỳ hành tận như trì, nhi mặc chi năng chi. Bất diệc bi hồ? Chung thân dịch dịch nhi bất kiến kỳ thành công, niết nhiên bì dịch nhi bất tri kỳ sở quy, khả bất ai da? Nhân vị chi bất tử hề ích, kỳ hình hóa, kỳ tâm dữ chi nhiên, khả bất vị đại ai hồ?

人之生也, 固若是芒乎. 其我獨芒, 而人亦有不芒者乎? 夫隨其成心而師之, 誰獨且無師乎? 奚必知代, 而心自取者有之. 愚者與有焉. 未成乎心而有是非, 是今日適越而昔至也. 是以無有為有. 無有為有, 雖有神禹且不能知. 吾獨且奈何哉!

Nhân chi sinh dã, cố nhược thị mang hồ. Kỳ ngã độc mang, nhi nhân diệc hữu bất mang giả hồ? Phù tùy kỳ thành tâm nhi sư chi, tùy độc thả vô sư hồ? Hề tất tri đại, nhi tâm tự thủ giả hữu chi. Ngu giả dữ hữu yên, vị thành hồ tâm nhi hữu thị phi. Thị kim nhật thích Việt nhi tích chí dã. Thị dĩ vô hữu vi hữu. Vô hữu vi hữu, tuy hữu Thần Vũ thả bất năng tri. Ngô độc thả nại hà tai!

DỊCH NGHĨA:

B. Tử Kỳ nói: “Kìa như gió thổi khiến muôn tiếng không đồng nhau vang lên, nhưng mà lại khiến cho nó tự ngưng đi, hoặc tự nổi lên, là gì đấy? Biết một cách bao trùm rộng rãi, đó là hạng đại trí; biết một cách chia lìa vụn vặt, đó là hạng tiểu trí. Lời nói tổng hợp thị phi; đó là đại ngôn, lời nói chi li biện-biệt, đó là tiểu ngôn. Khi ngủ thì tinh thần giao nhau (làm một). Khi thức, thì tinh thần bị ly khai (vì chạy theo sự vật bên ngoài). Tiếp lẫn nhau, gọi là “cấu” (hợp nhau làm một); tán mạn ra, gọi là “tâm đấu” (lòng bị chia lìa chống đối nhau). Lòng phải rộng, sâu và dè dặt. Dè dặt là cái nhỏ mà phân biệt sanh, tử; dè dặt cái lớn là xem sanh tử bằng nhau. Người đời bày cuộc bắn bia mà định thị phi, bày trò khé ước mà phân thắng bại. Lòng người mãi tranh đấu cho thị phi lẫn đầu hao mòn, bị giết như thu đông giết thảo mộc. Họ đắm đuối trong việc làm đó, không làm sao cho lòng họ

phục nguyên lại được. Đè nén như giam nhốt, như đè nén lời nói^[ciii]. Cái lòng gần chết, không sao khiến nó nóng lại được.

Nhưng mà mừng giận, thương vui, phản phúc, kinh sợ, phù phiếm, phóng túng, tình dục mở rộng... đều như tiếng nhạc do chỗ hư không mà phát lên, như đám nấm trong chỗ ẩm ướt mà sanh ra. Ngày và đêm, tiếp nhau mà hiện ra trước mặt, ai biết được đầu mối nó nơi đâu? Ôi! Ôi! Một sớm một chiều, ai biết được từ đâu mà sanh ra?

Không có đó, không có đây. (Nhưng nếu) không có đây thì biết lấy đâu làm chỗ căn cứ! Lý ấy đâu có xa xôi gì! Nhưng mà không rõ ai xui như thế? Đường như có đấng Chân-tể, nhưng mà không thấy được dấu vết của Đó. Đấng ấy có tình mà không có hình. Trăm xương chín khiêu, sáu tạng, riêng biệt ra thì không thành một thân thể; nên phải có cái “hiệp” nó lại kia mới thành một thân thể được. Thần thiếp riêng biệt ra, không đủ sức trị lẫn nhau nên không thể thành một môn hộ; nên phải có cái hiệp nó lại, mới thành một môn hộ, quân thần riêng biệt ra thì không thành một quốc gia, nên phải có cái “hiệp” cả hai lại mới thành một quốc gia. Cái mà hiệp đặng làm nên một thân thể, một môn hộ, một quốc gia, “cái đó” không bớt, cũng không thêm cho thân thể, cho môn hộ, cho quốc gia, ta gọi nó là “Tình”. Có kẻ nhận cái “hình” do đó gây ra, không quên cho đến ngày cùng tận của nó, rồi đâm chém nhau, hại lẫn nhau, mà không biết dừng, chẳng cũng đáng buồn sao? Có kẻ trọn đời làm mãi mà không thấy thành công, mệt mỏi mà không biết đâu là chỗ về, cũng chẳng đáng thương xót sao? Người ta bảo như thế mà không chết có ích gì không? Hình nó hóa đi, tâm nó cũng một thể, cũng chẳng đáng xót xa lắm sao?

Đời người mờ mịt, há phải riêng ta mờ mịt, còn kẻ khác không mờ mịt hay sao? Như biết lấy cái tâm đã thành của mình làm Thầy, thì ai là chẳng có Thầy? Cái tâm thành đã sẵn có, sao còn tìm cái chi nữa mà thể nó? Kẻ ngu cũng có nó. Chưa thành được mà lòng đã có chứa thị phi, thì có khác nào hôm nay sang nước Việt mà đã đến từ hôm trước rồi! Như vậy, tức là lấy cái không có làm cái có. Lấy cái không có làm cái có, thì tuy có Thần Võ cũng không biết được, riêng ta có làm thế nào được!

*

C.

夫言非吹也,言者有言,其所言者,特未定也.果有言邪?其未嘗有言邪?其以爲異於馯音,亦有辯乎?其無辯乎?道惡乎隱而有真偽?言惡乎隱而有是非?道惡乎往而不存?言惡乎存而不可?

Phù ngôn phi xuy dã. Ngôn giả hữu ngôn^[ciii], kỳ sở ngôn giả, đặc vị định dã. Quả hữu ngôn da? Kỳ vị thường hữu ngôn da? Kỳ dĩ vi dị ư khẩu âm^[civ], diệc hữu biện hồ? Kỳ vô biện hồ? Đạo ô hồ ần nhi hữu chân ngụy? Ngôn ô hồ ần nhi hữu thị phi^[cv]? Đạo ô hồ vãng nhi bất tồn? Ngôn ô hồ tồn nhi bất khả^[cvi]?

道隱於小成,言隱於榮華.故有儒墨之是非,以是其所非,而非其所是.欲是其所非,而非其所是,則莫若以明.物無非彼,物無非是.自彼則不見,自知則知之.故曰:彼出於是,是亦因彼.彼是,方生之說也.雖然,方生方死,方死方生.方可方不可,方不可方可.因是因非,因非因是.

Đạo ần ư tiểu thành^[cvii]; ngôn ần ư vinh hoa^[cviii]. Cố hữu Nhu Mặc chi thị phi; dĩ thị kỳ sở phi, nhi phi kỳ sở thị. Dục thị kỳ sở phi, nhi phi kỳ sở thị, tắc mặc nhược dĩ minh. Vật vô phi bỉ, vật vô phi thị. Tự bỉ tắc bất kiến tự tri tắc tri chi. Cố viết: Bỉ xuất ư thị, thị diệc nhơn bỉ. Bỉ thị, phương sinh chi thuyết dã. Tuy nhiên, phương sinh phương tử, phương tử phương sinh. Phương khả phương bất khả, phương bất khả phương khả. Nhân thị nhân phi, nhân phi nhân thị.

是以聖人不由而照之于天,亦因是也.是亦彼也.彼亦是也.彼亦一是非.此亦一是非.果且有彼是乎哉?果且無彼是乎哉?彼是,莫得其偶謂之道樞.樞始得其環中,以應無窮.是亦一無窮,非亦一無窮也.故曰:莫若以明.

Thị dĩ Thánh nhân bất do nhi chiếu chi vu thiên, diệc nhân thị dã. thị diệc bỉ dã. Bỉ diệc thị dã. Bỉ diệc nhất thị phi. Thử diệc nhất thị phi. Quả thả hữu bỉ thị hồ tai? Quả thả vô bỉ thị hồ tai? Bỉ thị, mặc đắc kỳ ngẫu^[cix] vị chi Đạo Xu^[cx]. Xu thủy đắc kỳ hoàn trung^[cxi], dĩ ứng vô cùng. Thị diệc nhất vô cùng, phi diệc nhất vô cùng dã. Cố viết: Mặc nhược dĩ minh.

以指喻指之非指,不若以非指喻指之非指也.以馬喻馬之非馬,不若以非馬喻馬之非馬也.天地一指也,萬物一馬也.

Dĩ chỉ dụ chỉ chi phi chỉ, bất nhược dĩ phi chỉ dụ chỉ chi phi chỉ dã. Dĩ mã dụ mã chi phi mã, bất nhược dĩ phi mã dụ mã chi phi mã dã. Thiên địa nhất chỉ dã, vạn vật nhất mã dã.

可乎可,不可乎不可.道行之而成,物謂之而然.惡乎然?然於然.惡乎不然?不然於不然.物固有所然,物固有所可.無物不然,無物不可.故爲是舉莛與楹,厲與西,恢恠慤怪,道通爲一.

Khả hồ khả, bất khả hồ bất khả. Đạo hành chi nhi thành, vật vị chi nhi nhiên. Ô hồ nhiên? Nhiên ư nhiên. Ô hồ bất nhiên? Bất nhiên ư bất nhiên. Vật cố hữu sở nhiên, vật cố hữu sở khả. Vô vật bất nhiên, vô vật bất khả. Cố vi thị cử đình dữ đình, lệ dữ Tây thi, khôi nguy quyết quái, Đạo thông vi nhất.

其分也成也.其成也,毀也.凡物無成與毀,復通爲一.惟達者知通爲一.爲是不用而寓諸庸.庸也者,用也;用也者,通也;通也者,得也.適得而幾矣.因是已.已而不知其然,謂之道.勞神明爲一而不知其同也,謂之朝三.

Kỳ phân dã thành dã. Kỳ thành dã, hủy dã. Phàm vật vô thành dữ hủy, phục thông vi nhất. Duy đạt giả tri thông vi nhất. Vi thị chi bất dụng nhi ngụ chư dụng. Dụng dã giả, dụng dã; dụng dã giả, thông dã; thông dã giả, đắc^[cxii] dã. Thích đắc nhi cơ^[cxiii] hĩ. Nhân thị dĩ^[cxiv]. Dĩ nhi bất tri kỳ nhiên, vị chi Đạo. Lao thân minh vi nhất nhi bất tri kỳ đồng dã, vị chi triêu tam.

何謂朝三?曰:狙公賦茅,曰:“朝三而莫四”.衆狙皆怒.曰:然則朝四而莫三.衆狙皆悅.名實未虧,而喜怒爲用,亦因是也.是以聖人和之以是非,而休乎天鈞,是之謂兩行.

Hà vị triêu tam? Viết: Thư công phú vu^[cxv] viết: triêu tam nhi mộ^[cxvi] tứ. Chúng thư giai nộ. Viết: nhiên tắc triêu tứ nhi mộ tam. Chúng thư giai duyệt. Danh thật vị khuy, nhi hỉ nộ vi dụng, diệc nhơn thị dã. Thị dĩ Thánh nhân hòa chi dĩ thị phi, nhi hư hồ thiên quân^[cxvii], thị chi vị lưỡng hành^[cxviii].

DỊCH NGHĨA:

C. Lời, không phải như gió thổi: Lời phải có nói lên một cái gì. Nếu chỗ nói của nó mà chưa định, thì lời nói ấy quả đã có nói không. Hay là chưa có nói gì cả? Lời nói chưa định ấy, khác nào tiếng chim con: chưa có biết biện biệt hay không biện biệt? Đạo, sao dựa vào chân hay nguy; lời, sao dựa vào thị hay phi? Đạo, sao qua mà không còn; lời, sao còn mà chẳng nói được? Đạo, ẩn trong tiểu thành; lời, ẩn nơi vinh hoa. Bởi vậy mới có cái phải, quấy của Nhu Mặc. Nhu Mặc thì lấy Phải làm Quấy, lấy Quấy làm Phải. (Nhưng) nếu muốn thấy được cái Phải trong cái Quấy, cái Quấy trong cái Phải, thì không có gì bằng dùng đến ánh sáng (của Đạo). Vật, không vật nào là không phải “đó”, không vật nào là không phải “đây”^[cxix]. Lấy chỗ nhận thấy của người mà thấy, thì không thấy; lấy chỗ biết của mình mà biết, thì mới biết. Nên mới có nói rằng: “Đó”, do đây mà ra; “đây”, nhân “đó” mà có. “Đó đây”, ấy là thuốc của “phương sinh”. Nên mới có nói Sống, nói Chết, nói Chết, nói Sống, nói được, nói không được, nói không được, nói được. Nhân có Phải, nhân có Quấy; nhân có Quấy, nhân có Phải (mà cãi nhau).

Thánh nhân thì không căn cứ vào Phải Quấy, mà căn cứ vào khiêu biết tự nhiên của mình để hiểu mọi vật. Và cũng do “đây” trước. “Đây”, cũng là “Đó”, mà “Đó” cũng là “Đây”. “Đó” cũng có một lẽ Phải Quấy của “Đó”; mà “Đây” cũng có một cái lẽ phải quấy của “Đây”. Quả có “đó đây” chẳng? Quả chẳng có “đó đây” chẳng? Đó và Đây mà không gặp chỗ lưa đôi (đôi-đãi) của nó, thì gọi là Cốt Đạo (Đạo Xu). Cốt ấy khởi đầu nơi trung tâm của cái vòng tròn (hoàn trung), và căn cứ vào đó để mà ứng đối vô cùng (với Thị Phi). Phải, cũng là một cái lẽ vô cùng. Quấy, cũng là một cái lẽ vô cùng^[cxx]. Bởi vậy mới nói: đâu bằng dùng lấy ánh sáng của Đạo.

Lấy ngón tay mà thí dụ rằng ngón tay không phải là ngón tay, sao bằng lấy cái không phải là ngón tay để mà thí dụ rằng ngón tay không phải là ngón tay.

Lấy con ngựa mà thí dụ rằng con ngựa không phải là con ngựa, sao bằng lấy cái không phải là con ngựa để mà thí dụ rằng con ngựa không phải là con ngựa. Trời Đất khác nào ngón tay nói trên. Vạn vật khác nào con ngựa nói trên.

Được là được. Không được là không được. Con đường có đi mới thành đường đi, vật có gọi được tên mới thành là vật. Sao là phải vậy? Phải vậy là vì phải vậy. Sao là không phải vậy? Không phải vậy, là vì không phải vậy. Vật, có chỗ là phải vậy. Vật, có chỗ là được vậy. Không vật nào là không phải vậy; không vật nào là không được vậy. Cho nên mới có so sánh cọng cỏ với cột trụ, một người đàn bà xấu xí với Tây Thi; khoan đại, kỳ biến, gian trá, quái dị, thầy đều là một.

Có phần “nó” ra thì “nó” mới “thành”. Có “thành” thì mới có “hoại”. Phàm vật mà không “thành”, nên không “hoại” thì mới có thể “trở về” mà cùng thông với lẽ Một (của Đạo). Chỉ có bậc đạt Đạo mới thông hiểu được lẽ Một ấy mà thôi: Họ dùng đỡ cái dung mạo (bên ngoài) để hòa với mọi người. “Dung”, tức là “dung”; “dung”, tức là “thông”. Mà “thông”, tức là “đắc” vậy. Vui trong chỗ “đắc” ấy, ít ai được. Nhân tới đó mà “thôi đi”. “Thôi đi”, mà cũng không cần phải biết vì sao mà phải vậy, thì gọi là Đạo. Lao nhọc thân mình vì chấp nhất (trong một cái Phải hay cái Quấy nào) mà không biết trông thấy đều đồng nhau. Nên mới gọi là “sớm ba”.

Sao gọi là “sớm ba”? Có lão nuôi khỉ, phát khoai cho khỉ, nói: “Sớm ba, mà chiều bốn!” Khỉ đều giận. Lão lại nói: “Thôi, sớm bốn mà chiều ba”! Khỉ đều mừng. Số cho không thay đổi, danh và thực không thiếu, vậy mà, cái dụng ý của nó lại có mừng có giận. Bởi vậy, bậc Thánh nhân, vì sự hòa bình mà phải nói đến thị hay phi, rồi đứng yên ở cột trục của “bánh xe Trời” (Thiên quân): đó gọi là “lưỡng hành”.

*

D.

古之人, 其知有所至矣.
Cổ chi nhân, kỳ tri hữu sở chí^[cxxi] hĩ.

惡乎至？有以爲未始有物者至矣，盡矣，不可以加矣。其次以爲有物矣，而未始有封也。其次以爲有封焉，而未始有是非也。是非之彰也，道之所以虧也。道之所以虧，愛之所以成。果且有成與虧乎哉？果且無成與虧乎哉？有成與虧，故昭氏之鼓琴也。無成與虧，故昭氏之不鼓琴也。

Ô hô chí? Hữu di vi vị thủy hữu vật giả chí hĩ, tận hĩ, bất khả dĩ gia hĩ. Kỳ thứ dĩ vi hữu vật hĩ, nhi vị thủy hữu phong^[cxxxii] dã. Kỳ thứ dĩ vi hữu phong yên, nhi vị thủy hữu thị phi dã. Thị phi chi chương dã, Đạo chi sở dĩ khuy dã. Đạo chi sở dĩ khuy, ái chi sở dĩ thành^[cxxxiii]. Quả thả hữu thành dữ khuy hô tai? Quả thả vô thành dữ khuy hô tai? Hữu thành dữ khuy, cố Chiêu thị^[cxxxiv] chi cố cầm dã. Vô thành dữ khuy, cố Chiêu thị chi bất cố cầm dã.

昭文之鼓琴也，師曠之枝策也，惠子之據梧也，三子之知幾乎？皆其盛者也，故載之末年。惟其好之也，以異於彼；其好之也，欲以明之，彼非所明而明之。故以堅白之昧終，而其子又以文之綸終，終身無成。若是而可謂成乎？雖我亦成也。若是而不可謂成乎？物與我無成也。是故滑疑之耀，聖人之所圖也。爲是不用，而寓諸庸，此之謂以明。

Chiêu văn chi cố cầm dã, Sư Khoáng^[cxxxv] chi chí sách dã, Huệ tử^[cxxxvi] chí cứ ngộ dã, tam tử chí tri cơ hồ? Giai kỳ thịnh giả dã, cố tải chí mặt niên. Duy kỳ háo chí dã, dĩ dị ư bỉ; kỳ háo chí dã, dục dĩ minh chí, bỉ phi sở minh nhi minh chí. Cố dĩ kiên bạch^[cxxxvii] chí muội chung, nhi kỳ tử hựu dĩ văn chí luân chung, chung thân vô thành. Nhược thị nhi khả vị thành hồ? Tuy ngã diệc thành dã. Nhược thị nhi bất khả vị thành hồ? Vật dữ ngã vô thành dã. Thị cố hoạt nghi chí diệu^[cxxxviii], Thánh nhân chí sở đồ dã. Vi thị bất dụng, nhi ngụ chư dụng^[cxxxix], thử chí vị dĩ minh^[cxxx].

DỊCH NGHĨA:

D. Người xưa, cái biết của họ có chỗ cùng cực. Sao gọi là cùng cực? Có kẻ cho rằng thưở ban đầu chưa hề có vật gì cả, đó là một chủ trương cực đoan cùng tận, không thể còn nói gì thêm được nữa. Có kẻ thì cho rằng đã có vật rồi, nhưng vật ấy chưa từng chia phân. Lại cũng có kẻ cho rằng đã

có vật rồi, nhưng vật ấy đã lại có chia phân. Thị Phi mà bị chia phân rõ rệt ra rồi, thì Đạo mới có chỗ khuyết. Đạo mà có chỗ “khuyết” (vì không đủ) mới có tạo thành ra chữ “ái” (để mà hòa hợp lại). Quả có “khuyết” có “ái” chẳng? Quả không có “khuyết”, không có “ái” chẳng? Bởi thấy có “khuyết” có “ái”, họ Chiêu mới khảy cầm. Không có “khuyết” có “ái” thì họ Chiêu khảy cầm làm chi?

Có Chiêu vẫn khảy cầm, Sư Khoáng mới lập luật định ngũ âm, Huệ tử mới giảng âm luật. Chỗ biết của ba người này có là bao nhiêu mà thiên hạ đều hoan nghênh cho đến đời cuối cùng này mà luật ấy hãy còn thịnh hành? Chỗ ưa thích của họ đâu có giống với chỗ ưa thích của chúng nhân. Muốn đem cái chỗ không sáng của mình mà soi sáng cho kẻ khác, nên suốt đời cam chịu tối tăm vì câu chuyện “kiên bạch”. Họ thử đem ngón đàn hay của họ mà truyền dạy cho con họ, trọn đời biết có truyền dạy được không! Nếu mà họ truyền đạt được, thì ta đây cũng truyền dạy được. Bằng họ truyền dạy không đạt, thì ta đây cũng truyền dạy không được. Cho nên chỗ mà bậc thánh nhân mong mỏi là được ở trong cái ánh sáng mập mờ (của cái nhìn tổng quát hỗn hợp), không dùng phép tắc của ai cả, chỉ dùng cái lý thông thường của mọi người để xử sự với đời. Đó gọi là mượn lấy ánh sáng của người vậy.

*

今且有言於此，不知其與是類乎？其與是不類乎？類與不類，相與爲類。則與彼無以異矣。雖然，請嘗言之：有始也者，有未始有始也者，有未始有夫未始有始也者，有有也者，有無也者，有未始有無也者，有未始有夫未始有無也者。俄而有無矣，而未知有無之果，孰有孰無也？今我則已有謂矣，而未知吾所謂之，其果有謂乎，其果無謂乎？

Kim thả hữu ngôn ư “thử”, bất tri kỳ dữ “thị” loại hồ^[cxxxix], kỳ dữ thị bất loại hồ? Loại dữ bất loại, tương dữ vi loại, tắc dữ bỉ vô dĩ dị hĩ. Tuy nhiên, thỉnh thường ngôn chi: “hữu thủy” dã giả, “hữu vị thủy hữu thủy” dã giả, “hữu vị thủy hữu phù vị thủy hữu thủy” dã giả, “Hữu hữu” dã giả, “hữu vô” dã giả, “hữu vị thủy hữu vô” dã giả, “hữu vị thủy hữu phù vị thủy hữu vô” dã giả^[cxxxix]. Nga nhi hữu vô hĩ, nhi vị tri hữu vô chi quả, thực hữu thực

vô dã? Kim ngã tắc dĩ hữu vị hĩ, nhi vị tri ngô sở vị chi, kỳ quả hữu vị hồ, kỳ quả hữu vô vị hồ?

天下莫大於秋豪之末,而大山爲小.莫壽乎殤子而彭祖爲夭.

Thiện hạ mạc đại ư thu hào chi mạt, nhi đại sơn vi tiếu. Mạc thọ hồ thương tử nhi Bành tổ vi yểu.

天地與我並生,而萬物與我爲一.既已爲一矣,且得有言乎?既已謂之一矣,且得無言乎?一與言爲二,二與一爲三.自此以往,巧歷不能得而況其凡乎?故自無適有,以至於三,而況自有適有乎?無適焉,因是已.

Thiên địa dữ ngã tịnh sanh, nhi vạn vật dữ ngã vi nhất. Kỳ dĩ vi nhất hĩ, thả đắc hữu ngôn hồ? Kỳ dĩ vi chi nhất hĩ, thả đắc vô ngôn hồ? Nhất dữ ngôn vi nhị, nhị dữ nhất vi tam^[cxxxiii]. Tự thử dĩ vãng, xảo lịch bất năng đắc nhi huống kỳ phạm hồ? Cố tự vô thích hữu, dĩ chí ư tam, nhi huống tự hữu thích hữu hồ? Vô thích yên, nhân thị dĩ^[cxxxiv].

夫道未始有封,言未始有常,爲是而有畛也.請言其畛:有左有右,有倫有義,有分有辯,有競有爭,此之謂八德,六合之外,聖人存而不論,六合之內,聖人論而不議.春秋經世先王之志,聖人議而不辯.故分也者有不分也,辯也者,有不辯也.曰:何也?聖人懷之,衆人辯之.以相示也.

Phù Đạo vị thủy hữu phong^[cxxxv], ngôn vị thủy hữu thường^[cxxxvi]. Vi thị nhi hữu chân^[cxxxvii] dã. Thỉnh ngôn kỳ chân: hữu tả hữu hữu, hữu luân hữu nghĩa, hữu phản hữu biện, hữu cạnh hữu tranh, thử chi vị bát đức, lục hợp chi ngoại^[cxxxviii]. Thánh nhân tồn nhi bất luận. Lục hợp chi nội, thánh nhân luận nhi bất nghị. Xuân thu kinh thế tiên vương chí chí, thánh nhơn nghị nhi bất biện^[cxxxix]. Cố phạm dã giả hữu bất phân dã, biện dã giả, hữu bất biện dã^[cxl]. Viết: hà dã? Thánh nhân hoài chi, chúng nhân biện chi. Dĩ tương thị dã.

故曰:辯也者,有不見也.夫大道不稱,大辯不言,大仁不仁,大廉不嗾,大勇不伎.道昭而不道,言辯而不及,仁常而不成,廉清而不信,勇伎而不成.五者圓而幾向方矣.故知

止其所, 不知, 至矣. 孰知不言之辯, 不道之道? 若有能知, 此之謂天府, 注焉而不滿, 酌焉而不竭, 而不知其所由來, 此之謂葆光.

Cổ viết: Biện dã giả, hữu bất kiến dã^[cxli]. Phù đại Đạo bất xung, đại biện bất ngôn, đại nhân bất nhân, đại liêm bất khiêm, đại dũng bất kỵ. Đạo chiêu nhi bất Đạo^[cxlii], ngôn biện nhi bất cập^[cxliii], nhân thường nhi bất thành, liêm thanh nhi bất tín, dũng kỵ nhi bất thành, ngũ giả ngoan nhi cơ hướng phương hĩ. Cổ tri chỉ kỳ sở, bất tri, chí hĩ^[cxliv]. Thực tri bất ngôn chi biện, bất đạo chi đạo? Nhược hữu năng tri, thử chi vị thiên phủ, chú yên nhi bất mãn, chúc yên nhi bất kiệt, nhi bất tri kỳ sở do lai, thử chi vị bảo quang^[cxlv].

故昔者堯問於舜曰: 我欲伐宗, 膾, 胥敖; 南面而不釋然, 其故何故也? 舜曰: 夫三子者, 猶存乎, 蓬艾之間? 若不釋然, 何哉? 昔者十日並出, 萬物皆照而況德之進乎日者乎!

Cổ tích giả Nghiêu vấn ư Thuấn viết: ngã dục phạt Tông, Khoái, Tỵ Ngao; nam diện nhi bất thích nhiên, kỳ hà cố dã? Thuấn viết: Phù tam tử giả, du tồn hồ, bông ngải chi gian? Nhược bất thích nhiên, hà tai? Tích giả thập nhật tịnh xuất, vạn vật giai chiếu nhi hướng đức chi tiến hồ nhật giả hồ!

DỊCH NGHĨA:

Đ. Ví như nay có người hỏi rằng: không rõ chữ “đó” có giống với chữ “đây” chẳng; hay không giống với chữ “đây” chẳng? Giống và không giống, hay cùng là một giống với nhau, thì là bên này không có gì khác với bên kia nữa. Tuy vậy, còn có nhiều danh từ thông thường mà ý nghĩa tương phản, ta cũng cho nó giống nhau được nữa chẳng? Như những danh từ sau đây: “hữu thủy”, “hữu vị thủy hữu thủy”, “hữu vị thủy hữu phù vị thủy”, “hữu hữu”, “hữu vô”, “hữu vị thủy hữu vô”, “hữu vị thủy hữu phù vị thủy hữu vô”. Thoạt trông qua mà “có” là đã “không” rồi, nhưng cũng chưa rõ là có hay không? Và quả có cái gì là có, có cái gì là không hay chẳng? Nay thì ta cũng đã có nói rồi, nhưng chưa biết rõ điều ta nói đó quả đã có nói không, hay chưa có nói không?

Dưới trời không có gì lớn bằng cọng lông mùa thu, mà không có gì nhỏ bằng núi Thái; không có gì thọ bằng đĩa bé chết yếu, mà không có gì yếu bằng ông Bành Tổ.

Trời Đất cùng ta đồng sinh, và vạn vật cùng ta là một. Đã là một rồi, thì nói ra có được không? Đã gọi là một rồi, thì không nói ra có được không? Một và lời là hai. Hai với một là ba. Từ ba trở lại một, bậc gọi là xảo lịch còn không hiểu được thay, huống chi là kẻ tầm thường! Cho nên, từ chỗ “không” mà sang chỗ “có”, còn phải đến số ba, huống chi từ chỗ có mà sang chỗ có? Không phải sang qua đâu cả, chỉ nên theo chỗ có đấy là đủ.

Vả, Đạo chưa hề có khu vực; lời nói chưa hề có định thức. Có cho đây là Thị, thì mới có sự chia phân thị với phi thành từng khu vực. Vậy, xin bàn về khu vực ấy: có mặt, có trái, có luận, có nghĩa, có phân, có chia, có cạnh, có tranh, đó gọi là “bát thức”. Phần ngoài của “lục hợp”, thánh nhân để yên mà không luận đến. Phần trong của “lục hợp”, thánh nhân luận đến mà không bàn. Lịch sử đời Xuân Thu của các Tiên vương, thánh nhân bàn đến mà không chê khen biện luận. Cho nên tuy có phân chia mà không phân chia; biện bác mà không biện bác. Sao vậy? Là vì thánh nhân thì ôm giữ, chúng nhân thì biện bác để mà khoe khoang. Nên mới có lời nói này: “hay biện phân, thì có chỗ không thấy rõ được”. Vả, “đại Đạo” thì không xưng tên; “đại biện” thì không có lời; “đại nhân” thì không thương ai; “đại liêm” thì không nhún nhường; “đại dũng” thì không làm hại ai. Đạo mà sáng thì không phải Đạo; lời mà rõ ràng thì không tới chốn, nhân mà thường thì không nên việc; liêm mà thanh thì không thể tin; dũng mà hại người thì không nên việc. Năm điều ấy tròn mà thành vương. Cho nên, biết dừng chỗ mà mình không thể biết, là đến chốn rồi vậy. Có ai biết được cách biện biệt mà không dùng đến lời, nói mà không cần phải nói ra lời? Nếu có kẻ biết được, kẻ ấy gọi là “Thiên phủ” (kho trời) đổ vô mãi mà không đầy, rót ra mãi mà không cạn, nhưng không biết do đâu mà đến. Nên mới gọi là “che ánh sáng” (bảo quang).

Cho nên ngày xưa Nghiêu hỏi Thuấn:

- “Ta muốn phạt Tòng, Khoái, Tư Ngao, ngánh mặt sang Nam mà không thấy lòng khoan khoái. Như thế là có làm sao?”

Thuấn nói:

- “Như ba người ấy (vua của ba nước ấy) khác nào sống ở giữa cỏ bông cỏ ngãi. Nhà Vua sao lại không thấy lòng khoan khoái? Xưa kia, mười mặt trời cùng mọc, muôn vật đều được soi sáng, hưởng chỉ cái Đức của người còn hơn mặt trời!”

*

E.

齧缺問乎王倪曰：
子知物之所同是乎？
曰：吾惡乎知之。
子知子之所不知邪？
曰：吾惡乎知之。
然則物無知邪？

Khiết Khuyết vấn hồ Vương Nghi^[cxlvi] viết:
Tử tri vật chi sở đồng thị hồ?
Viết: ngô ô hồ tri chi.
Tử tri tử chi sở bất tri da?
Viết: ngô ô hồ tri chi.
Nhiên tắc vật vô tri da?

曰：吾惡乎知之。雖然，嘗試言之。庸詎知吾所謂知之非不知邪？庸詎知吾所謂不知之非知邪？且吾嘗試問乎女：民溼寢，則腰疾偏死，鰾然乎哉？木處則惴慄恟懼，猿猴然乎哉？三者孰知正處？民食芻豢，麋鹿食薦，螂且甘帶，鴟鴞耆鼠：四者孰知正味？

Viết: ngô ô hồ tri chi. Tuy nhiên, thường thí ngôn chi. Dung cự tri ngô sở vị tri chi phi bất tri da? Dung cự tri ngô sở vị bất tri chi phi tri da? Thả ngô thường thí vấn hồ nhữ^[cxlvii]: dân thấp tằm, tắc yêu tật thiên tử^[cxlviii], thu nhiên hồ tai^[cxlix]? Mộc xử tắc chủ lật tuân cụ^[cl], viên hầu nhiên hồ tai? Tam giả thực tri chánh xử? Dân thực sô hoạn^[cli], mê lộc thực tiến^[clii], lương thu^[cliii] cam đái, xi nha thị thủ^[cliv]: tứ giả thực nhi tri chánh vị?

猿獼狙以爲雌,麋與鹿交,鱸與魚游。毛嬙麗姬,人之所美也,魚見之深入,鳥見之高飛,麋鹿見之決驟。四者孰知天下之正色哉?

Viên biên thư dĩ vi thu^[clv] mê dữ lộc giao, thu dữ ngư du. Mao tường Lệ Cơ nhơn chi sở mỹ dã, ngư kiến chi thâm nhập, điều kiến chi cao phi, mê lộc kiến chi quyết sâu^[clvi]. Tứ giả thực tri thiên hạ chi chánh sắc tai?

自我觀之,仁義之端,是非之塗,樊然殽亂,吾惡能知其辯.

Tự ngã quan chi, nhân nghĩa chi đoan, thị phi chi đồ, phiên nhiên hào loạn, ngô ô năng tri kỳ biện.

齧缺曰:子不知利害,則至人固不知利害乎?

Khiết-Khuyết viết: tử bất tri lợi hại, tắc chí nhân cố bất tri lợi hại hồ?

王倪曰:至人神矣!大澤焚而不能熱,河漢沍而不能寒,疾雷破山,風振海,而不能驚.若然者,乘雲氣,騎日月,而遊乎四海之外.死生無變於已,而況利害之端乎?

Vương Nghê viết: chí nhân thần hĩ! Đại trạch phân nhi bất năng nhiệt, hà hán hộ nhi bất năng hàn. Tật lôi phá sơn, phong chấn hải, nhi bất năng kinh. Nhược nhiên giả, thừa vân khí, kỵ nhật nguyệt, nhi du hồ tứ hải chi ngoại, tử sinh vô biên ư kỷ, nhi huống lợi hại chi đoan hồ?

DỊCH NGHĨA:

E. Khiết Khuyết hỏi Vương Nghê:

- Ông biết chỗ đồng Phải giống nhau của mọi vật không?

- Ta biết đâu việc đó.

- Ông biết chỗ mà ông không biết không?

- Ta biết đâu việc đó.

- Vậy thì, mọi vật, cũng không biết gì cả hay sao?

- Ta biết đâu việc đó. Tuy vậy, ta thử nói xem sao. Biết đâu cái mà ta gọi là biết, lại chẳng phải là cái mà ta không biết? Biết đâu cái mà ta gọi là không biết lại chẳng phải là cái mà ta biết? Và, ta đã từng thử hỏi người: người nằm trong chỗ ẩm thấp thì sanh ra đau lưng và tê liệt một bên mình; con cá chạch thì có sao không? Người ở trên cây run rẩy sợ sệt; còn loài khỉ vượn thì có sao không? Ba loài ấy, ai biết chỗ ở nào là chỗ ở chính? Con người thì ưa ăn thịt thà, hươu nai thì thích ăn cỏ non; rết thì cho rắn con là ngon; chim mèo chim cú thì nghiện ăn chuột bọ. Bốn loài ấy, ai biết vị ăn nào là chính vị? Vượn và khỉ theo với nhau, nai và hươu cùng với nhau, chạch và cá lội với nhau. Mao Trường, Lê Cơ, người thấy thì cho là đẹp, mà cá thấy thì lặn sâu, chim thấy thì bay cao, hươu nai thấy thì chạy dài. Bốn loài ấy, ai biết sắc đẹp nào là chính sắc trong thiên hạ?

Tự mà xem, thì đâu mới của nhân nghĩa, đường nẻo của thị phi rối loạn lung tung, ta làm sao biết đâu mà phân biệt.

Khiết Khuyết nói: “Ông không biết lợi hại, còn bậc chí nhân cũng không biết lợi hại nữa hay sao?”

Vương Nghiê nói: “Chí nhân là bậc thân: chàm lớn cháy, không thể làm cho đó nóng, sông Hà sông Hán đặc mà không thể làm cho đó lạnh; sét đánh vỡ núi; gió dậy biển cả cũng không làm cho đó sợ. Người như thế thì theo hơi mây, cỡi mặt trời mặt trăng mà rong chơi ngoài bốn biển, chết sống còn không làm cho người họ điên đảo phương chi là mối lợi hại?”

*

G.

瞿 鵲 子 問 乎 長 梧 子 曰:

Cù Thước tử^[clvii], vấn hồ Trường Ngô tử viết:

吾聞諸夫子聖人不從事於務,不就利,不違害,不喜求,不緣道,無謂有謂,有謂無謂而遊乎塵垢之外.夫子以爲孟浪之言,而我以爲妙道之行也.吾子以爲溪若?

Ngô văn chú^[clviii] phu tử thánh nhân bất tòng sự ư vụ, bất tợ lợi, bất vi hại, bất hỷ cầu, bất duyên đạo^[clix], vô vị hữu vị^[clx], hữu vị vô vị^[clxi] nhi du hồ trần cấu chi ngoại^[clxii]. Phu tử^[clxiii] dĩ vi mạn lãng^[clxiv] chi ngôn, nhi ngã dĩ vi diệu đạo chi hạnh^[clxv] dã. Ngô tử dĩ vi hề nhược?

長梧子曰:

Trùng Ngô tử viết:

是黃帝之所聽熒也,而丘也何足以知之.且女亦大早計,見卵而求時夜,見彈而求鴉炙.予嘗爲女妄言之,女以妄聽之.奚旁日月,挾宇宙?爲其膈合,置其滑濇,以隸相尊.衆人役役,聖人愚菟,參萬歲而一成純.

Thị Hoàng đế chi sở thính uỳnh dã, nhi Khuru^[clxvi] dã hà túc dĩ tri chi. Thả nhữ diệc đại tảo kế, kiến noãn nhi cầu thời dạ^[clxvii], kiến đàn nhi cầu hiêu chích. Dư thường vị nhữ võng ngôn chi, nhữ dĩ võng thính chi. Hề^[clxviii] bàng^[clxix] nhật nguyệt, hiệp vũ trụ, vi kỳ thân hợp^[clxx] trí kỳ hoạt hôn^[clxxi] dĩ lệ tương tôn^[clxxii]. Chúng nhân dịch dịch^[clxxiii], thánh nhân ngu xuân^[clxxiv] tham vạn tuế nhi nhất thành thuận^[clxxv].

DỊCH NGHĨA:

G. Cù Thước hỏi Trùng Ngô:

- Tôi nghe nơi ông rằng thánh nhân không bận đến việc đời; không tìm lợi; không lánh hại; không tha thiết đến việc gì; cũng không quán quít với Đạo; có nói (mà như) không có nói; không nói (mà như) đã nói; tha hồ rong chơi ngoài bụi bặm (của cuộc đời). Thầy tôi cho đó là lời nói vu vơ, còn tôi, thì lại cho đó là cái hạnh của kẻ đã nhập diện nơi Đạo rồi vậy. Ý ông như thế nào?

Trùng Ngô nói:

- Đó là điều mà Hoàng đế nghe còn nghi ngờ thay, ông Khuru làm gì đủ để mà hiểu được. Và, người cũng đoán hơi sớm lắm: vừa thấy trứng gà là đã mong được nghe tiếng gà gáy, vừa thấy viên đạn là đã mong được ăn chim nướng. Nay ta thử vì người nói bậy mà nghe, còn người cũng nghe bậy mà chơi. Làm thế nào để dựa kê nhật nguyệt, nhập cùng vũ trụ, xáo trộn cả thị phi, quý tiện, vượt muôn tuổi mà ôm giữ cái chỗ thuần nhất bất biến.

H.

萬物盡然而以是相蘊. 予惡乎知說生之非惑邪! 予惡乎知惡死之非弱喪而不知歸者邪?

Vạn vật tận nhiên nhi dĩ thị tương uẩn^[clxxvi]. Dư ô hồ tri duyệt sinh chi phi hoặc da? Dư ô hồ tri ố tử chi phi nhược táng nhi bất tri qui giả da?

麗之姬, 艾封人之子也. 晉國之始得之也, 涕泣沾襟, 及其至於王所, 與王同筐, 食芻豢, 而後悔其泣也.

Lệ chi cơ, Ngại phong nhân chi tử dã. Tấn quốc chi thủy đắc chi dã, thế khắp thêm cảm. Cập kỳ chí ư vương sở, dữ vương đồng khuông sàng, thực sô hoạn^[clxxvii], nhi hậu hồi kỳ khắp dã.

予惡乎知夫死者不悔其始之蘄生乎?

Dư ô hồ tri phù tử giả bất hồi kỳ thủy chi kỳ sinh hồ?

夢飲酒者, 旦而哭泣. 夢哭泣者, 旦而田獵. 方其夢也, 不知其夢也. 夢之中, 又占其夢焉, 覺而後知其夢也. 且有大覺, 而後知此其, 大夢也. 而愚者自以爲覺, 竊竊然知之君乎牧乎?

Mộng ẩm tửu giả, đán nhi khóc khắp. Mộng khóc khắp giả, đán nhi điền liệt^[clxxviii]. Phương kỳ mộng dã, bất tri kỳ mộng dã. Mộng chi trung, hựu chiêm kỳ mộng yên, giác nhi hậu tri kỳ mộng dã. Thả hữu đại giác, nhi hậu tri thử kỳ, đại mộng dã. Nhi ngu giả tự dĩ vi giác, thiết thiết nhi tri chi quân hồ mục hồ?

固哉! 丘也與女, 皆夢也. 予謂女夢亦夢也. 是其言也, 其名爲弔詭. 萬世之後而一遇大聖, 知其解者, 是旦暮遇之也.

Cố tai! Khuru dã dữ nhữ, giai mộng dã. Dư vị nhữ mộng diệc mộng dã. Thị kỳ ngôn dã, kỳ danh vi điều qui. Vạn thế chi hậu nhi nhất ngộ đại thánh, tri kỳ giải giả, thị đán mộ ngộ chi dã.

既使我與若辯矣, 若勝我, 我不若勝, 若果是也, 我果非也邪? 我勝若, 若不吾勝, 我果是也, 而果非也邪? 其或是也, 其或非也邪? 其俱是也, 其俱非也邪? 我與若, 不能相知也, 則人固受其黜闇, 吾誰使正之? 使同乎若者正之, 既與若同矣, 惡能正之? 使同乎我者正之? 既同乎我矣, 惡能正之! 使異乎我與若者正之, 既異乎我與若矣, 惡能正之? 使同乎我與若者正之, 既同乎我與若矣, 惡能正之? 然則我與若與人俱不能相知也, 而待彼也邪? 何謂和之以天倪. 曰: 是不是, 然不然.

Ký sử ngã dữ nhược biện hĩ nhược thắng ngã, ngã bất nhược thắng. Nhược quả thị dã, ngã quả phi dã da? Ngã thắng nhược, nhược bất ngô thắng, ngã quả thị dã, nhi quả phi dã da? Kỳ hoặc thị dã, kỳ hoặc phi dã da? Kỳ câu thị dã, kỳ câu phi dã da? Ngã dữ nhược, bất năng tương tri dã, tác nhân có thọ kỳ đảm ám, ngô thù sử chánh chi? Sử đồng hồ nhược giả chánh chi, ký dữ nhược đồng hĩ, ô năng chánh chi? Sử đồng hồ ngã giả chánh chi, ký đồng hồ ngã hĩ, ô năng chánh chi? Sử dị hồ ngã dữ nhược giả chánh chi, ký dị hồ ngã dữ nhược hĩ, ô năng chánh chi? Sử đồng hồ ngã dữ nhược giả chánh chi, ký đồng hồ ngã dữ nhược hĩ, ô năng chánh chi? Nhiên tác ngã dữ nhược dữ nhân câu bất năng tương tri dã, nhi đái bỉ dã da? Hà vị hòa chi dĩ thiên nghi^[clxxix]. Viết: thị bất thị, nhiên bất nhiên.

是若果是也, 則是之異乎不是也, 亦無辯. 然若果然也, 則然之異乎不然也, 亦無辯. 化聲之相待, 若其不相待, 和之以天倪, 因之以曼衍, 所以窮年也. 忘年忘義, 振於無竟, 故寓諸無竟.

Thị nhược quả thị dã, tác thị chi dị hồ bất thị dã, diệc vô biện. Nhiên nhược quả nhiên dã, tác nhiên chi dị hồ bất nhiên dã, diệc vô biện. Hóa

thinh chi tương đãi, nhược kỳ bất tương đãi, hòa chi dĩ thiên nghệ, nhơn chi dĩ mạn diễn^[clxxx], sở dĩ cùng niên dã. Vong niên vong nghĩa^[clxxxii] chán^[clxxxiii] ư vô cảnh, cố ngụ chư vô cảnh^[clxxxiii].

DỊCH NGHĨA:

H. *Hiểu tận vạn vật rồi, mới thấy nó thuần nhất. Ta sao biết ham sống chẳng phải là lầm? Ta sao biết sợ chết lại chẳng là mê, mà không biết cho đó là con đường về?*

Lệ Cơ, con của một vị phong nhân xứ Ngại, gả cho Vua nước Tấn. Khi về nhà chồng, lụy ướm đầm sâu. Kịp khi đến hoàng cung, cùng vua đồng sàng, ném mùi sô hoạn, rồi lại hối hận giọt lệ ngày xưa. Ta biết đâu kẻ chết lại không hối hận vì mình đã mong được sống thêm?

Có kẻ chiêm bao cười giữa tiệc, tỉnh giấc khóc trong lòng. Hoặc chiêm bao buồn khóc, khi tỉnh giấc như vui sẵn. Lúc chiêm bao không biết chiêm bao, khi tỉnh giấc mới hay là mộng cả. Chỉ có bậc đại giác mới biết cuộc đại mộng đó thôi. Nhưng mà kẻ ngu lại tự cho họ là tỉnh, rồi họ cũng tin thật rằng họ là bậc vua chúa, hay họ là kẻ chặn ngựa! Gàn thay, ông Khuru cùng người đều chiêm bao cả! Lời nói ấy, gọi là lời “điều quý” (quái gỡ)! Sau muôn đời, may mà gặp được bậc đại thánh biết cách giải nghĩa của nó ra, thì trong một sớm một chiều sẽ ngộ nó được vậy.

Nếu ta nói với người, cùng tranh biện: người thắng được ta, ta không thắng được người, vậy người hẳn là đã phải, mà ta hẳn là đã quấy chưa? Nếu ta thắng được người; người không thắng được ta, vậy ta hẳn là đã phải, mà người hẳn đã là quấy chưa? Hay là, khi thì phải, khi thì quấy hay sao? Hay là, cả hai chúng ta đều phải cả, hoặc cùng quấy cả hay sao? Ta và người không thể biết được nhau, thì người người đành phải chịu tội tằm rồi! Ta phải nhờ ai chính lại việc ấy? Nhờ kẻ đồng với người thì làm sao chính được việc đó! Cậy người đồng với ta để chính lại việc đó ư? Nó đã đồng với ta thì làm sao chính được việc đó? Cậy người khác với ta và khác với người, để chính lại việc đó ư? Nó đã khác với ta và khác với người, thì làm sao chính lại được việc đó? Cậy người đồng với ta và đồng với người

để chính lại việc đó ư? Nó đã đồng với ta và đồng với người thì làm sao chính được việc đó? Vậy thì ta với người cùng với người đó đều không thể biết nhau được, sao phải chờ người đó làm gì?

Sao gọi là hòa hợp với thiên nghệ? Là phải mà cũng là chẳng phải; phải vậy mà cũng là chẳng phải vậy. Cái phải của người, nếu quả thực là phải, thì cái phải đó có khác gì cái không phải, cho nên cũng không biện được. Cái phải vậy của người, nếu quả thực là phải vậy, thì cái phải vậy đó có khác gì cái không phải vậy, thành ra cũng không biện được. Hóa ra thấy đều là đối đãi, nếu muốn không đối đãi chi bằng hòa hợp với tự nhiên (thiên nghệ), nhân đó mà lời nói của ta đặng vĩnh cửu. Quên sống chết, quên phải quấy là suốt thông lẽ hư vô (vô cảnh), nên gửi mình vào cõi hư vô (vô cảnh).

*

I.

罔兩問景曰：曩子行，今子止。曩子坐，今子起，何其無，特操與？

Vọng lượng vấn cảnh viết: Nãng tử hành, kim tử chỉ. Nãng tử tọa, kim tử khởi. Hà kỳ vô, đặc tháo dư?

景曰：吾有待而然者邪？吾所待又有待而然者邪？吾待蛇蚘蝮翼邪？惡識所以然，惡識所以不然？

Cảnh viết: Ngô hữu đãi nhi nhiên giả da? Ngô sở đãi hựu hữu đãi nhi nhiên giả da? Ngô đãi xà phù điêu dục da? Ô thức sở dĩ nhiên, ô thức sở dĩ bất nhiên?

DỊCH NGHĨA:

I. Bóng lu hỏi bóng tổ: “Nãy anh đi, giờ anh đứng. Nãy anh ngồi, giờ anh dậy. Sao anh không có nét riêng?”

Bóng tỏ nói: ta có phải nương chờ mà như thế chăng? Hay là chỗ ta nương chờ lại còn phải nương chờ nơi chỗ khác mà như thế chăng? Ta phải nương chờ, như vậy rấn cánh ve chăng? Sao biết sở dĩ nó là thế? Sao biết sở dĩ nó không phải là thế?

*

K.

昔者莊周夢爲蝴蝶，栩栩然蝴蝶也，自喻適志與不知周也。俄然覺，則蘧蘧然周也。不知周之夢爲蝴蝶與？蝴蝶之夢爲周與？周與蝴蝶，則必有分矣。此之謂物化[v].

Tích giả Trang-Châu mộng vi hồ điệp, hủ hủ nhiên hồ điệp dã, tự dụ thích chí dữ bát tri Châu dã. Nga nhiên giác, tắc cừ cừ nhiên Châu dã. Bát tri Châu chi mộng vi hồ điệp dư? Hồ điệp chi mộng vi Châu dư? Châu dữ hồ điệp, tắc tất hữu phận hĩ. Thử chi vị Vật hóa.

DỊCH NGHĨA:

K. Xưa Trang-Châu chiêm bao thấy mình là bướm, vui phận làm bướm, tự thấy thích chí, không còn biết có Châu nữa. Chợt tỉnh giấc, thì lại thấy mình là Châu. Không biết Châu chiêm bao là bướm, hay bướm chiêm bao là Châu? Châu và bướm ắt phải có tánh phận khác nhau. Đó gọi là Vật hóa.

TỔNG BÌNH

Như ta đã thấy ở thiên Tiêu Diêu Du, mục đích của học thuyết Trang-tử là tự do tuyệt đối.

Muốn đạt đến “tự do tuyệt đối”, việc cần thiết đầu tiên là giải thoát tâm trí ra khỏi cái vòng nhận định sai lầm của nhãn thức nhị nguyên chia phân cái

Sống Một làm hai phần rất phân biệt: tâm vật, thị phi, thiện ác, sanh tử, vinh nhục...

Tề-Vật-Luận là phương pháp luận của Trang-tử để đạt đến Tiêu diêu tự tại. Tề-Vật tức là “nhất thiết bình đẳng” nghĩa là vạn vật đều ngang bằng nhau cả, ngang nhau về phẩm, như ta đã thấy ở Tiêu Diêu Du.

Thật vậy, nếu không có được cái nhãn quang nhìn thấy sự “nhất thiết bình đẳng” trong các sự vật thì ắt phải có chỗ chọn lựa, nghĩa là còn có chỗ “lấy bỏ”^[clxxxiv], có chỗ ưa ghét. Lấy cái gì, bỏ cái gì? Lấy cái tốt, bỏ cái xấu; ưa cái hay, ghét cái dở. Và nhân thế mới có sự thiên lệch và nô lệ theo một bảng giá trị chủ quan nào về sự vật. Có cái “phải” đối với ta ngày nay, nhưng qua ngày mai nó sẽ không còn “phải” nữa. Có món hợp với ta, nhưng lại không hợp với người khác. Có việc hợp với người này, lại không hợp với người kia. Một vấn đề tương đối và tạm thời. Nhưng sai lầm và nguy hiểm là khi nào ta lại nhận nó là một chân lý tuyệt đối, nghĩa là một chân lý bất di bất dịch và chung cho bất cứ ở thời gian hay không gian nào. Cho nên mới nói rằng: “có chỗ ưa ghét, có chỗ lấy bỏ, thì không còn gọi là tự do tuyệt đối nữa.”^[clxxxv]

Tóm lại, người thật là tự do, biết trong sự tiêu diêu tự tại trong Bản Tính là người phải biết “xem bằng”^[clxxxvi] thị phi, thiện ác... không chịu sống nô lệ bất cứ một bảng giá trị về thị phi, thiện ác của một chế độ luân-lý nào cả. Nên biết rằng họ không phải là người “vô luân-lý” như người ta đã hiểu lầm mà là một hạng người đã vượt lên trên tất cả mọi thứ luân-lý tầm thường chật hẹp: họ là hạng người không còn tư tâm tư dục nữa, nghĩa là hạng người “vô kỷ”, “vô công” và “vô danh”^[clxxxvii]

*

A. SỰ BÌNH ĐẲNG GIỮA PHẢI QUẤY VÀ XẤU TỐT

Đứng theo quan niệm nhị nguyên (chỉ thấy có một cái ta riêng biệt) mà xem, thì sẽ thấy sự vật có phải, có quấy rõ ràng. Phải, là cái gì có lợi cho ta. Quấy, là cái gì bất lợi cho ta.

Trái lại, nếu không thiên chấp mà biết nhìn rộng ra sự vật khác bên ngoài ta, thì biết đâu cái mà ta gọi là “phải” đối với ta đây, vị tất cũng còn là “phải” đối với kẻ khác? Ngay cùng một việc mà ta cho là “phải” đối với ta bây giờ, sẽ không còn là “phải” nữa đối với ta sau này! Như vậy Phải và Quấy là một việc cá nhân tương đối và chủ quan, hết sức bất thường. Nếu nói ra để mà nói với thiên hạ, để mà làm tiêu chuẩn chung và bắt cả thiên hạ phải cùng theo, thì còn nghĩa lý gì nữa!

“Người nằm trong chỗ ẩm thấp thì sinh ra đau lưng và tê liệt một bên mình; con cá chạch thì có sao không? Người ở trên cây thì run rẩy, sợ sệt; còn loài khỉ vượn có sao không? Ba loài ấy, ai biết chỗ nào là chỗ ở chính? Con người thì ưa ăn thịt thà; hươu nai thì thích ăn cỏ non; rết thì cho rắn con là ngon; chim mèo chim cú thì nghiện ăn chuột bọ. Bốn loài ấy, ai biết món ăn nào là chính vị? Mao Túc Lệ Cơ, người thấy thì cho là đẹp mà cá thấy thì lặn sâu, hươu nai thấy thì chạy dài. Bốn loài ấy, ai biết sắc đẹp nào là chính sắc trong thiên hạ?”

Mỗi vật đều thuận theo chỗ hợp của mình: không có chỗ nào là chỗ hợp chung cho tất cả vạn vật. Mỗi vật đều biết ngon theo chỗ ngon riêng của mình: không có vị nào là ngon chung cho tất cả vạn vật. Mỗi vật đều có sự ưa thích theo một cái đẹp riêng theo mình: không có cái đẹp nào là cái đẹp chung cho tất cả vạn vật. Và như vậy, nếu đã không có cái đẹp nào là cái đẹp chung để làm cái gương tận mỹ chung cho tất cả mọi vật, thì cũng không có cái thiện nào có thể đem ra làm cái gương *tận thiện* chung cho tất cả mọi người.

*

Quan niệm về Bình Đẳng của Trang-tử không giống với quan niệm thông thường của người đời. Bình đẳng của người thường hiểu là một thứ bình đẳng hình thức máy móc, hiểu theo cái nghĩa nông cạn là san bằng mọi sự mọi vật, bất chấp cái luật “bất bình đẳng tự nhiên” trong vạn vật cũng như trong loài người: sang, hèn, trí, ngu, lớn, nhỏ, trai, gái... đều bắt buộc phải uốn mình sống theo một khuôn khổ luân-lý, giáo dục, luật pháp giống nhau. Nơi trường học, kẻ sáng, người tối, gái, trai... đều chịu chung một lối giáo dục như nhau; người ta quên nghĩ đến cái cá tính đặc biệt của mỗi người mỗi vật. Văn minh loài người sở dĩ không thể phát triển mau lẹ được

cũng vì quan niệm lạc lảm này. Trong nhiều chế độ người ta còn đề cao vai trò của xã hội đến nỗi cá nhân không còn chỗ nào để thở được bằng cái mũi của mình, xem được theo cặp mắt của mình, cảm được theo quả tim của mình nữa, mà suốt đời chỉ biết nhận những chỉ thị của bề trên, và sống rập theo một khuôn khổ đã ấn định chung cho tất cả mọi người.

Theo Trang-tử, “tính” của vật không đồng nhau, tức là chỗ mà nhà xã hội học ngày nay gọi là “những bất bình đẳng tự nhiên”. Vậy, chỗ “không đồng” (bất đồng) của vạn vật, ta phải biết “nhận lãnh”, biết “chịu” nó, và hãy để cho mỗi vật tự do sống theo cái sống của nó. Đó là nhân chỗ “bất đồng” mà làm cho vạn vật “đồng nhau” vì mỗi vật đã được tự do sống theo “bản tính” của mình.

Tất cả mọi chế độ chánh trị, xã hội, luân-lý từ xưa đến nay đều, ít hay nhiều, quy định một cái tận thiện mẫu để làm tiêu chuẩn chung cho tư tưởng hành vi con người và bắt buộc người người đều theo đó mà sống. Đó là cưỡng ép chỗ “không thể đồng” phải “đồng nhau”. Phải chăng là điều rất sai với tự nhiên, làm thống khổ con người vô cùng! Mỗi vật đều có cái tính tự nhiên của nó: sự ưa ghét cũng vì đó mà không thể “đồng” nhau. Nay lại cưỡng ép người người đều phải thừa nhận một lẽ phải khác với cái lẽ phải của họ, khác với lòng hiếu ố riêng của họ, là làm cho họ mất tự do sống theo cái Sống của họ. Cho nên, Tự Do và Bình đẳng không thể đi đôi với nhau được: hễ được Tự Do thì không bình đẳng, mà theo bình đẳng, cái thứ bình đẳng san bằng mọi vật, thì mất tự do.

Theo Trang-tử thì không phải vậy. Tự Do và Bình Đẳng lại đi đôi với nhau như bóng với hình. Sở dĩ con người được bình đẳng là nhờ có tự do, mà được tự do là nhờ có bình đẳng. Nhận có tự do và quý trọng tự do thì mới có cầu mong cho vạn vật, mỗi vật đều được tự do sống theo cái Sống của mình. Mà, nếu vạn vật, vật nào cũng sống được cái sống của mình, đó là vạn vật nhờ tự do mà được bình đẳng. Cũng như, nhận có bình đẳng thì mới chịu để cho vạn vật, vật nào cũng được sống theo mình thì vạn vật, vật nào cũng nhờ đó mà được tự do.

Tóm lại, phàm đã chủ trương tự do tuyệt đối, ắt cũng phải chủ trương bình đẳng tuyệt đối. Là vì nếu không thừa nhận bình đẳng tuyệt đối, mới có cho rằng giữa người và người, giữa vật và vật có cái này hay hơn cái

kia, hoặc có cái kia hay hơn cái này. Đã nhận có cái này hay hơn cái kia, người này hay hơn người kia mới có cho rằng người hay phải lo cải tạo người không hay, để cho đó trở về đường hay theo quan niệm chủ quan tạm thời của mình. Như thế là ta không nhận có tự do của con người. Không nhìn nhận tự do của con người mới có sự cưỡng ép kẻ khác phải sống theo quan niệm về điều phải lẽ quấy theo ta, không được sống tự do theo cái sống của họ. Nếu đó không phải là chuyên chế, thì đâu mới là chuyên chế?

Người người đều được tự do sống theo mình, thì cái “phải” của mọi người đều được xem là “phải” cả, và cái “đẹp” của mọi người cũng đều được xem là “đẹp” cả. Vậy thì mọi vật dưới trời không còn vật nào tự nó không tốt đẹp; mọi ý kiến dưới trời không có ý kiến nào là không ngang bằng nghĩa là bình đẳng như nhau tất cả.

*

Thị Phi, Thiện Ác là một vấn đề tương đối. Nhưng, tiến thêm một bước sâu hơn, ta lại thấy: Thị cũng do Phi mà có, Phi cũng do Thị mà sinh, cũng như Thiện do Ác mà sinh, Ác do Thiện mà có.

Trang-tử nói: “(...) “đó” do “đây” mà ra; “đây” do đó mà “có” (...)”

“Đó” do “đây” mà ra, “đây” nhân “đó” mà có, đó là muốn nói đến cái luật đối đãi, mà cũng vừa muốn nói đến cái luật “vật cùng tác biến” và hễ biến thì biến thành đối địch của nó.

Và lên đến một tầng cao hơn nữa, ta sẽ thấy Thị Phi chẳng những là một lẽ đối đãi, bổ khuyết cho nhau “nhất âm nhất dương chi vi Đạo”, mà Thị tức là Phi, Phi tức là Thị: cả hai là đồng nhất. Bởi vậy, Trang-tử mới nói: “Vật, không vật nào là không phải “đây”, không vật nào là không phải “đó” (...) “Đó” cũng là “đây” mà “đây” cũng là “đó”.

“Đó” và “đây” đã là Một, thì “đó” và “đây” riêng ra, đâu có thật. Hay nói một cách khác: cái phải của “đây” là cái quấy của “đó”, mà “đó” là “đây”, “đây” là “đó” thì chung quy phải và quấy là Một vậy.

“Đây” và “đó” đã vô định, thì “Phải” và “Quấy” cũng vô định, vậy mà người đời lại muốn định Phải Quấy nên mới có sự tranh biện và giành phần Phải cho mình. Nhưng, tranh biện nhau có đủ để rõ đặng đâu là Phải, đâu là Quấy chăng?

Thiên Tê-Vật-Luận nói: *”Ta với người cùng tranh biện: người thắng được ta, ta không thắng được người, vậy người hẳn là đã phải, mà ta hẳn là đã quấy chưa? Nếu ta thắng được người; người không thắng được ta, vậy ta hẳn là đã phải, mà người hẳn đã là quấy chưa? Hay là, khi thì phải, khi thì quấy hay sao? Hay là, cả hai chúng ta đều phải cả, hoặc cùng quấy cả hay sao? Ta và người không thể biết được nhau, thì người người đành phải chịu tội tãm rồi! Ta phải nhờ ai chính lại việc ấy? Nhờ kẻ đồng với người chẳng để chính việc ấy? Nó đã đồng với người thì làm sao chính việc ấy. Cậy người đồng với ta để chính việc ấy ư? Nó đã đồng với ta thì làm sao chính được việc đó! Cậy người khác với ta và khác với người để chính lại việc đó ư? Nó đã khác với ta và khác với người, thì làm sao chính lại được việc đó? Cậy người đồng với ta và đồng với người để chính lại việc đó ư? Nó đã đồng với ta và đồng với người thì làm sao chính được việc đó? Vậy thì ta với người cùng với người đó đều không thể biết nhau được, sao phải chờ người đó làm gì?”*

Vậy thì, tuy tranh biện mà Phải Quấy cũng không sao định đặng. Là vì còn thấy có “Đó”, có “Đây”. Khi mà lòng mình không còn chia phân Nhĩ Ngã, sống được trong cái Sống-Một của Đạo rồi, thì “Đó” là “Đây”, “Đây” là “Đó”, vấn đề Phải Quấy, Thiện Ác tự nhiên theo đó cũng tiêu tan như một con mộng寐. Một nhà Đạo học Ấn Độ ngày nay, J. KRISNAMURTI, nói rất chí lý: *“Không có vấn đề nào để giải quyết cả: chỉ có cái Sống để sống mà thôi”*.

*

“Phải là một lẽ vô cùng; quấy cũng là một lẽ vô cùng” nghĩa là phải và quấy như trên cái vòng tròn, không biết đâu là khởi điểm. Ta cần đứng ở trung tâm của cái vòng ấy (hoàn trung) để chịu đây chịu đó. Chỗ trung tâm ấy, gọi là Đạo Xu (cốt của bánh xe Đạo). *“Thánh nhân vì chỗ hòa mà nói “thị” nói “phi”, rồi đứng yên nơi Thiên Quân, đó gọi là lưỡng hành”*. Lưỡng hành là “không rời khỏi thị phi, mà lại vượt thoát khỏi thị phi”.

Thánh nhân đối với thị phi có hai cách cư xử:

1. Đối với mình, thì tâm trí hợp nhất, chỉ thấy có cái Sóng-Một mà không thấy có thị phi.
2. Đối với người, thì biết phải quấy là hai lẽ tương đối nương nhau mà có, nên cứ đứng yên nơi trục quân bình để mà hòa với mọi người, tức là chỗ mà Trang-tử gọi là “*triêu tam mộ tứ*”.

*

Nếu bảo rằng không có cái phải nào là tuyệt đối, tại sao Trang-tử lại bài bác chế độ luân-lý của người đương thời, há không phải đó là tự mâu thuẫn với mình sao? Không, Trang-tử có bao giờ cho rằng có một cái Phải nào là cái Phải tuyệt đối để làm mẫu cho mực cho thiên hạ loài người đâu! Sở dĩ có bài bác chẳng là bài bác cái óc thiên tư độc đoán cho rằng chỉ có mình là Phải mà thiên hạ đều Quấy, và cái Phải hay cái Quấy chỉ là một trạng thái tạm thời và luôn luôn phản biến bất thường, không thể dụng tư tâm đem cái quan niệm về điều Phải lẽ Quấy của riêng mình mà bắt cả thầy thiên hạ cùng theo, và nhân đó làm cho con người thống khổ. Vậy chứ cái mà thiên hạ thường gọi là lo đời chẳng phải là lo đem thiên hạ vào cùng một khuôn tư tưởng như mình sao? Và “hễ đồng với ta, cho ta là Phải, không đồng với ta, cho ta là Quấy”, hay nói một cách khác, kẻ nào không cùng với ta, là nghịch với ta. Thiên hạ từ xưa đến nay sở dĩ mà loạn, là vì phần nhiều ai ai cũng tưởng cái Phải của mình là tuyệt đối, nghĩa là chỉ có mình là phải. Không thế, thì sao có những chế độ độc tài đã làm điêu linh thống khổ thiên hạ!

*

B. SỰ BÌNH ĐẲNG GIỮA SỐNG VÀ CHẾT

Bình đẳng giữa Thị Phi... đưa ta đến một vấn đề không kém quan trọng hơn: vấn đề Sống Chết.

Theo Trang-tử thì trong Trời Đất, chỉ có một cái “Sống” mà thôi, tức là cái “Sống” không sinh, không tử. Còn nói đến sống và chết, những hình

thức đối đãi nhau mà có, thì đó chỉ là một sự “thành hoại” của một trạng thái trong cuộc đại hóa của Trời Đất thôi. Sống chết, theo Trang-tử là một “cột”, một “mở”, một “đi” một “lại” nối tiếp nhau như trên cái “vòng tròn”.

Cái Sống của ta đối với hình thể ta, như “lửa đối với củi”. Cái Sống ấy như lửa truyền từ bó củi này sang bó củi kia: “Hỏa truyền mãi mà không tắt, cái Mạng quán mãi mà không tuyệt”.

Chết, là từ hình thức của một vật hiện tại này chuyển qua hình thức khác. Nếu từ cảnh này đổi qua cảnh khác mà sanh lòng lo sợ, thì có khác nào cảnh của *“nàng Lệ Cơ, con của một vị phong nhân xứ Ngại, gả cho Vua nước Tấn. Khi về nhà chồng, lụy ướt đầm bâu. Kịp khi đến hoàng cung, cùng vua đồng sàng, ném mùi sô hoạn, rồi lại hỏi hận giọt lệ ngày xưa”* mà không chịu trở về quê cũ. Như ta cho hình thức hiện đây là đáng vui mừng, thì sau khi chết, chỗ ta sẽ đặng hình thức mới, sao lại biết không có chỗ đáng vui mừng như bây giờ, hoặc hơn bây giờ?

Thiên Đại Tông Sư cũng có nói: *“Gặp hình người mà vui riêng với đó. Mà hình người là gì? Hỏi vị thủy trong vô cực, theo Vạn hóa mà có nó ra. Vậy, vui với đó, nhận riêng nó (mà không nhận cái khác) có phải lẽ không?”* Giải thích đoạn văn trên đây, Quách Tử Huyền viết: *“Trong muôn vàn hình thức của vạn vật, hình thức của người là một. Gặp được hình thức ấy, chưa đủ riêng vui với nó mà thôi sao? Trong vô cực, chỗ “gặp mới” của vạn vật đều như con người, há chỉ riêng có con người là biết vui với cái hình thức ấy mà thôi; còn bao nhiêu vật khác đều không biết vui với hình thức của chúng như con người sao?”* Gốc ta đâu phải là người mà biến thành con người. Hóa làm người, đó là ta đã mất cái chỗ cũ kia, nhưng tuy mất cái cũ mà lại vui, là vui chỗ “gặp mới” khác này đây. Mà cuộc biến hóa thì vô cùng, thì chỗ “gặp mới” cũng sẽ vô tận.

Chúng ta đi trên con đường biến hóa vô cùng của Trời Đất, có khác nào một lũ khách: cảnh nào cũng mới, chỗ nào cũng đẹp. Nhưng đừng để cho cảnh nào trói buộc mình, vì trên đời không còn biết bao cảnh lạ bất ngờ vui đẹp khác đang chờ đợi ta.

Trang-tử cũng có nói: “Giả như cánh tay trái tôi hóa làm con gà, thì tôi nhân đó mà gáỵ canh. Giả như cánh tay phải tôi hóa làm hòn đạן, thì tôi nhân đó mà kiếм chim quay. Giả như cái xương cùո của tôi hóa thành bánh xe, lấy cái thân hồn tôi làm con ngựa thì tôi sẽ nhân đó mà cỡi lên, há còn phải đợi xe ngựa nào nữa. Vả đắс là thời, thắс là thuận. An thời xử thuận thì buồn vui làm sao vào đặոg cỡi lòng”.

Tóm lại, bậc chân nhân ngày xưa “không ham sống, không ghét chết”, ra không vui, về không buồn, thản nhiên mà đến, thản nhiên mà đi... luôn luôn “an thời xử thuận” vì vậy mới giải quyết được dứt khoát vấn đề sinh tử.

*

C. TA VÀ VẬT BÌNH ĐẲNG

”Xưa Trang-Châu chiêm bao thấy mình là bướм, vui phậո làm bướм, tự thấy thích chí, không còn biết có Châu nữa. Chợt tỉnh giấc, thì lại thấy mình là Châu. Không biết Châu chiêm bao là bướм, hay bướм chiêm bao là Châu? Châu và bướм ấт phải có táոh phậո khác nhau. Đó gọi là Vật hóa”.

*

“Không biết Châu chiêm bao là Bướм, hay Bướм chiêm bao là Châu?” Một câu hỏi có thể bao trùm được cả vấn đề “vật ngã bình đẳոg”. Sự hỗn hợp giữa Ta (Trang-Châu) và Vật (con bướм) hồn nhiên đến không thể biết đâu là thực, đâu là mộng. Và như vậy, mộng cũng là thực, thực cũng là mộng, và Ta cũng là Vật, Vật cũng là Ta. Ta và Vật là Một.

Ngoài sự bình đẳոg của thọ yểu, lớn nhỏ, nên hư, há chẳng phải đều do đây mà ra cả hay sao?

*

Người ta thường bảo thiên Tề-Vật-Luậո là một thiên tinh thâm kỳ diệu. Nhưng chỗ tinh thâm nhất là ở đoạn đầu của thiên, tức là chỗ mà Tử Kỳ

giảng cho Nhan thành Tử Du về cái ý nghĩa của “Thiên lại”, “địa lại”, “Nhân lại”.

Nhân lại là “sáo người”... Tiếng sáo tuy có cao thấp, dài ngắn khác nhau, mà tựu trung chỉ do một hơi thổi vào mà gây nên: tùy lỗ hồng lớn nhỏ gần xa mà phát ra đủ loại âm thanh khác biệt. Hơi thổi đó (mà Tử Kỳ gọi là gió, đối với Địa lại) tức là Đạo, động cơ duy nhất gây thành muôn điệu âm thanh, cũng như vạn vật.

“Hơi thổi” của nhạc công, cũng như “gió thổi” mà im bật, thì cả thảy “sáo người”, “sáo đất” sẽ cùng im lặng, không còn có gì cả. Cho nên “hơi thổi” hay gió thổi là cái chính, tuy không thấy, nhưng mà có. Trái lại, âm thanh muôn điệu ồn ào, tuy có mà kỳ thật là không.

Chương Tề-Vật-Luận, chung quy là để giảng về một chữ Hòa. Sáo, là nhạc; Nhạc, là điều hòa tất cả những gì mà riêng ra, không thể hòa nhau mà lại còn chống đối nhau là khác, như những giọng cao giọng thấp, tiếng thô tiếng trong, tiếng dài tiếng ngắn... Sự vật tuy khác nhau, chống đối nhau như thị phi, thiện ác... thế mà lại hòa nhau, nên mới gọi là đồng nhau, và đặt tên là Tề Vật. Trang-tử dùng “nhân lại” để dẫn qua “địa lại” và nhân “địa lại” mà bàn qua “thiên lại”. “Thiên lại” là yếu điểm của toàn thiên: sự điều hòa của tất cả mọi bất đồng mâu thuẫn trên đời.

Giảng rộng thiên này, thiên Thu Thủy viết: *“Hải Thần nói: “Cùng ếch giếng không thể nói biển rộng: nó chỉ biết có cái hang nó mà thôi. Cùng con trùng mùa hạ, không thể nói băng tuyết rộng: nó chỉ biết có cái mùa của nó mà thôi! Cùng bọn khúc-sĩ không thể nói Đạo rộng: họ bị trói buộc trong giáo lý của họ mà thôi (..). Dưới trời, nước không đâu nhiều hơn biển. Đó là nơi muôn sông chảy về, không bao giờ vơi. Rồi nước biển lại chảy qua ngả đông mà không bao giờ lưng; Xuân, Thu, mưa nắng không đổi nó, mà nó cũng không hay. Hơn rạch sông không biết lượng-số nào kê, mà ta chưa từng cậy đó là nhiều, là vì tự xét, sánh với Trời Đất, Âm Dương, thì ta có khác nào một viên đá nhỏ, một gốc cây gậy trong dãy núi to! Đã rằng là ít, sao thấy mình nhiều? Bốn biển, ở trong Trời Đất phải chăng cũng chỉ là những hang nhỏ ở trong chằm lớn hay sao? Vạn-vật, lấy số muôn mà nói, thì người chỉ được số một mà thôi! Láy chín châu, nơi lúa thóc sinh sản, thuyền xe thông hành mà sánh, thì người cũng không qua số*

một. Vậy, người đối với Vạn-vật, khác nào một sợi lông trên mình ngựa. Chỗ liên-hiệp của Ngũ-Đế, chỗ tranh giành của Tam-Hoàng, chỗ lo lắng của người nhân, chỗ nhọc nhằn của kẻ sĩ, rốt lại có chi : Bá-Di từ ngôi, lấy đó làm danh; Trọng-Ni nói ra, gọi đó là rộng. Mấy cái mà họ cho rằng nhiều đó, thì có khác nào người trước khi thấy biển.”

Đó là thiên “tương đối luận” có lẽ hùng hồn nhất từ xưa đến nay ở Đông Phương này!

養生主

DƯỠNG-SINH-CHỦ

A.

吾生也有涯,而知也無涯;以有涯隨無涯,殆已!
Ngô sinh dã hữu nhai, nhi tri^[clxxxviii] dã vô nhai; dĩ hữu nhai tùy vô nhai, đãi dĩ!

已而為知者,殆而已矣.為善無近名,為惡無近刑.緣督以為經,可以保身,可以全生,可以養親,可以盡年.

Dĩ nhi vi tri giả, đãi nhi dĩ hĩ. Vi thiện vô cận danh, vi ác vô cận hình. Duyên đức^[clxxxix] dĩ vi kinh, khả dĩ bảo thân, khả dĩ toàn sinh, khả dĩ dưỡng thân, khả dĩ tận niên.

DỊCH NGHĨA:

A. Sinh lực của ta thì có hạn, mà sự muốn biết của ta thì không bờ bến. Dem cái có hạn (như sinh lực của ta) để mà chạy theo cái không bờ bến (như lòng ham muốn của ta) là nguy vậy!

Đã biết thế, lại không dừng, càng nguy hơn nữa. Làm việc thiện mà không bị danh ràng buộc; theo con đường giữa mà đi, thì có thể giữ được thân mình, có thể toàn được sinh mạng, có thể nuôi dưỡng mẹ cha và có thể hưởng được hết tuổi trời.

*

B.

庖丁爲文惠君解牛，手之所觸，肩之所倚，足之所履，膝之所踣，砉然響然奏刀騞然，莫不中音，合於桑林之舞，乃中經首之會。

Bào Đinh^[exc] vi Văn Huệ Quân^[exc] giải ngưu^[exc] thủ chi sở xúc, kiên chi sở ý, túc chi sở lý, tất chi sở kỳ, hoạch nhiên hướng nhiên tấu đao hao nhiên, mạc bất trúng âm, hợp ư Tang Lâm chi vũ, nãi trúng Kinh thủ chi hội.

文惠君曰：嘻，善哉！技蓋至此乎？

Văn Huệ Quân viết: Hi, thiện tai! Kỹ khái chí thử hồ!

庖丁釋刀對曰：“臣之所好者，道也。進乎技矣。始，臣之解牛之時，所見無非全牛者，三年之后，未嘗見全牛也。方今之時，臣以神遇而不以目視，官知止，而神欲行，依乎天理，批大卻，導大窾，因其固然。技經肯綮之未嘗，而況大軻乎。良

庖歲更刀, 割也。族庖, 月更刀, 折也。今臣之刀十九年矣, 所解數千牛矣, 而刀刃若新發於硯。彼節者有閒, 而刀刃者無厚, 以無厚入有閒, 恢恢乎其於游刃必有餘地矣。是以十九年而刀刃若新發於硯。雖然, 每至於族, 吾見其難爲, 怵然爲戒, 視爲止, 行爲遲, 動刀甚微, 謦然, 已解, 如土委地。提刀而立, 爲之而四顧, 爲之踴滿志, 善刀而藏之。”

Bào Đình thích đao đối viết: “Thần chi sở háo giả, Đao dã. Tiến hồ kỹ hĩ. Thủy, thần chi giải ngư chi thời, sở kiến vô phi ngư giả, tam niên chi hậu, vị thường kiến toàn ngư dã. Phương kim chi thời, thần dĩ thần ngô nhi bất, dĩ mục thị, quan tri chi, nhi thần dục hành, ý hồ thiên lý, phê đại khước, đao đại khoản, nhân kỳ cố nhiên, kỹ kinh khảng khái chi vị thường, nhi hưởng đại qua hồ. Lương bào tuế cánh đao, cát dã tộc bào, nguyệt cánh đao, chiết dã. Kim thần chi đao thập cửu niên hĩ, sở giải sở thiên ngư hĩ, nhi đao nhãn nhược tân phát ư hình. Bỉ tiết giả hữu gian^[cxci], nhi đao nhãn giả vô hậu; dĩ vô hậu nhập hữu gian, khôi khôi hồ kỳ ư du nhãn tất hữu dư địa hĩ. Thị dĩ thập cửu niên nhi đao nhãn nhược tân phát ư hình. Tuy nhiên mỗi chí ư tộc, ngô kiến kỳ nan vi, truyệt nhiên vi giới, thị vi chỉ, hành vi trì, động đao tối vi, hoạch nhiên, dĩ giải, như thổ ủy địa. Đề đao nhi lập, vi chi tứ cô, vi chi trừ mẫn chí. Thiện đao nhi tàng chi.”

文惠君曰:

Văn Huệ Quân viết:

“善哉! 吾聞庖丁之言, 得養生焉。”

“Thiệt n tai! Ngô văn Bào Đình chi ngôn, đắ c dư ỡ ng sinh yên.”

DỊCH NGHĨA:

B. Bào Đình mổ bò cho Văn Huệ Quân.

Lúc ra thịt, điệu bộ của tay động, của vai đưa, của chân đạp, của gối chạm, tiếng da xương lia nhau, tiếng dao cạo cắt đều trúng cung bực, hợp với điệu múa Tang Lâm, với bài nhạc Kinh-Thủ.

Văn Huệ Quân nói: “Hay thật! Nghệ thuật đến đó là cùng!”

Bào Đinh buông dao, thưa rằng: “Cái chỗ ưa thích của thần, là Đạo. Ban sơ, lúc ra thịt một con bò, chỗ mà thần chỉ có thấy mà thôi, là con bò. Về sau ba năm, thần không còn thấy con bò nữa. Bây giờ, thần không dùng con mắt để nhìn, mà dùng cái “thần” để xem: ngũ quan dừng lại, mà “thần” thì muốn đi, nương theo thiên lý. Tách các gân lớn, lùa các khớp lớn, nhân chỗ cố nhiên của nó mà cắt. Bắp thịt còn không xắt qua, hướng chi là khớp xương to. Người bếp thường mỗi tháng thay dao một lần, vì họ chặt. Nay con dao của thần đã dùng mười chín năm; só bò đã mổ có trên nghìn con, vậy mà dao như mới mài xong. Các khớp xương kia có kẽ hở mà lưỡi dao này thì mỏng. Lấy cái bề mỏng của con dao mà đưa vào chỗ kẽ, thì rộng có thừa. Vì vậy mà lưỡi dao đã dùng mười chín năm nay vẫn còn sắc như mới mài. Tuy vậy, mỗi khi gặp những chỗ gân xương sát nhau quá cảm thấy khó làm, thì thần phải nhìn kỹ, hành động chậm lại; con dao cử động một cách rất nhẹ nhàng, thế mà thịt lại đứt và rơi xuống như bùn rơi xuống đất. Bây giờ thần cầm dao đứng yên, ngảnh nhìn bốn phía, đặc ý vì được con dao tốt, rồi đem cắt nó đi...”

Văn Huệ Quân nói: “Hay biết chừng nào! Ta nghe lời nói của Bào Đinh mà hiểu được cái đạo dưỡng sinh!”

*

C.

公文軒見右師而驚曰：“是何人也？惡乎介也？天與，其人與？”

Công Văn Hiên kiến Hữu Sư^[cxciv] nhi kinh viết: “Thị hà nhân dã? Ô hồ giới^[cxcv] dã? Thiên dư, kỳ nhân dư?”

曰：“天也，非人也。天之生是使獨也。人之貌有與也。以是知其天也。非人也。”

Viết: “Thiên dã, phi nhân dã. Thiên chi sinh thị sử độc dã. Nhân chi mạo hữu dư^[cxcvi] dã; dĩ thị tri kỳ thiên dã, phi nhân dã.”

澤雉十步一啄百步一飲; 不斲畜乎樊中, 神雖王, 不善也.
Trạch trĩ thập bộ nhất trác bách bộ nhất ẩm; bất kỳ súc hồ phàn^[cxcvii] trung, thần tuy vượng^[cxcviii], bất thiện dã.

DỊCH NGHĨA:

C. Công Văn Hiến thấy vị quan Hữu Sư mà kinh ngạc!

- Ấy là ai đó vậy? Tại sao mà lại chỉ còn có một chân? Trời làm ra thế chằng? Hay người làm ra thế chằng?

Hữu Sư đáp:

- Do Trời đấy, không phải do người đâu. Trời sinh ta, bắt ta phải một chân. Hình dung của con người thì phải có hai chân cùng đi mới được. Vì vậy, mới biết rằng, đó là do Trời, chứ không phải do Người làm ra.

Con trĩ ở trong chằm, mười bước đi, một lần mổ, trăm bước đi, một lần uống, nhưng nào có mong được nuôi dưỡng ở trong lồng. Thần thái tuy khỏe, nhưng lại đâu có ra việc ấy.

*

D.

老聃死, 秦失弔之, 三號而出.

Lão Đam tử. Tần Thất điếu chi, tam hào nhi xuất.

弟子曰: 非夫子之友邪?

Đệ tử viết: Phi Phu tử chi hữu da?

曰: 然.

然則弔焉若此可乎?

Viết: Nhiên.

Niên tác điều yên nhược thử khả hồ?

曰: 然. 始也吾以爲其人也, 而今非也. 向吾入而弔焉, 有老者哭之如哭其子, 少者哭之如哭其母. 彼其所以會之, 必有不蘄言而言, 不蘄哭而哭者, 是遁天倍情忘其所受, 古者謂之遁天之刑. 適來, 夫子時也. 適去, 夫子順也. 安時而處順, 哀樂不能入也.

Viết: Nhiên. Thủy dã ngô dĩ vi kỳ nhơn dã, nhi kim phi dã. Hướng ngồ nhập nhi điếu yên, hữu lão giả khốc chi như khốc kỳ tử, thiếu giả khốc chi như khốc kỳ mẫu. Bỉ kỳ sở dĩ hội chi, tất hữu bất ky ngôn nhi ngôn, bất ky khốc nhi khốc giả, thị độn thiên bội tình^[cxcix] vong kỳ sở thọ, cổ giả vị chi độn thiên chi hình. Thích lai^[cc], phu tử thời dã. Thích khứ, phu tử thuận dã. An thời nhi xử thuận, ai lạc bất năng nhập giả.

古者, 謂是帝之縣解.

Cổ giả, vị thị Đế^[cci] chi huyề n giả i^[ccii].

指窮於爲薪, 火傳也, 不知其盡也.

Chỉ cùng ư vi tân, hỏa truyền dã, bất tri kỳ tận^[cciii] dã.

DỊCH NGHĨA:

D. Lão Đam chết, Tàn Thất đến điếu, khóc gào ba tiếng rồi bước ra.

Học trò hỏi: Không phải bạn của Thầy sao?

- Phải.

- Vậy thì, điếu như vậy coi được không?

- Được chứ! Trước kia, đó là bạn ta thật; nay thì không phải vậy nữa. Lúc này ta vào điếu, thấy có người già khóc như khóc con, có người trẻ khóc như khóc mẹ. Cái chỗ họp lại đó (cái xác của ông ta), có câu ai nói đến mà nói, có câu ai khóc nó mà khóc. Thế là đã trốn trời, thêm tình, quên chỗ

mình thọ lãnh. Người xưa gọi đó là hình phạt của sự trốn trời. Vui mà đến, là phu tử an thời; vui mà đi, là phu tử xử thuận. An thời xử thuận, thì buồn vui không sao xâm nhập cõi lòng. Người xưa cho rằng đó là tháo mở cái sợi dây mà Tạo Hóa đã cột ta vào cõi sống. Thì cũng như việc lửa và củi, lửa truyền mãi không biết đến đâu là cùng.

*

TỔNG BÌNH

Ở thiên Tề-Vật, Trang-tử cho rằng “sinh tử” là một. Vậy sao còn quý cái sống mà dưỡng nó?

Hỏi thế là hỏi sai. Không ham sống, không sợ chết, xem tử như sinh, sinh như tử, và sinh tử là một, đó là cái Đạo của Tề Vật. Nhưng ở *cảnh nào phải biết vui với cảnh ấy*^[cciv]. Đang sống mà không lo dưỡng nó, để phải tật bệnh đau khổ, không biết thuận theo tự nhiên của nó mà dưỡng nó, thì còn đâu gọi là vui với đó! Không dưỡng nó để cho nó đau khổ, như vậy là cầu cái chết hay sao? Có biết bao kẻ quá đau khổ, đi cầu cái chết để thoát khổ của cảnh sống đầy tật bệnh, đó chẳng phải là coi cái chết là quý sao? Như vậy đâu còn phải là cái Đạo của *Tề-Vật* nữa!

*

A. Những nguyên nhân làm cho ta thương sinh rất nhiều, nhưng không có chi nguy hiểm bằng “tham vọng”. Sự đèo bòng tham muốn chạy theo ngoại vật, cũng như chạy theo cái hiểu biết của cái học trực vật, đeo đuổi theo những vật bất thường và mộng ảo, là nỗi ưu tư không bờ bến làm mòn mỗi sinh lực con người không sao cứu được.

Bởi vậy, ở đầu thiên Dưỡng Sinh, Trang-tử nói: “*Sinh lực của ta thì có hạn, mà sự muốn biết của ta thì không bờ bến. đem cái có hạn (như sinh lực của ta) để mà chạy theo cái không bờ bến (như lòng ham muốn của ta) là nguy vậy! Đã biết thế, lại không dừng, càng nguy hơn nữa*”.

Tiến thêm bước nữa, ông nói: “*Làm việc thiện mà không bị danh ràng buộc; theo con đường giữa mà đi, thì có thể giữ được thân mình, có thể toàn được sinh mạng, có thể nuôi dưỡng mẹ cha và có thể hưởng được hết tuổi trời*”.

Ở thiên Biền-Mẫu có đoạn giải rất rõ cái ý nghĩa của trên đây: “*Bá Di vì danh mà chết ở núi Thú Dương, còn Đạo Chích thì vì lợi mà chết ở gò Đông Lăng. Hai người ấy, tuy cái chỗ theo mà chết không giống nhau, nhưng đều làm tàn hại cái Sống, thương tổn cái Tính mình cả. Chắc gì Bá Di là phải, mà Đạo Chích là quấy? Người trong thiên hạ đều chết theo như thế cả. Nếu cái mình chết theo là Nhân, là Nghĩa, thì tục gọi là cái chết của người quân tử. Nếu cái mình chết theo là tiền bạc, thì tục gọi là cái chết của tiểu nhân. Cái chỗ mà mình chết theo chỉ có một, vậy mà cũng quân tử tiểu nhân ư? Đến như việc tàn cái sống, tổn cái tính, thì Đạo Chích cũng như Bá Di, đâu có khác nhau chỗ nào!*”

Người đạt Đạo, không thiên về lẽ Phải hay lẽ Quấy, hoặc nói cho đúng hơn, đã vượt lên trên Phải Quấy và đã “*thuận theo con đường giữa*” (duyên độc dĩ vi kinh) nghĩa là gìn giữ Quân bình, nên không thiên hẳn bên nào đến phải “*chết vì một cái gì cả*” dù là cho lẽ Phải hay lẽ Quấy nào. Đạo là Quân bình, bao giờ cũng ở trên thiện ác, cho nên người đạt Đạo biết rằng thiện ác nương nhau mà có, trong thiện có ẩn cái ác, trong ác có ẩn cái thiện, cho nên không vì điều Phải lẽ Quấy nào cả, mà phải ràng buộc mình và lo âu đến phải thương sinh vì nó cả. Nghĩa là người đạt Đạo là kẻ hoàn toàn tự do, không còn nô lệ bất cứ một bảng giá trị về điều Phải lẽ Quấy của một thứ luân-lý tịnh nào nữa cả, cổ cũng như kim.

*

B. “*Luỡi dao*” của Bào Đinh đi giữa xương thịt mà không chạm gân xương nênặng lâu dài mà không mòn mẻ. Đạo dưỡng sinh của người cũng một thế: cứ hoạt động trong chỗ hư không, thuận với lẽ tự nhiên, thì vật không thương tổn được.

Lòng “*ham muốn*” của ta về những vật ngoài ta, khác nào như “*gân xương*”, còn sinh lực của ta khác nào như “*luỡi dao*”. Hễ còn lòng tham muốn, đèo bồng theo những vật ngoài mình, tức là “*những vật không tưng*

mình...” thì mới có lo sợ: lo được, sợ mất. Đắc thất, doanh hư, thị phi, vinh nhục... đều là những cố để làm nao loạn tinh thần, thương tổn sinh mạng. Tranh đấu với những điều không thể tranh được, như thị phi, vinh nhục, với những lẽ Doanh Hư Đắc Thất trong đời, thì tranh ắt phải thất, đó là đem lưỡi dao bén mà chạm vào “gân xương”, thì dao mòn lưỡi mẻ. Vì vậy mà Lão-tử mới đề xướng thuyết “bất tranh”: *“Vì ta không tranh nên thiên hạ không ai tranh nổi với ta”*

Tranh với nhau, là vì còn cùng nhận một bảng giá trị như nhau, chứ đối với kẻ đã vượt lên trên thị phi thiện ác... thì còn đi tranh với họ Phải Quấy làm gì được nữa. Có ai lại đi tranh giành phú quý với kẻ đã xem thường phú quý? Cho nên mới nói: *“Vì ta không tranh, nên thiên hạ không ai tranh nổi với ta”*.

*

C. Lại còn một nguyên nhân nữa làm cho con người thành một con vật đau khổ nhất trên đời, là lòng “ham sống, sợ chết”. Lòng “ham sống” và “sợ chết” mà không còn, thì tinh thần ta mới không nao loạn. Tinh thần mà không nao loạn, thì bệnh hoạn do đâu mà sinh ra?

“Lão Đam chết, Tần Thất đến điếu, khóc gào ba tiếng rồi bước ra.

Học trò hỏi: không phải bạn của thầy sao?

- Phải.

- Vậy thì, điếu như vậy coi được không?

- Được chứ! Trước kia, đó là bạn ta thật; nay thì không phải vậy nữa. Lúc này ta vào điếu, thấy có người già khóc như khóc con, có người trẻ khóc như khóc mẹ. Cái chỗ họp lại đó (cái xác của ông ta), có câu ai nói đến mà nói, có câu ai khóc nó mà khóc. Thế là đã trốn Trời, thêm tình, quên chỗ mình thọ lãnh. Người xưa gọi đó là hình phạt của sự trốn trời. Vui mà đến, là phu tử an thời; vui mà đi, là phu tử xử thuận. An thời xử thuận, thì buồn vui không sao xâm nhập cõi lòng. Người xưa cho rằng đó là tháo mở cái

sợi dây mà Tạo Hóa đã cột ta vào cõi sống. Thì cũng như việc lửa với củi, lửa truyền mãi không biết đến đâu là cùng.”

Dùng lửa mà nhen củi, củi tận mà tưởng là lửa tận, đó là chỗ thấy của thường nhân. Thật ra, củi có tận, mà lửa thì vô tận, truyền mãi từ bó củi này sang bó củi khác, không khác nào cái Sống của ta truyền từ hình thể này qua hình thể kia.

*

Dưỡng sinh có hai phương diện! Dưỡng cái sống “có sống có chết” (thân thể) và dưỡng cái sống “không sống không chết” (chân tính). Trên đây, là bàn về cái Đạo dưỡng cái sống “có sống có chết”. Đến khi bàn đến cái sống “không sống không chết”, Trang-tử kết luận bằng cái tỉ dụ “củi và lửa” như vậy: *“khi lửa cháy hết bó củi này, thì truyền sang qua bó củi khác... không bao giờ tắt”*. Cái sống “không sống không chết” như lửa, không bao giờ cùng. Hãy gìn giữ nó, và đừng bao giờ để nó vì tư tâm tư dục mà đèo bồng tham muốn những cái ngoài phận mình mà mờ tắt đi.

*

Dưỡng sinh cũng phải vừa lo trong, vừa lo ngoài, không nên thái quá hay bất cập.

Thiên Đạt sinh giải về cái Đạo dưỡng sinh vừa bên trong bên ngoài này rất rõ: *“Diễn Khai Chi yết kiến Châu Uy Công. Uy công nói: Ta có nghe thầy của khanh là Chúc Thận có được cái Đạo sống. Khanh cùng Chúc Thận ở chung với nhau, vậy khanh có nghe nói về Đạo ấy không?”*

Diễn Khai Chi nói: Tôi là đứa quét nhà, làm gì nghe đặng!

Uy công nói: Diễn tử chớ khiêm nhượng. Quả nhân muốn nghe điều đó.

Diễn Khai Chi nói: Nghe thầy tôi nói: người khéo dưỡng sinh giống như người chẵn chiên. Thấy con nào lẻ bầy, thì quất nó (cho nó trở về với bầy).”

Uy công nói: Nghĩa là sao?

Diễn Khai Chi nói: Tại nước Lô, có tên Đơn Báo ở trong non, uống nước suối, không cùng người cộng lợi. Đã bảy mươi tuổi mà nhan sắc còn như đứa con nít. Rồi bị cọp bắt ăn. Cũng có tên Trương Nghị, không cửa cao nhà rộng nào mà y không chạy đến (để cầu thân). Được bốn mươi tuổi, bị bệnh nội thiệt mà chết. Báo, thì dưỡng phần trong mà cọp ăn phần ngoài; Nghị, thì dưỡng phần ngoài mà bị bệnh giết phần trong. Hai người đó đều không biết quất con chim lẻ bầy.”

Trong và ngoài, là hai điều không thể lìa nhau. Vật chất, tinh thần, đối với Trang-tử, không phải chỉ ảnh hưởng lẫn nhau rất mật thiết mà thôi, hơn nữa, cả hai là Một. Để cho lìa nhau, là sai với tự nhiên, không khác nào con chiên lạc bầy. Đánh cho nó trở về, là hợp lại hai lẽ “trong” và “ngoài”: đạo dưỡng sinh đến đó mới là đầy đủ và toàn hảo.

*

Đến như cái hại về sinh lực do sự sắc dục ăn uống mà gây nên, người dưỡng sinh cũng không nên không để ý: “Gặp nơi tử địa, anh em cha con còn biết lo sợ, răn bảo nhau đừng bước vào. Còn như trên chần chiếu, giữa cuộc uống ăn, cũng là nơi tử địa, sao không mấy kẻ biết lo sợ, không biết răn mà nhủ nhau, lại còn mạo hiểm lẫn mình vào, thì là quá rồi!” (Đạt Sinh)

Nhất là đừng để kẻ khác lợi dụng lòng háo danh của mình để bắt mình phụng sự cho tư dục họ: Trang-tử, cũng trong thiên Đạt sinh, có nói: “Một vị quan lãnh việc tế tự, nói với heo: Sao bây giờ ghét chết? Ta nuôi bây giờ ba tháng. Vì bây giờ mà ta phải giữ ba ngày chay, mười ngày giới. Lúc tế, ta để bây giờ trên chiếu trắng, trên mâm chạm. Bây giờ còn phân nản nỗi gì nữa? Ôi! Nếu vị quan ấy, thật tình nuôi heo (vì nó), sao không để cho nó tự do ăn tấm cám, sao cũng được. Vị quan ấy thích sống theo áo mũ, chết có quan quách, và cho vậy là vinh, rồi lại tưởng cho heo cũng như thế!”

Người ta nói: “nuôi quân ngàn thuở, nhờ có một khi”... Và chỉ một khi thôi, nhưng có khi lại phải thương sinh tính mạng là thường... “Trang-tử câu trên sông Bộc. Sở vương sai hai quan đại phu đem lễ vật mời ông ra làm quan. Trang-tử cầm cần câu không nhúc nhích cũng không thèm nhìn

lại, nói: “Tôi nghe vua Sở có con thần quy, chết đã ba nghìn năm. Vua Sở quý nó và cất trên miếu đường. Con quy ấy, chịu chết để lưu lại cái xương của mình cho người ta thờ, hay chịu thà sống mà kéo lê cái đuôi của mình trong bùn?” Hai vị đại phu nói: “Thà sống lê cái đuôi trong bùn còn hơn.” Trang-tử nói: “Thôi, về đi. Ta đây cũng chịu kéo lê cái đuôi của mình trong bùn.” (Thu Thủy)

Người theo Đạo Dưỡng Sinh có đầu lại lao đầu vào vòng “cân đai áo mao”, “cá chậu chim lồng” để phải bị chặt chân, lại còn ngoan cố nguy biện cho là số Trời!^[ccv] “Con trĩ ở trong chằm, mười bước đi một lần mổ, trăm bước đi một lần uống, nhưng nào có mong được nuôi dưỡng ở trong lồng...” dù đó là một cái lồng sơn son thếp vàng...

*

德充符

ĐỨC-SUNG-PHÙ

A.

魯有兀者王駘, 從之遊者, 與仲尼相若.

Lỗ hữu ngột giả Vương Đãi, tùng chi du giả, dĩ Trọng Ni tương nhược.

常季問於仲尼曰: “王駘兀者也, 從之遊者與夫子中分魯. 立不教, 坐不議, 虛而往, 實而歸. 固有不言之教, 無形而心成者邪? 是何人也?”

Thường Quý vấn ư Trọng Ni viết: “Vương Đài ngọt giả dã, tòng chi du giả dữ phu tử trung phân Lỗ. Lập bất giáo, tọa bất nghị, hư nhi vãng, thực nhi quy; cố hữu bất ngôn chi giáo, vô hình nhi tâm thành giả da? Thị hà nhân dã?”

仲尼曰: “夫子, 聖人也. 丘也直後而未往耳! 丘將以爲師, 而況不若丘者乎? 奚假魯國, 丘將引天下而與從之.”

Trọng Ni viết: “Phu tử, thánh nhân dã. Khuru dã trực hậu nhi vị vãng nhĩ! Khuru tương dĩ vi sư, nhi hướng bất nhược Khuru giả hồ! Hề giả Lỗ quốc, Khuru tương dẫn thiên hạ nhi dữ tòng chi.”

常季曰: “彼兀者也, 而王先生, 其與庸亦遠矣. 若然者, 其用心也, 獨若之何?”

Thường Quý viết: “Bỉ ngọt giả dã, nhi Vương tiên sinh, kỳ dữ dung diệc viễn hĩ! Nhược nhiên giả, kỳ dụng tâm dã, độc nhược chi hà?”

仲尼曰: “死生亦大矣, 而不得與之變, 雖天地覆墜, 亦將不與之遺. 審乎無假, 而不與物天, 命物之化, 而守其宗也.”

Trọng Ni viết: “Tử sinh diệc đại hĩ, nhi bất đắc dữ chi biến, tuy thiên địa phúc trụ, diệc tương bất dữ chi di. Thẩm hồ vô giả, nhi bất dữ vật thiên, mạng vật chi hoá, nhi thủ kỳ tông dã.”

常季曰: “何謂也?”

Thường Quý viết: “Hà vị dã?”

仲尼曰: “自其異者視之, 肝膽楚越也; 自其同者視之, 萬物皆一也. 夫若然者, 且不知耳目之所宜, 而遊心乎德之和, 物視其所一而不見其所喪, 視喪其足, 猶遺土也”

Trọng Ni viết: “Tự kỳ dị giả thị chi, can đảm Sở Việt^[ccvii] dã; tự kỳ đồng giả thị chi, vạn vật giai nhất dã. Phù nhược nhiên giả, thả bất tri nhĩ mục chi sở nghi^[ccviii], nhi du tâm hồ đức^[ccviii] chi hòa. Vật thị kỳ sở nhất nhi bất kiến kỳ sở táng, thị táng kỳ túc, do di thổ dã.”

常季曰: “彼爲己, 以其知得其心, 以其心, 得其常心, 物何爲最之哉?”

Thường Quý viết: “Bỉ vị kỳ, dĩ kỳ tri^[ccix] đắc kỳ tâm, dĩ kỳ tâm, đắc kỳ thường tâm^[ccx], vật hà vi tới^[ccxi] chi tai?”

仲尼曰：“人莫鑒於流水，而鑒於止水，唯能止，能止衆止。受命於地，唯松柏獨也在。冬夏青青，受命於天，唯舜獨也正。幸能正生，以正衆生。夫保始之徵，不懼之實。勇士一人，雄入於九軍，將求名而能自要者，而猶若是，而況官天地，府萬物，直寓六骸，象耳目，一知之所知，而心未嘗死者乎？彼且擇日而登假，人則從是也；彼且何肯以物爲事乎？”

Trọng Ni viết: “Nhân mạc giám ư lưu thủy, nhi giám ư chỉ thủy, duy năng chỉ, năng chỉ chúng chi^[ccxii]. Thụ mạng ư địa, duy tùng bá độc dã tại. Đông hạ thanh thanh, thụ mạng ư thiên, duy Thuần độc dã chính. Hạnh năng chính sinh^[ccxiii], dĩ chính chúng sinh. Phù bảo thủy chi trung, bất cụ chi thực; dũng sĩ nhất nhân, hùng nhập ư cửu quân, tương cầu danh nhi năng tự yêu giả, nhi do nhược thị; nhi hưởng quan thiên địa, phủ vạn vật, trực ngụ lục hài, tượng nhĩ mục, nhất tri chi sở tri, nhi tâm vị thường tử giả hồ? Bỉ thả trạch nhật nhi đăng giả, nhân tắc tùng thị dã; bỉ thả hà khăng dĩ vật vi sự hồ^[ccxiv]?”

*

DỊCH NGHĨA:

ĐỨC SUNG PHÙ

A. Nước Lỗ, có người cụt chân, tên là Vương Đài. Số người theo học ngang với Trọng Ni.

Thường Quý hỏi Trọng Ni: “Vương Đài là kẻ cụt chân, lại cùng Thầy chia hai học trò nước Lỗ. Người ấy, đứng thì không dạy điều chi; ngồi thì không nghị luận việc gì. Thế mà, người học đến thì không có gì cả, mà khi ra về thấy mình đầy đủ. Vậy thì, có lời dạy mà không cần đến lời, mặc nhiên mà cảm hóa được lòng người hay sao? Người ấy là người gì vậy?”

Trọng Ni đáp: “Phu tử là bậc Thánh nhân đây! Khuru này đi sau, chưa thể theo kịp đó. Khuru còn muốn tôn đó làm Thầy, huống hồ là những kẻ không bằng Khuru! Nói chi là một nước Lỗ. Khuru này còn muốn dẫn cả thiên hạ mà cùng theo đó.”

Thường Quý nói: “Đó là kẻ cụt chân, vậy mà được Phu tử gọi là bậc Thầy họ Vương, tất nhiên người ấy phải có cái gì khác xa với kẻ tầm thường! Như vậy thì, riêng ông ta đã sử dụng cái tâm như thế nào?”

Trọng Ni đáp: “Chết sống là việc lớn còn không làm cho đó biến đổi; Trời Đất dù sụp đổ, cũng không làm cho đó sao động. Xét rõ Tính Mạng, mà không để cho vật ngoài đời đổi. Khiến vật hóa sinh, mà giữ lấy phân chủ của vật hóa.”

Thường Quý nói: “Như thế nghĩa là gì?”

Trọng Ni đáp: “Có hai cách nhận thức sự vật, nếu đứng chỗ khác biệt nhau mà xem, thì dù như gan với mật cũng thấy cách nhau xa như Sở với Việt; nhưng, nếu đứng chỗ đồng nhau mà xem, thì sẽ thấy vạn vật đều là Một cả. Và nếu được như vậy (tức là biết đứng chỗ đồng nhau mà xem vạn vật) thì đâu cần gì đến sự nhận thức của tai mắt nữa mà để cho lòng mình rong chơi nơi chỗ “hòa” của Đức. Vì vậy mà coi sự mất một chân của mình như một hòn đất bị đánh rơi thôi!”

Thường Quý nói: “Người ta, không ai lại soi mình ở làn nước chảy, mà soi mình ở làn nước đứng. Chỉ có cái “lặng đứng” mới dừng lại được cái lòng mong lặng đứng của người người. Cùng thụ Mạng nơi Đất mà riêng chỉ có cây tùng cây bách là luôn luôn tồn tại: một màu xanh xanh, bất cứ ở mùa nào, mùa hạ hay mùa đông. Cùng thụ Mạng nơi Trời mà riêng chỉ có ông Thuấn là giữ được cái Chính của mình. Cầm đầu thiên hạ mà chính được cái Tính của mình, thì chính được mọi người. Hạng người mà giữ được Bản Tính, thì bên ngoài rất điềm tĩnh, chẳng biết sợ gì cả, như người dũng sĩ một mình xông vào chín vòng quân. Vì hiếu danh mà họ còn dám làm việc ấy, huống hồ hạng người chủ được Trời Đất, chứa được vạn vật thì đối với cái thân này chẳng qua là gởi vào sáu hài, nương vào tai mắt, còn sự hiểu biết của họ thì bao la mà cái tâm của họ chưa từng có chết?”

Con người ấy chọn ngày để trút bỏ cái giả. Người ta tự chạy theo đấy thôi, chứ tự người ấy đâu có chịu đem mình mà phụng sự cho thiên hạ?”

*

B.

申徒嘉兀者也,而與鄭子產同師於伯昏無人.子產謂申徒嘉曰:“我先出,則子止,子先出則我止.”

Thân Đồ Gia ngột giả dã, nhi dữ Trịnh Tử Sản^[ccxv] đồng sư ư Bá Hôn Vô Nhân. Tử Sản vị Thân Đồ Gia viết: “Ngã tiên xuất, tắc tử chỉ, tử tiên xuất tắc ngã chỉ.”

明日又與合堂同席而坐.子產謂申徒嘉曰:“我先出,則子止,子先出,則我止.今我將出,子可以止乎?其未邪?且子見執政而不違,子齊執政乎?”

Minh nhật hựu dữ hợp đường đồng tịch nhi tọa. Tử sản vị Thân Đồ Gia viết: “Ngã tiên xuất, tắc tử chỉ, tử tiên xuất, tắc ngã chỉ. Kim ngã tương xuất, tử khả dĩ chỉ hồ? Kỳ vị da? Thả tử kiến chấp chính nhi bất vi, tử tể chấp chánh hồ?”

申徒嘉曰:“先生之門固有執政焉如此哉?子而說子之執政而後人者也!”

Thân Đồ Gia viết: “Tiên sinh chi môn cố hữu chấp chính yên như thử tai? Tử nhi duyệt tử chi chấp chính nhi hậu nhân giả dã!”

聞之曰:“鑒明則塵垢不止,止則不明也.久與賢人處則無過.子今之所取大者,先生也,而猶出言若是不亦過乎?”

Văn chi viết: “Giám minh tắc trần cấu bất chỉ, chỉ tắc bất minh dã. Cửu dữ hiền nhân xử tắc vô quá. Tử kim chi sở thủ đại giả, tiên sinh dã, nhi do xuất ngôn nhược thị bất diệc quá hồ?”

子產曰:“子既若是矣,猶與堯爭善,計子之德,不足以自反邪?”

Tử Sản viết: “Tử ký nhược thị hĩ, do dữ Nghiêu tranh thiện, kế tử chi đức, bất túc dĩ tự phản da?”

申徒嘉曰: “自狀其過以不當亡者衆; 不狀其過以不當存者寡. 知不可奈何而安之若命, 唯有德者能之. 遊於羿之彀中. 中央者, 中地也, 然而不中者, 命也. 人以其全足笑吾不全足者, 衆矣. 我怫然而怒, 而適先生之所, 則廢然而反. 不知先生之洗我以善邪? 吾與夫子遊十九年矣, 而未嘗知吾兀者也. 今子我遊於形骸之內, 而子索我於形骸之外, 不亦過乎?”

Thân Đồ Gia viết: “Tự trạng kỳ quá dĩ bất đương vong giả chúng; bất trạng kỳ quá dĩ bất đương tồn giả quả. Tri bất khả nại hà nhi an chi nhược mạng, duy hữu đức giả năng chi. Du ư Nghệ^[ccxvi] chi cốc trung, trung ương giả, trung địa dã, nhiên nhi bất trúng giả, Mạng dã. Nhon dĩ kỳ toàn túc tiểu ngô bất toàn túc giả, chúng hĩ. Ngã phát nhiên nhi nô, nhi thích tiên sinh chi sở, tắc phé nhiên nhi phản bất tri tiên sinh chi tẩy ngã dĩ thiện da? Ngô dữ phu tử du thập cửu thiên hĩ, nhi vị thường tri ngô ngột giả dã. Kim tử ngã du ư hình hài chi nội, nhi tử sách ngã ư hình hài chi ngoại, bất diệc quá hô?”

子產蹴然改容更貌, 曰: “子無乃稱.”

Tử Sản thác nhiên cải dung canh mạo, viết: “Tử vô nãi xưng.”

DỊCH NGHĨA:

B. Thân Đồ Gia là người cụt chân, cùng với Tử Sản nước Trịnh đồng học với Bá Hôn Vô Nhân. Tử Sản bảo với Thân Đồ Gia: “Ta ra trước thì người ở lại. Người ra trước thì ta ở lại.”

Ngày hôm sau, lại cùng một chỗ học, cùng ngồi một chiếu. Tử Sản bảo với Thân Đồ Gia: “Ta ra trước thì người ở lại. Người ra trước thì ta ở lại. Nay ta sắp đi ra, vậy người có thể ở lại chẳng, hay là chưa có thể được? Và người thấy kẻ cầm chính quyền sao không biết tránh qua một bên? Người ngang hàng với kẻ cầm chính quyền ư?”

Thân Đồ Gia nói: “Ở cửa Thầy đây sao lại có kẻ gọi là cầm chính quyền? Người thích thú với cái việc cầm chính quyền của người mà xem mọi người đều đứng sau người cả! Ta nghe thầy nói rằng: Gương sáng là vì bụi bặm không vướng, bụi bặm mà vướng lên thì mặt gương sẽ lu mờ! Ở lâu với bậc hiền giả thì ắt không lỗi lầm. Nay người ở trong cửa Thầy để cầu học cái đại thức, thế sao lại còn thốt ra được những lời như vậy, há chẳng cũng làm lỗi hay sao?”

Tử Sản nói: “Người đã là người (tàn tật) như thế, sao lại còn mong cùng với Nghiêu mà tranh thiên hay sao? Kể về đức của người, không đủ để mà xét lại mình ư?”

Thân Đồ Gia nói: “Tự che đậy lỗi của mình, cho là không đáng bị hình phạt, thì nhiều! Không che đậy lỗi của mình, cho là không đáng còn phạt, thì ít. Biết là không thể làm thế nào khác được mà yên lòng chịu nó và cho là số mạng, thì chỉ có người có đức mới có thể làm nổi. Ở ngay trung tâm làn tên của Nghệ mà lại thoát khỏi bị tên, đó là Mạng vậy. Những kẻ cậy mình có đủ hai chân để chế nhạo người không đủ hai chân như ta, thì nhiều lắm! Ta nghĩ cũng tức giận, nhưng khi đến học với thầy thì lại bâng khuâng mà trở về, không rõ thầy đã đem cái hay gì mà rửa ráy được lòng ta? Ta ở cùng Thầy đã mười chín năm thế mà thầy chưa thường thấy ta là đũa cụt chân! Nay người chơi với ta ở chỗ bên trong của hình hài, mà người lại còn khắt khe với cái hình hài bên ngoài của ta, chẳng cũng làm lỗi hay sao?”

Tử Sản áy náy, đổi sắc mặt mà nói: “Thôi, đừng nói đến chuyện ấy nữa!”

*

C.

魯有兀者叔山無趾,踵見仲尼.仲尼曰:

Lỗ hữu ngột giả Thúc Sơn Vô Chỉ, chủng kiến Trọng Ni. Trọng Ni viết:

“子不謹前, 既犯患若是矣, 雖今來何及矣!”

“Từ bất cần tiên, ký phạm hoạn nhược thị hĩ, tuy kim lai hà cập hĩ!”

無趾曰: “吾唯不知務而輕用吾身, 吾是以亡足. 今吾來也, 猶有尊足者存, 吾是以務全之也. 夫天無不覆, 地無不載, 吾以夫子爲天地; 安知夫子之猶若是也?”

Vô Chỉ viết: “Ngô duy bất tri vụ nhi khinh dụng ngô thân, ngô thị dĩ vong túc. Kim ngô lai dã, do hữu tôn túc giả tồn. Ngô thị dĩ vụ toàn chi dã. Phù thiên vô bất phủ, địa vô bất tải, ngô dĩ phu tử vi thiên địa; an tri phu tử chi do nhược thị dã!”

孔子曰: “丘則陋矣! 夫子胡不入乎? 請講以所聞.”

Khổng-tử viết: “Khuru tác lậu hĩ! Phu tử hồ bất nhập hồ? Thỉnh giảng dĩ sở văn.”

無趾出. 孔子曰:

Vô Chỉ xuất. Khổng-tử viết:

“弟子勉之! 夫無趾, 兀者也, 猶務學以復補前行之惡, 而況全德之人乎?”

“Đệ tử miễn chi! Phù Vô Chỉ ngột giả dã, do vụ học dĩ phục bổ tiền hành chi ác, nhi hưởng toàn đức chi nhân hồ?”

無趾語老聃曰: “孔丘之於至人, 其未邪? 彼何竇竇以學子爲! 彼且蘄以諛詭幻怪之名聞, 不知至人之以是爲己桎梏邪?”

Vô Chỉ ngữ Lão-Đam viết: “Khổng-Khuru chi ư chí nhân, kỳ vị da? Bỉ hà tân tân dĩ học tử vi! Bỉ thả kỳ dĩ xúc quỹ^[ccxvii] huyền quái chi danh văn, bất tri chí nhơn chi dĩ thị vi kỷ chât cóc da?”

”老聃曰:

Lão-Đam viết:

“胡不直使彼以死生爲一條, 以可不可爲一貫者, 解其桎梏, 其可乎?”

“Hồ bất trực sử bỉ dĩ tử sinh vi nhất điều, dĩ khả bất khả vi nhất quán giả, giải kỳ chất cóc, kỳ khả hồ?”

無趾曰:

Vô Chỉ viết:

“天刑之，安可解？”

“Thiên hình chi, an khả giải.”

DỊCH NGHĨA:

C. Nước Lỗ, có người cụt chân, tên là Thúc Sơn Vô Chỉ, khắp khễnh đến ra mắt Trọng Ni. Trọng Ni nói:

- Người trước đây không cẩn thận nên phải bị tai họa như thế, nay dù có đến đây cũng không sao kịp nữa!

Vô Chỉ nói: “Tôi vì không biết việc nên khinh dụng tâm thân này mà phải bị mất hết một chân. Nay tôi đến đây, còn lại có một chân quý này, thời tôi mong giữ cho nó vẹn toàn. Trời, không gì là không che; Đất, không gì là không chở, tôi mong xem phu tử như Trời Đất. Nào ngờ phu tử lại đối xử với tôi như thế!”

Khổng-tử nói: “Khuru này quả hẹp hòi! Sao ông không vào trong chơi, tôi xin đem những gì đã nghe được mà giảng cho ông nghe!”

Vô Chỉ ra đi. Khổng-tử nói:

- Các đệ tử hãy cố gắng lên! Kìa như Vô Chỉ là kẻ cụt chân mà còn mong học để bù lại cái việc làm sai lầm buổi trước, hướng chi kẻ mà đức vẫn còn vẹn toàn!

Vô Chỉ nói chuyện với Lão-Đam:

- Khổng-Khuru hình như chưa phải là bậc chí nhân! Ông ta dạy làm gì mà đông học trò thế? Ông lại còn mong được tâm tiếng về những cái học kỳ dị

huyền hoặc, vậy chứ ông không biết rằng đối với bậc chí nhân, đó toàn là những công cùm cho mình ư?

Lão-Đam nói:

- Sao ông không bảo thẳng cho ông ta biết rằng Sống và Chết đều là cùng một lẽ, nên và chẳng nên đều cùng là một việc, hầu mở gông cùm cho ông ta có được không?

Vô Chỉ nói:

- Trời đã hành tội ông ta, gỡ ra sao được!

*

D.

魯哀公問於仲尼曰：“衛有惡人焉，曰哀駘它，丈夫與之處者，思而不能去也，婦人見之，請於父母，曰：與人爲妻，寧爲夫子妾者，數十而未止也。未嘗有聞其唱者也，常和人而已矣。無君人之位，以濟乎人之死，無聚祿以望人之腹，又以惡駭天下，和而不唱，知不出乎，四域，且而雌雄合乎前，是必有異乎人者也。寡人召而觀之，果以惡駭天下，與寡人處，不至以月數，而寡人有意乎其爲人也；不至乎期年，而寡人信之。國無宰，寡人傳國焉。悶然而後應。泛若而辭。寡人醜乎卒授之國，無幾何也，去寡人而行。寡人卹焉若有亡也，若無與樂是國也。是何人者也？”

Lỗ Ai Công vấn ư Trọng Ni viết: “Vệ hữu ác nhân yên, viết Ai Đài Đà, trọng phu dữ chi xử giả, tư nhi bất năng khứ dã, phụ nhơn kiến chi, thỉnh ư phụ mẫu, viết: “dữ nhân vi thê, ninh vi phu tử thiếp giả, sở thập nhi vị chi dã. Vị thường hữu vãn kỳ xướng giả dã, thường họa nhân nhi dĩ hĩ. Vô quân tử chi vị, dĩ tế hồ nhân chi tử, vô tỵ lộc dĩ vọng nhân chi phúc, hựu dĩ ác hải thiên hạ, họa nhi bất xướng, tri bất xuất hồ, tứ vức, thả nhi thư hùng hợp hồ tiên, thị tất hữu dị hồ nhân giả dã. Quả nhân triệu nhi quan chi, quả dĩ ác hải thiên hạ, dữ Quả nhân xử, bất chí dĩ ngoạt số, nhi Quả nhân hữu ý

hồ kỳ vi nhân dã; bất chí hồ cơ niên, nhi Quả nhân tín chi. Quốc vô tể, nhi Quả nhân truyền quốc yên. Muộn nhiên nhi hậu ứng. Tỵ nhược nhi từ, quả nhân xú hồ tốt thụ chi quốc, vô kỳ hà dã, khứ Quả nhân nhi hành. Quả nhân tuất yên, nhược hữu vong dã, nhược vô dữ lạc thị quốc dã. Thị hà nhân giả dã?”

仲尼曰:

Trọng Ni viết:

“丘也嘗使於楚矣, 適見 犛子食於其死母者; 少焉, 眴若皆棄之而走; 不見己焉爾, 不得類焉爾! 所愛其母者, 非愛其形也, 愛使其形者也. 戰而死者, 其人之葬也, 不以鬻資, 別者之履, 無爲愛之, 皆無其本矣. 今哀駘它未言而信, 無功而親, 使人授己國, 唯恐其不受也, 是必才全而德不形者也.”

Khuru dã thường sủ ư Sở hĩ, thích kiến đôn tử thực ư kỳ tử mẫu giả; thiêu yên, tuân nhược giai khí chi nhi tẩu; bất kiến kỳ yên nhĩ, bất đắc loạn yên nhĩ! Sở ái kỳ mẫu giả, phi ái kỳ hình dã, ái sử kỳ hình giả dã. Chiến nhi tử giả, kỳ nhân chi táng dã, bất dĩ sấp tư, tắc giả chi lũ, vô vi ái chi, giai vô kỳ bản hĩ. Kim Ai Đài Đà vị ngôn nhi tín, vô công nhi thân, sử nhân thụ kỳ quốc, duy khùng kỳ bất thụ dã, thị tất tài toàn nhi đức bất hình giả dã.

哀公曰: “何謂才全?”

Ai Công viết: Hà vị tài toàn?

仲尼曰: “死生存亡, 窮達, 貧富, 賢與不肖, 毀譽, 饑渴寒暑: 是事之變, 命之行也; 日夜相代乎前, 而知不能規乎其始者也; 故不足以滑和, 不可入於靈府使之和豫, 通而不失於兌; 使日夜無卻而與物爲春是接而生時於心者也, 是之謂才全.”

Trọng Ni viết: Tử sinh, tồn vong, cùng đạt, bản phú, hiền dữ bất tiêu, hủy dự, cơ khát hàn thử: thị sự chi biến, mạng chi hành dã. Nhật dạ tương đại hồ tiên, nhi tri bất năng quy hồ kỳ thủy giả dã; cố bất túc dĩ hoạt hòa, bất khả nhập ư linh phủ^[vi] sử chi hòa dự, thông nhi bất thất ư duyệt; sử nhật dạ vô khước nhi dữ vật vị^[vii] xuân thị tiếp nhi sinh thời ư tâm giả dã, thị chi vị tài toàn.

“何謂德不形？”

Hà vị đức bất hình?

曰：“平者水停之盛也其可以爲法也，內保之而外不蕩也。德者成和之修也，德不形者，物不能離也。”

Viết: “Bình giả thủy đình chi thịnh dã kỳ khả dĩ vi pháp dã, nội bảo chi nhi ngoại bất đãng dã. Đức giả thành hòa chi tu dã, đức bất hình giả, vật bất năng ly dã.”

哀公異日以告閔子曰:

Ai Công dị nhật dĩ cáo Mãn tử viết:

“始也吾以南面而君天下，執民之紀，而憂其死，吾自以爲至通矣。今吾聞至人之言恐吾無其實，輕用吾身，而亡吾國。吾與孔丘，非君臣也，德友而已矣。”

“Thủy dã ngô dĩ nam diện nhi quân thiên hạ, chấp dân chi kỷ, nhi ưu kỳ tử, ngô tự dĩ vi chí thông hĩ. Kim ngô văn chí nhân chi ngôn khủng ngô vô kỳ thực, khinh dụng ngô thân, nhi vong ngô quốc. Ngô dữ Khổng-Khuru, phi quân thần dã, đức hữu nhi dĩ hĩ.”

DỊCH NGHĨA:

D. Lỗ Ai Công hỏi Trọng Ni:

Nước Vệ có một người xấu xí, tên là Ai Đài Đà. Đàn ông nào ở với nó, nhớ không thể bỏ đặng. Đàn bà nào thấy nó, về xin cha mẹ rằng: thà làm vợ bé của nó hơn làm vợ lớn kẻ khác. Số người ấy có đến mười mấy rồi, thế mà cũng chưa hết. Chưa thường nghe nó xưng lên ý gì, chỉ có họa theo ý người mà thôi. Không có địa vị quyền thế gì để cứu người khỏi chết; không có tiền bạc của cải gì để nuôi ai no bụng, lại còn hình thù xấu xí để thiên hạ phải sợ. Chỉ có họa mà không có xưng. Trí nó không ra ngoài bốn vách rào làng. Thế mà giống đực giống cái lại xúm xít trước mặt, ấy là kẻ tất phải có cái gì khác lạ hơn người. Quả nhân triệu nó đến xem, thì quả là hình thù xấu xí làm cho thiên hạ đều phải sợ. Ở với Quả nhân

không đầy một tháng, mà Quả nhân đã để ý đến cách ăn ở của nó. Không đầy một năm, Quả nhân tin nó. Nước không có kẻ cầm quyền chính, Quả nhân giao việc nước cho nó. Nó buồn buồn, thờ ơ ra vẻ chối từ làm cho Quả nhân hổ thẹn. Sau cùng nó nhận, nhưng rồi, không bao lâu lại bỏ Quả nhân mà đi. Quả nhân buồn bực như mất một vật gì, như không còn có người để cùng vui trong nước nữa! Vậy người ấy là người thế nào?”

Trọng Ni nói: “Khuru này, từng sang sứ bên nước Sở. Thấy đàn heo con đang bú mẹ, mà mẹ chúng đã chết rồi. Một lúc, chúng ngo ngác chạy tứ tán cả vì chúng thấy mẹ không nhìn đến chúng nữa. Chúng sợ dĩ yêu mẹ, không phải là yêu cái xác kia, mà yêu cái sai khiến xác kia của mẹ chúng! Ra trận mà chết, đâu cần phải yên ngựa để bọc thân. Cho kẻ cụt chân giày dép, họ đâu có ưa thích! Họ đều không có gốc! (...) Nay Ai Đài Đà chưa nói gì mà người lại tin; không công gì mà người lại thân, khiến có người muốn trao cho quốc chính mà lại không chịu nhận, như vậy ắt phải là kẻ toàn được cái Tài, và không để lộ ra cái Đức.”

Ai Công nói: Sao gọi là “toàn được cái Tài”?

Trọng Ni nói: “Sống Chết, Còn Mất, Cùng Đạt, Giàu Nghèo, Hiền và Bất Tiểu, Khen chê, Nóng Lạnh... là những cái biến của sự vật, cái chuyển của Mạng (cũng như) ngày đêm thay phiên tiếp nối nhau trước mặt ta mà trí thông minh của con người cũng không sao nhận thấy được chỗ khởi đầu. Như vậy, đâu có đáng gì để cho nó lọt vào “linh phủ”, làm loạn lòng mình. Ngay cả sự hân hoan vui mừng cũng đừng để cho lòng mình dấy động. Đối với tất cả mọi việc, hòa nhã vui tươi như tiếp đón bốn mùa... Đó gọi là “toàn được cái Tài”.

- Thế nào là Đức không lộ ra?

- Là bình thản như mặt nước đứng im lìm, có thể lấy đó làm khuôn phép: bên trong giữ được thật trong sáng mà bên ngoài như bất động không bị lôi cuốn theo ngoại vật. Đức là thành được việc mình mà vẫn giữ được sự hòa với mọi người. Đức không lộ ra nên mọi vật không thể rời bỏ được mình ^[ccxviii].

Ai Công ngày khác nói chuyện với Mẫn tử:

- Trước kia tôi cho việc day mặt về phía Nam làm vua thiên hạ, cầm quyền trị dân, lo cho chúng được an ninh, tôi tự cho được như thế là thông đạt lắm rồi. Nhưng từ khi nghe bậc chí nhân nói^[ccxix], tôi sợ không có thực tài, khinh dụng thân mình mà làm mất cả nước. Từ đây, tôi và Khổng-Khuru sẽ không còn phải là đạo vua tôi nữa, mà là bạn với nhau về đạo đức mà thôi vậy.

*

E.

闔跂支離無脤說衛靈公. 靈公說之而視全人, 其脰肩肩.
Nhân kỳ Chi Ly Vô Thân thuyết Vệ Linh Công. Linh Công duyệt chi nhi thị toàn nhân, kỳ đậu kiên kiên.

甕竈大癭說齊桓公. 桓公說之, 而視全人, 其脰肩肩.
Ứng Áng Đại Anh^[viii] vào thuyết Tề Hoàn Công. Hoàn Công ưa thích đến đổi nhìn lại những kẻ thân hình toàn vẹn đều có cái cổ bé nhỏ khằng khiu!^[ccxx]

故德有所長而形有所忘; 人不忘其所忘, 而忘其所不忘, 此謂誠忘. 故聖人有所遊而知爲孽, 約爲膠德爲接, 工爲商. 聖人不謀, 惡用知? 不斷惡用膠? 無喪, 惡用德? 不貨, 惡用商? 四者, 天鬻也, 天鬻者也, 天食也. 既受食於天, 又惡用人? 有人之形, 無人之情. 有人之形, 故羣於人; 無人之情, 故是非不得於身. 眇乎小哉, 所以屬於人也! 警乎大哉, 獨成其天

Có đức hữu sở trường nhi hình hữu sở vong; nhân bất vong kỳ sở vong, nhi vong kỳ sở bất vong thử vị thành vong^[ccxxi]. Có thánh nhân hữu sở du^[ccxxii] nhi trí vi nghịet^[ccxxiii], ước vi giao đức vi án, công vi thương. Thánh nhân bất mưu, ô dụng trí? Bất trác ô dụng giao? Vô táng, ô dụng đức? Bất hóa, ô dụng thương? Tứ giả, Thiên Dục^[ccxxiv] dã, Thiên Dục dã giả, thiên thực dã. Ký thụ thực ư thiên, hựu ô dụng nhơn? Hữu nhân chi hình, vô nhân chi tình. Hữu nhân chi hình, cố quần ư nhân; vô nhân chi tình, cố thị phi bất đắc ư thân. Điều hồ tiểu tai, sở dĩ thuộc ư nhân dã, ngao hồ đại tai, độc thành kỳ thiên.

DỊCH NGHĨA:

E. Chi Ly Vô Thân vào thuyết Vệ Linh Công. Linh Công ưa thích đến đôi nhìn lại những kẻ thân hình toàn vẹn đều có cái cổ bé nhỏ khẳng khiu!

Ứng Ảnh Đại Anh vào thuyết Tề Hoàn Công. Hoàn Công ưa thích đến đôi nhìn lại những kẻ thân hình toàn vẹn đều có cái cổ bé nhỏ khẳng khiu!^[ccxxv]

Cho nên Đức mà hơn người có thể làm cho quên hẳn được hình hài. Người ta (trái lại) không biết quên cái nên quên (hình hài) mà lại hay quên cái không nên quên (đức), đó mới là thật quên. Bởi vậy, Thánh nhân có chỗ để mà tự lại^[ccxxvi]; hiểu rằng Trí là mầm của tội ác^[ccxxvii] thế ước là keo sơn, đức^[ccxxviii] là nối tiếp, công là buôn bán. Thánh nhân không mưu tính, thì dùng chi đến Trí? Không đẽo gọt thì dùng chi đến keo? Không mất tính thì dùng chi đến đức? Không bán chác thì dùng chi đến buôn? Bốn cái đó là “Trời nuôi”. Trời nuôi, tức là trời cho hấp thụ (cái món ăn của trời). Đã được Trời nuôi, cần gì dùng đến nhân tạo nữa! Thánh nhân có cái hình của người mà không có cái tình của người. Có cái hình của người nên mới cung một đàn với người. Không có tình của người, nên thị phi mới không động được lòng. Cùng một đàn với người là việc nhỏ, mà riêng cùng làm một với Trời là việc lớn vậy!

*

G.

惠子謂莊子曰:

Huệ tử vị Trang-tử viết t:

“人故無情乎?”

“Nhân cố vô tình hồ?”

莊子曰: 然!

Trang-tử viết: Nhiên!

惠子曰: 人而無情, 何以謂之人?

Huệ-tử viết: Nhân nhi vô tình, hà dĩ vị chi nhân?

莊子曰: 道與之貌, 天與之形, 惡得不謂之人?

Trang-tử viết: Đạo dữ chi mạo, thiên dữ chi hình, ô đắc bất vị chi nhân?

惠子曰: 既謂之人, 惡得無情?

Huệ-tử viết: Kỳ vị chi nhân ô đắc vô tình?

莊子曰: 是非吾所謂情也, 吾所謂無情者, 言人之不以好惡內傷其身, 常因自然而不益生也.

Trang-tử viết: thị phi ngô sở vị tình dã, ngô sở vị vô tình giả, ngôn nhân chi bất dĩ hảo ác nội thương kỳ thân, thường nhân tự nhiên nhi bất ích sinh dã.

惠子曰: 不益生, 何以有其身?

Huệ-tử viết: Bất ích sinh^[ccxxix], hà dĩ hữu kỳ thân?

莊子曰: 道與之貌, 天與之形, 無以好惡內傷其身. 今子外乎子之神, 勞乎子之精, 倚樹而吟, 據槁梧而瞑, 天選子之形, 子以堅白鳴.”

Trang-tử viết: Đạo dữ chi mạo thiên dữ chi hình, vô dĩ hảo ác nội thương kỳ thân. Kim tử ngoại hồ tử chi thần, lao hồ tử chi tinh, ý thụ nhi ngâm, cứ cao ngô nhi minh, thiên tuyển tử chi hình, tử dĩ kiên bạch^[ccxxx] minh.

DỊCH NGHĨA:

G. Huệ-tử gọi Trang-tử, bảo:

- Người ta không có tình hay sao?

Trang-tử nói:

- Phải!

Huệ-tử nói:

- Người mà không có tình, thì lấy gì gọi là người được?

Trang-tử nói:

- Đạo ban cho nó dung mạo, Trời ban cho nó hình hài, sao không gọi là người?

Huệ-tử nói:

- Đã gọi là người, mà không có tình, được không?

Trang-tử nói:

- Đó không phải là cái mà tôi gọi là Tình đâu? Chỗ mà tôi gọi là không tình, chính là chỗ tôi muốn nói rằng con người, bên trong, đừng để cho cái tình cảm yêu ghét làm hại đến thân, thường nên theo lẽ tự nhiên mà đừng thêm gì cho thiên tính.

Huệ-tử nói:

- Không thêm cho thiên tính, sao có được thân?

Trang-tử nói:

- Đạo cho nó dung mạo, trời cho nó hình hài bên trong, không để cho sự ưa ghét làm hại thân. Nay ông vụng cái bên ngoài của thân mình của ông, để hao tổn tinh lực của ông, ngồi dựa cột mà ngâm vang, bám vào góc ngóc cằn, nhắm mắt làm thính! Trời đã chọn cho ông một cái hình hài này, đem chi thuyết “kiên bạch” mà nhọc thân.

TỔNG BÌNH

Thiên Đức Sung Phù là để mà giải cái nghĩa của thuyết “bất ngôn chi giáo” của Lão-tử.

Thuyết này gốc ở chương thứ II của sách Đạo Đức Kinh: “*Thị dĩ Thánh nhân, xử vô vi chi sự, hành bất ngôn chi giáo*” (Thánh nhân dùng “vô vi” mà xử sự, dùng “bất ngôn” mà dạy dỗ).

Sở dĩ Trang-tử, cũng như Lão-tử, chủ trương thuyết “bất ngôn” là căn cứ vào ba điểm này:

1. Đạo mà nói ra được, không còn phải là Đạo thường nữa. Nghĩa là Đạo là một lẽ siêu hình, không thể dùng lời nói mà truyền dạy được.
2. Đức mà đầy đủ nơi trong thì người hóa nơi ngoài, tự nhiên cảm hóa được chung quanh, không đợi dùng đến lời mới dạy dỗ được.
3. Nhân theo tự nhiên mà không cần phải nói mới là dạy.

*

1. Bậc thánh nhân không dùng lời nói mà dạy người, là vì bàn về lẽ Đạo, tức là “cái điều chỉ có thể cảm mà không thể nói” không sao có thể được, nhất là phải dùng đến lời nói của giới tương đối nhị nguyên.

Cho nên Lão-tử mới nói: “*Tri giả bất ngôn, ngôn giả bất tri*” (biết, thì không nói; nói, là không biết), là vì “*Đạo khả Đạo, phi thường Đạo*”. Kẻ nào tự cho là đã hiểu Đạo và đem cái Đạo ấy mà dạy ta, là kẻ dối ta, nếu không phải họ tự dối với lòng.

Thiên Trí Bắc Du giải đoạn này có nói: “*Trí đi chơi phương Bắc, tới Huyền-Thủy, lên núi Ân-Phân, gặp Vô-Vi-Vị.*”

Trí gọi Vô-Vi-Vị, bảo: “Tôi muốn hỏi ông ít điều. Nghĩ làm sao, lo làm sao mà biết được Đạo? Dựa vào đâu, làm cách nào mà hiểu được Đạo? Theo đâu và đi đường nào mà tìm được Đạo?”

Hỏi ba lời, Vô-Vi-Vị không đáp. Chẳng phải không đáp, mà là không biết phải đáp làm sao.

Hỏi không được, Trí trở lại Bạch-Thủy, ở phương Nam, lên núi Hồ-Quyết, gặp Cuồng-Khuất. Trí cũng đem ba câu hỏi trước, hỏi Cuồng-Khuất.

Cuồng-Khuất nói: “À! Tôi biết, để tôi nói cho.” Nhưng, vừa muốn nói, thì lại quên mất chỗ mình muốn nói.

Trí không hỏi ai được, bèn trở lại để-cung ra mắt Hoàng-đế để hỏi.

Hoàng-đế nói: “Không nghĩ, không lo mới biết Đạo. Không dựa vào đâu, không làm gì mới rõ Đạo. Không theo đâu, không đi đường nào cả mới được Đạo.”

Trí hỏi Hoàng-đế: “Tôi cùng ông biết Đạo chẳng? Còn hai người kia (Vô-Vi-Vị và Cuồng-Khuất) không biết Đạo chẳng? Vậy ai là là phải?”

Hoàng-đế nói: “Vô-Vi-Vị mới thật là phải. Cuồng-Khuất cũng giống như Vô-Vi-Vị. Rốt lại, chỉ có ta và người là không gần Đạo mà thôi. Và, kẻ biết thì không nói, kẻ nói là không biết. Nên chi, bậc Thánh-nhân mới thực hành cái thuyết “bất ngôn”!”

Ấy, Đạo chẳng thể nói ra đặng; nói ra đặng chẳng phải còn là cái Đạo “thường” nữa. Cho nên Trang-tử mới nói: “Kẻ hỏi Đạo cũng như người đáp lại đều là những kẻ không hiểu Đạo!”

*

2. Thánh nhân biết rằng mỗi vật trong đời đều có cái “Đức” của nó, và phận sự duy nhất của mỗi vật là phải biết gìn giữ cái “Đức” ấy nơi mình cho đầy đủ, nghĩa là lo sống cái sống ấy một cách triệt để và nuôi dưỡng nó được luôn luôn đầy đủ nơi trong. Đức mà đầy đủ bên trong thì tự nhiên ứng hiện ra ngoài, thiên hạ nhờ đó mà tự hóa, đâu cần phải dùng lời nói mà hóa ai. Nên mới gọi là “đức sung phù”, nghĩa là “đức mà đầy đủ nơi trong, thì người ở ngoài nhờ đó mà tự hóa; tự nhiên cảm hóa, không phải cần dùng đến lời mà dạy.”

*

“Tại nước Lỗ, có người cụt chân, tên là Vương Đài. Số người theo học ngang với Trọng Ni.”

Thường Quý hỏi Trọng Ni: Vương Đài là kẻ cụt chân lại cùng với thầy chia hai học trò nước Lỗ. Người ấy, đứng thì không dạy điều chi, ngồi thì không nghị luận việc gì. Thế mà người học, đến thì không có gì cả, mà khi ra về, thấy mình đầy đủ. Vậy thì, có lối dạy mà không cần đến lời, mặc nhiên mà cảm hóa được lòng người ư?”

*

“Nước Vệ có một người xấu xí, tên là Ai Đài Đà. Đàn ông nào ở với nó, nhớ không thể bỏ đặng. Đàn bà nào thấy nó, về xin cha mẹ rằng: thà làm vợ bé của nó hơn làm vợ lớn kẻ khác (...) Chưa thường nghe nó xưng lên ý gì, chỉ có họa theo ý người thôi”. Thế mà Lỗ Ai Công phong cho nó chức Tướng Quốc, nó nhận rồi từ bỏ mà đi, Ai Công buồn bã đến tự thấy không làm sao an ủi được khi mất nó.

*

Chi Ly Vô Thân, cũng như Ứng Ánh Đại Anh, người thì què chân, sứt môi, người thì cổ bươu dị hình... thế mà khiến cho Vệ Linh Công và Tề Hoàn Công ưa thích đến nỗi nhìn thấy kẻ thân hình toàn vẹn đều xấu xí cả.

Cho nên “đức mà hơn người có thể làm cho ta quên hẳn cả hình hài xấu xí”.

Trên đây, một Vương Đài tàn tật, không nói gì cả mà thiên hạ tự hóa; một Ai Đài Đà hình thù xấu xa, không nói gì cả mà thiên hạ đều quên cái xấu xí của hình thù, đủ thấy rằng Đức mà đủ nơi trong thì người sẽ hợp với mọi người, đâu đợi cần phải nhiều lời mới cảm hóa.

*

3. Điểm thứ ba của thuyết “bất ngôn chi giáo” là căn cứ vào lý tự nhiên.

Thiên Biên-Mẫu giải rất rõ về điều này: *“Thiên hạ có vật thường tự nhiên như vậy! Có vật tự nhiên cong, đâu cần phải dùng đến câu móc! Có vật tự nhiên ngay, đâu cần phải dùng đến dây mực! Có vật tự nhiên tròn, đâu cần phải dùng đến cái khuynh! Có vật tự nhiên vuông, đâu cần phải dùng đến*

thước nách! Vạn vật tự nhiên chẳng chịt dính líu nhau, đâu cần phải dùng đến keo sơn. Vạn vật sống, đâu cần gì phải biết vì có gì mà sống; đặng, cũng không cần biết vì sao mà đặng. Nguyên lý của cái sống và cái đặng kia là việc cố hữu, xưa nay không hai. Nó là cái luật bất di bất dịch. Vậy thì, vì có gì lại đòi đem những thứ “nhân, nghĩa, lễ, nhạc” những sợi dây nhơn tạo để mà trói buộc thiên hạ, khiến cho thiên hạ lầm lạc!”

Đó gọi là lẽ thường nhiên, tức là lẽ tự nhiên. Tự nhiên là cái lẽ phải như vậy, vì nó phải như vậy, không vậy không đặng.^[ccxxxi] Đã nhận theo lẽ tự nhiên, thì hãy để cho vạn vật tự nhiên sống theo cái sống của nó, cần gì phải dùng đến lời nói mà làm chi?

^[i] Le Chant et la Vie, p. 11 (Les Editions de l'Étoile, 1931) Trad. Carlo Suarès.

^[ii] Trong sách in xen kẽ một dòng chữ Hán, một dòng phiên âm Hán Việt. Ở đây tôi chép xen kẽ từng đoạn. [Goldfish]

^[iii] Nhi: sách in là năng. [Goldfish]

^[iv] Nguyên văn trong sách: “Về quan niệm Đạo 道 và Đức 德 thì Trang-tử và Lão-tử đồng với nhau”. Trong mục Tổng bình tôi lược bỏ các chữ Hán, không chép. [Goldfish].

^[v] Cả bốn cặp chữ Hán “hồ điệp” trong sách điều in là 胡蝶, chúng tôi sửa lại cho đúng là 蝴蝶. [Goldfish].

^[vi] Linh phủ: chỗ ở của tinh thần, ám chỉ cái Tâm của mình. Ý nói những vấn đề thuộc về việc Sống Chết, Cùng Thông, Hiền Ngu, Phải Quấy... chỉ là những sự bất thường, không nên để cho nó làm điên đảo sự yên tĩnh của tâm hồn.

Linh phủ đồng một nghĩa với linh đài mà Trang-tử thường dùng ở Canh Tang Sở trong câu “Bất khả nội ư linh đài”. Ở đây Quách Tượng giải chữ linh đài là ám chỉ cái Tâm.

^[vii] Vi: trong sách in là giai. [Goldfish]

^[viii] Ưng Áng Đại Anh: sách in là Ưng Ánh Đại Anh. Theo bác Vvn, bốn chữ đó nghĩa là người có cổ to như cái hũ, ám chỉ bị bươu cổ (Nguyễn Hiến Lê dịch là Một người có cái bươu lớn như cái hũ ở cổ). Để nguyên âm như NDC thì người đọc chẳng thấy cái đối chiếu trong dụ ngôn “yêu nhau trái ấu cũng tròn” mà hiểu lầm Ưng Áng Đại Anh là tên riêng. [Goldfish].

^[i] “Kỳ học vi sở bất t khuy, nhiên kỳ yế u bản quy vu Lão-tử chi ngôn...” (Sử-Ký).

^[ii] Tiề n-Hán: (206 trước Tây-lị ch Kỷ -nguyên) đế n năm thứ 9 sau kỷ -nguyên T.L.

^[iii] Hậ u-Hán: (25-220 sau T.L kỷ -nguyên).

^[iv] Đầ u nhà Hán (khởi vào năm 206 trước Tây-lị ch kỷ nguyên; cuối đời nhà Hán) khởi vào khoảng 220 sau T. L kỷ -nguyên, nghĩa là cách nhau khoảng trên 300 năm.

^[v] Trang-tử tinh-hoa (cùng một tác giả).

^[vi] Tự là Tử-Huyề n (mất vào khoảng 312 TL Kỷ -nguyên).

[viii] **đắ c Nhắ t**

[viii] Chứ không phải của mình thụ lãnh nơi xã hội, luân lý, chế độ, nơi văn minh giả tạo của con người bày ra.

[ix] *Thiên-trạ ch* là chọn lọc thiên nhiên (sélection naturelle). Thuyết của Darwin trong bộ “Vật chủ ng Nguyên thủ y”

[x] *Tiế n-Hoá* là một sự Biến, một sự Độ ng - và thêm vào một thực trạng ấy là một ý kiến chủ quan là đi theo một khuynh hướng nào (L'Évolution, c'est le changement, plus une illusion sur le sens et la qualité de ce changement).

[xi] Đức Sung Phù có câu: “Sanh tử, tồn vong, cùng đạ t, bần phú, hiên dữ bất tiế u, hủ y dự cơ khát, hàn thử: thị sự vi biến, mạ ng chi hình dã. Nhậ t đạ tươ ng đạ i hồ tiề n, nhi tri bất năng giai hồ kỳ thủ y giả dã”. (Chế t số ng, còn hết, cùng đạ t, nghèo giàu, hiên và bất tiế u, chê khen, đói khát, nóng lạ nh: đó là cái biến của vật, cái chuyển của Mạ ng. Ngày đêm thay phiên tiế p nối trướ c mặt ta mà trí thông minh của ta không sao nhậ n thấy đượ c đâu là chỗ khờ i đầ u.”

[xii] Thích nhơn chi thích, nhi bất tự thích kỳ thích dã: chạy theo cái thích của người mà không tự mình chạy theo cái thích của mình.

[xiii] *Thươ ng sinh*: làm tổ n hạ i đế n sinh mạ ng.

[xiv] *Tri bất tri, thươ ng*: biết cái không thể biết đượ c (“bất khả trí”), tức là Đạ o. (Đạ o-Đức-Kinh).

[xv] Đờ ng vợ i Đạ o, nên không còn tham muố n nữa.

[xvi] Trang-tử: Thiên Thiên Đạ o (cổ nhơn chi tao phách)

[xvii] *Cổ du kim dã*: cái xưa, thì cũng như cái bây giờ (ám chỉ Đạ o vĩnh viế n, bất biến... có từ vị thủ y và hiên nay cũng không thay đờ i), người Pháp gọi là “Présent Eternel Immuable”.

[xviii] Canh Tang Sở.

[xix] Nghĩa là không còn biết t có mình nữa.

[xx] *Triêu-triệt t*: một sự thông hiểu thấu triệt sự vật như ánh sáng buổi ban mai, tức là một thứ “trực quan kiến độ c”, nhậ n thấy đượ c cái Chân Thể (Số ng Một).

[xxi] Liệ t-tử, thiên Lự c-Mạ ng.

[xxii] Xem *Cái Dũng của thánh nhân* (cùng một tác giả): phép tĩnh tọ a của Cươ ng-Điề n (Phụ -Lự c).

[xxiii] *Thiên*: thiên nhiên

[xxiv] *Nhơn*: nhơn tạo o, là của người bày ra.

[xxv] *Dị ch-kinh*: “vật cùng tá c biến, vật cực tá c phá n” và Liệ t tử ở thiên Trọ ng Ni cũng nói: “vật bất cai giả, tá c bất phá n”. Vật mà không đế n mức cùng của nó thì không biến trở lạ i. Hai câu cùng đờ ng một ý nghĩa. Muố n “trở về” (phả n) phải để cho bả n ngã phát triển đế n cực độ của nó, thì nó mới “phả n biến” mà mất đi (âm cực Dươ ng sinh ở quẻ Phụ c).

[xxvi] *Trự c giác*: là dùng theo danh từ ngày nay, nó không phải là một thứ giác quan như người ta thường gọi là “giác quan thứ sáu”, hay thứ trực giác theo Bergson. Thứ trực giác theo Bergson cũng chỉ hợ at độ ng trong “dòng” sắ c tươ ng (nói theo danh từ nhà Phậ t) chưa thậ t là cái trực giác của Đạ i-tri, của Bát-Nhã.

[xxvii] Bắc minh cũng viết là 北海 tức *bắc hải*: biển Bắc. [Nguyên văn trong sách: Bắc minh 北冥, cũng viết là 北海 tức là *bắc hải* 北海: biển Bắc”. Trong chú thích này và các chú thích tiếp theo, tôi bỏ bớt một số chữ Hán. [Goldfish].

[xxviii] Côn: gốc là tên một thứ cá nhỏ, nhưng Trang-tử lại dùng để chỉ một thứ cá hết sức lớn.

[xxix] Bằ ng: gốc là tên loài chim phụng, Trang-tử lại dùng để chỉ một thứ chim rất lớn.

[xxx] Tề-Hài: Tên của một quyển sách, chép những việc kỳ quái.

[xxxi] Phù dao (diêu): một thứ gió rất mạnh từ dưới hốt lên trên không trung (gió trốt).

[xxxii] Dã mã: là một thứ hơi đất ngoài đồng ruộng. Theo Thích Văn: mùa xuân, hơi nước trên mặt ao đầm. Trên cao nhìn xuống, thấy như bày ngựa rừng, nên gọi là dã-mã.

[xxxiii] Trần ai: Trần, là bụi đất; Ai, là bụi nhỏ.

[xxxiv] Bồi: cũng đọc là bằng 馮. Bằng, tức là cỡi lên. Chim Bằng ở trên lớp gió lớn kia, nên gọi là cỡi gió (bằng phong).

[xxxv] Yếu ú: yếu là gãy; ú là dừng lại, ngăn lại. Yếu ú tức là trở ngại.

[xxxvi] Điêu là con ve 蟬 (thiên) hay là ve núi (山蟬).

[xxxvii] Học cưu: Theo Tư-Mã-Buru là một thứ chim nhỏ, nhỏ hơn con chim cưu.

[xxxviii] Mãng thương: cánh đồng kê cận.

[xxxix] Triều khuẩn: một thứ nấm sớm nở chiều tàn.

[xl] Hối sóc: Sóc, là ngày đầu tháng; hối, là ngày cuối tháng. Ở đây hối là buổi tối, sóc là buổi mai.

[xli] Huệ cô: là con ve trên núi mùa xuân sanh ra, mùa hạ chết, mùa hạ sinh ra, mùa thu chết.

[xlii] Minh linh: linh 靈 cũng viết là 櫺 tên một thứ cây mọc ở Giang Nam (Tứ-Nguyên). Bản của Nhượng Tông lại dịch là "giống rùa Minh-linh" là sai.

[xliii] Đại-Xuân: tên một thứ cây mọc ở Giang-Nam.

[xliv] Trương truyền Bành tổ, tên là Khanh, tể của vua Nghiêu, sống từ đời Ngu-Hạ, đến đời Thương, và thọ 700 năm.

[xlv] Phù điêu dương giác: gió trời lớn, xoáy tròn như hình cái sừng dê rừng.

[xlvi] Xích yễn: Xích, là cái hồ nhỏ; yễn, là loại chim sẻ.

[xlvii] Biện: ở đây là sự phân biệt. Quách Tượng chú đoạn này, cho rằng không có lớn nhỏ, vì nếu "mỗi vật đều biết yễn với cái Tánh của Trời phú cho mình, thì sao có buồn lo vì chỗ không đồng nhau." Đó là ông giảng sai với bản ý của Trang-tử.

Xem kỹ văn mạch của chương này, ta thấy rằng chỗ mà Trang-tử bảo "con ve và con chim cưu nhỏ không làm sao hiểu được cái hành động của chim Bằng", thì cũng như ở thiên Thu Thủy ông bảo "con ếch nằm đáy giếng làm gì thấy được cái rộng lớn của bể Đông".

Một đoạn văn sau trong thiên này, chỗ mà Kiên-Ngô kể chuyện của Tiếp-Dư bảo rằng "đại nhi vô-đương", chỗ mà Huệ-tử chê lời nói của Trang-tử "đại nhi vô dụng", tức cũng là chỗ mà Lão-tử trong Đạo-Đức-Kinh bảo "hạ sĩ vấn Đạo, đại tiểu chi" vậy.

Huống chi trước đây ông cũng đã nói: tiểu trí bất cập đại trí; tiểu niên bất cập đại niên, triều khuẩn bất tri hối sóc; huệ cô bất tri xuân thu, thì thật là chú ý của ông rõ ràng hết sức. Cho nên, lời chú của Quách Tượng, thật là một sự sai lầm to tát vậy, vì đã giảng nghịch lại với ý chánh của họ Trang. Câu nói này của Lão-tử rất cần để cho ta tự nhắc nhở lấy khi cầm bút bình giảng tư tưởng trong Nam-Hoa-Kinh: "càng muốn làm cho thật sáng, lại càng làm cho ra tối!" Vì vậy, ít bình giảng chừng nào càng tốt, mà đừng bình giảng gì cả, càng hay! Đọc Trang-tử cần nhất là đọc ngay Trang-tử mà đừng đi qua các nhà bình giảng trước, hoặc nếu đi qua các nhà bình giảng trước, hãy quên phứt họ đi, để đi ngay vào chánh văn của Trang-tử.

[xlviii] Nhi đọc là Năng 能: cổ tự hai chữ này dùng lẫn nhau.

Trung: là tin cậy được, được tín nhiệm.

[xlix] Nội Ngoại chi phận: đây là chỉ về cái Ta bên trong, và ngoại vật bên ngoài.

[l] Vinh của ta, nhục của người: Vinh cho ta, tức là nhục cho người.

[li] Thọ, là đứng vững (立): chỗ gọi là "chí đức cũng chưa được vững". đây là muốn nói rằng: người như Vinh từ chưa đủ cho ta ngưỡng mộ vậy.

[lii] Liệt-tử: người nước Trịnh, tên là Ngự-Khâu.

[liii] Lãnh-nhiên: nhẹ nhàng êm ái

[liv] Phúc: tức là không có gì trở ngại cả. Trí phúc, là muốn nói rằng Liệt-tử cỡi gió mà tuyệt không có vật nào trở ngại sự hoạt động của ông cả, ông tha hồ tới lui thông thả.

[lv] Câu này "thử tuy miễn hồ hành, du hữu sở đãi giả dã" cùng với câu trên "tuy nhiên du hữu vị thọ dã" đều cùng một dụng ý: chưa phải là đáng ngưỡng mộ, là đã đến mức hoàn toàn.

[lvi] Lục khí: là khí Âm, khí Dương, Gió, Mưa, Tối, Sáng (Âm, Dương, Phong, Vũ, Hối, Minh). Biện phải đọc là Biến. Xưa hai chữ này dùng lẫn nhau. Chữ "Chánh" đây, là của Âm, Dương (Thiên-Địa; Càn-khôn) đứng chỉ huy cái biến của lục khí... (nắm giềng mối của tất cả hiện tượng trong Trời Đất).

[lvii] Vô kỹ, vô công, vô danh: Thôi-tuyền cho rằng "Vô công, vô danh" là "không lập công, không lập danh". Giảng giải như thế, không ổn nếu không nói là sai. Nhân thế mới có người hiểu theo đó và cho rằng cái học của Trang-tử là cái học yếm thế, hay xuất thế.

Nếu hiểu câu “vô công” là “không lập công”, thì câu “vô kỷ” cũng phải có nghĩa là “không lập mình” hay sao và như thế nghĩa nó là gì? Khí văn phải nhất quán, và câu này phải hiểu là “không có mình”, “không có công”, “không có danh”, nghĩa là không nghĩ đến mình. Bậc được Đạo, không còn có thấy mình nữa (tức là cái tiêu ngã của mình); không còn thấy có mình nữa, thì làm sao còn nghĩ đến công mình, và danh mình.

Lão-tử cũng có nói “công toại nhân thoái”, “vi như bất thị”, “công thành phát cư”... (nên việc, lui thân, làm mà không cậy công, thành công rồi không ở lại...tức là không nghĩ đến sự lưu danh).

Như vậy, không thể gọi Lão-học là cái học yếm thế hay xuất thế... vì “không lập công”, “không lập danh”.

Nên biết rõ rằng chủ trương cứu cánh của hai học thuyết ấy là cái học “huyền-đồng vật ngã”, không còn thấy có Trong có Ngoài, có Ta có Người nữa. Cho nên không thể gọi người đắc Đạo là người xuất thế hay yếm thế, là vì đối với họ người với ta là một, Ngoài và nội là một, xã hội và cá nhân là một. Cũng như cá và nước là một, không thể không có nước mà cá sống. Cho nên sở dĩ con người phải lo cho xã hội là vì không có xã hội, cá nhân không sao phát triển được cái sống của mình. Lo cho xã hội không phải là phận sự mà là lẽ tất nhiên phải lo, không lo không đặng, hai lẽ ấy chẳng chịt dính lúu với nhau, không sao rời nhau được. Cho nên có thể hiểu rằng: nói là lo cho đời, mà chính là lo cho mình; hoặc trái lại, nói là lo cho mình, mà chính là lo cho đời đó.

Cho nên, nói rằng cái học của Lão-Trang là cái học yếm thế, tức là chưa hiểu rõ cái chủ trương “huyền-đồng vật ngã” của các ông-vậy chớ phản-đối chế độ hiện hành của thời đại, phản đối Nho Mặc, phản đối cái Đạo hữu-vi đã làm thống khổ nhân dân... không phải đó là một cách tiêu cực lo kháng-kiên-hóa xã hội là gì?

Vấn đề nhập thế xuất thế ở đây đã được đặt ra. Và dĩ nhiên, tương đối mà nói thì Lão cũng như Trang đều chủ trương sự thực hiện cái Đạo nơi mình trước hết, trước khi nghĩ đến việc ra lo giúp đời. Sự thực hiện bản thân là một vấn đề cần có sự cô lập và tĩnh tâm, cho nên dĩ nhiên là phải thiên về đời sống cá nhân nhiều hơn. “Tự giác nhi giác tha” của Nhà Phật, cũng như “đĩ tu nhân vi bản” của Nho gia, phải nặng về sự yên tĩnh và lo về đời sống bản thân trước vấn đề xã hội.

Giáo sư A.W. Watts, trong quyển *Le Bouddhisme Zen (The Way of Zen)* lại cho rằng: “Đạo giáo là công việc của những người lớn tuổi, đặc biệt là những kẻ đã từ bỏ cái đời hoạt động xã hội. Sự từ bỏ đời sống hoạt động xã hội ấy chứng tỏ rằng họ đã có đi đến được một sự giải thoát nội tâm rồi đối với những lẽ lối suy tư cùng hành động giả tạo của xã hội bên ngoài. Đạo giáo, vì vậy là một sự đeo đuổi theo một thứ hiểu biết tự nhiên, chứ không còn thuộc về cái hiểu biết ước lệ giả tạo theo xã hội nữa, cái thông hiểu trực tiếp với lẽ sống thật, mà không phải trải qua sự trung gian của một ý tượng tinh thần theo nét gạch và tượng trưng.” (*Le Taoïsme était surtout l'affaire des gens plus âgés, en particulier de ceux qui se retiraient de la vie active. Cet abandon de l'activité sociale était une sorte de témoignage d'une libération intérieure à l'égard des modes de pensée et de comportement conventionnels. Le Taoïsme, par conséquent, c'est la poursuite de la connaissance non conventionnelle, de la Compréhension directe de la Vie, sans passer par la médiation d'une représentation mentale et linéaire et symbolique*) (p.27).

[lviii] Tước hóa: cây đuốc, một đóm lửa nhỏ.

[lix] Thi: là làm chủ. Lại cũng có nghĩa là tượng thần, là người có chức-nhiệm nhưng không làm gì cả.

Ở đây ta có thể hiểu là hư-vị, một địa vị tượng trưng như một pho tượng thần vậy thôi.

[lx] Đại: thay thế.

[lxi] Tiêu liêu: chim nhỏ.

[lxii] Yên thừ: chuột đồng.

[lxiii] Đại nhi vô-đương: lớn mà không đúng với thực tế. Đại ngôn, tức là lời nói khoác.

[lxiv] Kinh-bố: Bồ nghĩa là sợ; kinh-bố là kinh sợ.

[lxv] Kính-thính: chữ đình ở đây, phải đọc là thính, có nghĩa là xa xôi, diệu vợi.

[lxvi] Náo-trúc: diện mạo đẹp đẽ, lại cũng có nghĩa là vẻ người yếu điệu, mềm mại, dịu dàng.

Chữ náo cũng viết là xước.

[lxvii] Xử tử: đọc là xử nữ (tức là người con gái chưa chồng).

[lxviii] Đọc là nữ (thay vì nữ).

[lxix] Ti-khương: bã lúa, trấu. Tức là cận bã.

[lxx] Yếu-nhiên: phong thái sâu xa.

[lxxxi] Bất quy thủ: không làm răn nứt da tay.

[lxxxii] Bồng: Bồng chi tâm là cái lòng hẹp hòi chưa thông đạt.

[lxxxiii] Ủng thũng: lồi lõm, gồ ghề, gút mắt.

[lxxxiv] Ly tính: tức là một thứ mèo rừng.

[lxxxv] Vô hà hữu chi hương: tức là chỗ tịch tịch.

[lxxxvi] Quảng mạc: rộng lớn.

[lxxxvii] Tầm ngọa: nằm ngủ.

[lxxxviii] Lão-tử nói: “kiến Tổ, bảo Phác”; Phật gia bảo: “kiến tánh, thành Phật”.

[lxxxix] Xá kỷ thích nhơn: là bỏ mình mà theo người.

[lxxx] Đại-Tông-Sư: “Hành danh thất kỷ, phi sĩ dã vong thân bất chân, phi dịch nhơn dã. Nhược hồ Bất-Giai, Vụ Quang, Bá Di, Thúc Tề, Cơ tử, Tử du, Kỳ thu, Thân đồ địch, thị dịch nhơn chi dịch, thích nhơn chi thích, nhi bất tự thích kỳ thích giả dã. Làm theo danh, mà bỏ mất cái của mình, không phải là kẻ dốt; làm cho mất mạng mình, không rõ chân lý, đó chẳng phải là kẻ sai khiến được người. Như Hồ Bất-Giai, Vụ Quang, Bá Di, Thúc Tề, Cơ Tử, Tử Du, Kỳ Thu, Thân Đồ Địch, là hạng làm cái làm của kẻ khác, theo cái phải của kẻ khác mà không biết theo cái phải của mình.

[lxxxii] Nếu so sánh với câu nói này của hiền giả Epiclete (Hy Lạp): “Phàm sự vật, có cái thuộc ta, có cái không thuộc ta. Thuộc ta là những sự phán đoán, những khuynh hướng, những dục vọng, những ưu-ghét của ta, tóm lại là mọi tác dụng của linh-tính ta; không thuộc ta, là thân thể ta, của cái, danh vọng, tước phận, nói tóm lại là mọi sự không còn phải là tác dụng của linh-tính ta.

“Cái thuộc ta thời bản tánh nó tự do, không gì ngăn trở, không gì trái nghịch lại được; cái không thuộc ta thời không được chắc chắn, không được tự do, thường bị ngăn trở, là cái ở ngoài ta mà thôi.

Vậy, ta phải nhớ rằng cái gì vốn nó không được tự do mà cho là tự do, cái gì của người ngoài, vật ngoài mà cho là của mình, thời sẽ phải phiền lòng, sẽ phải buồn bực, sẽ phải bối rối, sẽ đem lòng oán trời, trách người, nhưng nếu cái gì thật của ta mới coi của ta, cái gì của người, coi là của người, thời không ai ép uống mình được nữa, không ai ngăn cấm mình được nữa, không phải oán ai, không phải trách ai, không phải miễn cưỡng làm việc gì, không ai hại mình, không có kẻ thù, vì không phải chịu sự gì thiệt hại.” (bản dịch của Phạm Quỳnh, 1929).

[lxxxiii] Đừng lẫn lộn thiên tánh với tánh tình của bản ngã, như những tánh nóng, tánh keo kiệt, tánh thích xa hoa, tánh ham vui, thích buồn của con người. Đó là chỗ mà Lão-tử gọi “thượng đức bất đắc, thị dĩ hữu đắc...” (chương 38 Đạo Đức Kinh).

[lxxxiiii] Các chánh giả, đắc u hữu sanh chi sơ bảo hợp giả, toán u đi sanh chi hậu (Dịch-Kinh). “Các chánh”, là nhận được từ khi mới sanh; “bảo hợp”, là giữ được trọn vẹn sau khi đã sanh. Cái mà ta gọi là Chánh đó, tức là chỗ mà Lão-tử gọi “từ nhi bất vong”.

[lxxxv] “Bản tánh duy nhất” ấy, Pháp-ngữ gọi là “unicité individuelle” hoặc là “personne humaine”. Đồng một nghĩa với câu này trong Dịch-Kinh: “Tri tiến thoái tồn vong nhi bất thất kỳ chánh, kỳ duy thánh nhơn hồ?” (biết tiến, biết thoái, biết giữ cho còn, biết làm cho mất, mà không làm mất cái Chánh của mình, chỉ có bậc thánh nhơn mà thôi ư?). chữ chánh đây, tức là Tánh Tự nhiên mà ta đã thọ lãnh của Trời Đất.

[lxxxvi] *Nam-Quách Tử Kỳ*: Chữ 慕 (Cơ) ở đây, phải đọc là kỳ 其. Nam-Quách là thành phía Nam, nhân lấy chỗ ở mà đặt hiệu.

[lxxxvii] *Hư*: hơi thổi ra (bằng miệng). Theo phép hô hấp của Đạo gia, thì hít vô bằng mũi, thổi ra bằng miệng.

[lxxxviii] *Tháp yên* (荅焉): viết là 嗒. Tháp yên là hình dáng như kẻ mất hồn, bơ phờ, ngơ ngác. Sắc thái của người nhập định tham thiền (extase mystique), xuất thần giải thể.

[lxxxix] *Ngẫu* (耦): cũng viết là 偶. *Táng kỳ ngẫu*: mất bạn. Câu này, do câu “ngô táng ngã” phần dưới mà suy ra. Bạn của Xác, là Hồn. Cho nên thay vì dịch là “mất bạn”, tương cần dịch là “mất hồn”.

[lxxxix] *Nhan-Thành Tử Du*: họ Nhan, tên là Yên, thụy là Thành, tự là Tử Du.

[xc] *Nhi* (而): đồng với chữ Nhĩ 爾 (người, mi, anh). Đọc là “nhữ chi vấn” (câu hỏi của anh).

[xci] *Nữ* (女): ở đây, đọc là nữ 汝 (anh).

[xcii] *Lại*: ống tiêu (gọi là sáo). Địa lại, là sáo đất.

Nhơn lại: sáo người. Tiếng sáo tuy có dài có ngắn, có cao có thấp... tựu trung chỉ do một hơi thổi thổi vào ống trúc mà gây ra, tùy lỗ hồng gần xa mà sinh những âm thanh khác biệt và muôn điệu.

[xciii] *Hàn hàn*: rộng lớn, bao gồm, trùm lấp

Nhàn nhàn: phân tích đến chỗ nhỏ mọn, ưa chỗ tế nhị, phân tích.

[xciv] *Viêm viêm*: đồng thấy thị phi là một.

Chiêm chiêm: phân biệt việc nhỏ.

[xcv] *Hồn-giao*: lúc ngủ thì tinh thần hợp nhau làm một, vì không bị ngoại vật làm cho xao lãng, khi thức, thì bị ngoại cảnh kích động làm cho tinh thần bị xao lãng tán ra ngoài nên nhận thấy chia lìa “vật ngã”, nghĩa là thấy sự chia phân trong vạn sự vạn vật.

[xcvi] *Cấu*: là hợp lại

Tâm đấu: lòng bị tranh chấp giữa vấn đề nội-ngoại

[xcvii] *Mạn*: lòng rộng rãi

[xcviii] *Giáo*: âm là giáo, có nghĩa là sâu sắc, chỗ sâu thẳm của lòng.

[xcix] *Mật*: dè dặt, cẩn thận.

[c] *Mạn mạn*: Nhìn từ như sanh, cả hai là một.

Chúy chúy: đáng cẩn thận, tỉ mỉ, tế tâm, chú ý.

Tiểu khùng chúy chúy, đại khùng mạn mạn: dè dặt cái nhỏ, là phân biệt sanh tử, dè dặt cái lớn là xem từ sanh là một.

[ci] *Lự*: lo nghĩ nhiều

Thán 嘆: cũng viết là (歎) thương xót.

Biển: hay phân phúc

Nhiệt: kinh hãi

Diêu: phù phiếm, khinh phù

Dật: phóng túng

Khái: tình dục mở rộng

Thái: chỉ tánh tình dung mạo do trời phú cho.

[cii] Không cho Thiên Tánh xuất hiện.

[ciii] *Ngôn giả hữu ngôn*: Chữ ngôn trước, là lời nói; chữ ngôn sau là nói lên một cái gì, tức là có một ý nghĩa.

Có một ý nghĩa, thì dĩ nhiên lời nói đã bị hạn định, vì có hạn định thì nghĩa nó mới rõ ràng. Và như vậy, lời nói không thể dùng để nói về Đạo, cái mà không thể nào miêu tả được: Đạo khả Đạo, phi thường Đạo.

Chữ xuy ở đây là cùng một chữ dùng ở đoạn văn trên: “xuy vạn bất đồng”. Gió thổi (như Đạo) thì không có tiếng, trở lên muôn tiếng khác nhau là vì gặp các lỗ hồng lớn nhỏ bất đồng mà sanh ra. Cho nên mới nói: “ngôn phi xuy dã”

[civ] *Khấu âm*: Tiếng kêu của con chim con vừa nở, ám chỉ lời nói vô nghĩa.

[cv] Đạo thì chứa cả Chân và Ngụy; lời, cũng chứa cả Thị Phi. Như vậy, trong ngôn từ, nếu nói đến Phải là có hàm chứa bên trong cái Quấy. Thế thì dựa vào đâu mà biết rằng lời nói nào là thật Phải (phải tuyệt đối), lời nói nào là thật Quấy (quấy tuyệt đối)? Bởi vậy mới nói: “Đạo sao lại dựa vào Chân hay Ngụy; lời, sao lại dựa vào Thị với Phi”.

[cvi] Đạo ô hồ vãng nhi bất tồn (Đạo sao qua mà không còn)

Qua mà không còn, là chỉ về cái biến động của Đạo rất mau lẹ, trong một cái chớp là đã biến mất không còn như trước nữa. Hạn chế Đạo vào một ngôn từ “tĩnh” và “bất biến” không thể được, vì vậy, Đạo không thể dùng lời mà nói được. Cho nên mới nói “ngôn ô hồ tồn nhi bất khả”. “Bất khả” là không nói được (bất khả đạo). Lời hạn định biến thành một lẽ “tĩnh”, một cái gì không biến được nữa, trong khi Đạo biến không ngừng.

[cvii] *Đạo ẫn u, tiểu thành*: Chữ “ẫn” đây, có nghĩa là “dựa vào”. “Tiểu thành”, là sự vật chưa được đầy đủ, như Nhân, Nghĩa...

Câu này muốn nói: “Chân Ngụy thì dựa vào chỗ chưa đầy đủ mà khởi phát”. Nếu sự vật mà đầy đủ, thì sao có sinh ra Chân Ngụy? Có Chân có Ngụy thì chỉ thấy được có một phần chân lý mà thôi.

[cviii] *Ngôn ẫn u vinh hoa*: “Vinh hoa” tức là lời nói hoa mỹ, phù phiếm và biện biệt của nhị nguyên không thể dùng để miêu tả được chân lý. Lời nói “bất toàn” của giới nhị nguyên, không sao dùng được để bàn đến Đạo. Cho nên mới nói: “lời nói là dựa vào thị phi mà khởi”. So sánh với câu: “mỹ ngôn bất tín; Tín ngôn bất mỹ” của Lão-tử.

[cix] *Ngẫu*: là chỗ đối đãi của nó, như Âm thì Dương là ngẫu của nó, Dương thì Âm là ngẫu của nó.

[cx] Xu: nơi cốt yếu.

[cxi] Hoàn trung:

Hoàn: Thị và Phi “phân phúc”, thị do phi mà có, phi do thị mà sinh, thị biến ra phi, phi biến ra thị... tiếp nối nhau, tìm kiếm nhau không biết đầu là cùng, như trên một cái vòng tròn, cho nên mới gọi là “hoàn” (vòng tròn). “Hoàn trung” là trung tâm của cái vòng tròn cũng để ám chỉ luật Thiên Quân.

[cxii] Đắc: là “tự đắc” nghĩa là tự mình nắm được cái Đạo và ung dung hạnh phúc, không cần gì đến ngoại vật nữa.

[cxiii] Cơ: là đã đến được tới chỗ cùng lý.

[cxiv] Nhân thị dĩ: là nói kẻ đạt Đạo, vô vi, vô tâm, cho nên nhân chỗ Thị Phi mà vượt lên, không còn thấy có thị phi nữa.

[cxv] Vu: khoai lang, theo Tư-Mã.

[cxvi] Chữ 莫 ở đây đọc là Mộ 暮: 2 chữ này dùng lẫn nhau.

[cxvii] Thiên-Quân: Chữ quân 鈞 cũng viết là 均. Theo Thích Văn chữ 鈞 gốc là chữ 均.

Thôi Tuyền nói: Quân là cái bánh xe xoay tròn để người thợ bắt đồ sành. Lại có chỗ viết là có ý nói về sự quân bình, vòng bán kính của bánh xe bao giờ cũng bằng nhau, luôn luôn quân bình. Cũng gọi là Thiên Nghê. (Ngũ ngôn)

Ở thiên Thiên Địa viết: “Thiên Địa tuy đại, kỳ hóa quân dã” (Trời Đất tuy lớn mà sự biến hóa đều quân bình cả). Đó là ông giải cái nghĩa của Thiên Quân và đây là yếu chỉ của toàn thiên Tề Vật.

[cxviii] Lương hành: không lia khỏi thị phi mà lại được đến chỗ không có thị phi.

So sánh câu “tri vong thị phi” của Trang-tử: “vong thị phi” đâu phải là không biết thị phi, mà thật ra, là vượt lên trên thị phi, sau khi thật biết rõ thế nào là thị phi.

Bực đạt Đạo không phải là người không phân biệt thị phi (như kẻ ngu) mà là kẻ đã rành lẽ thị phi, nhưng đã vượt lên cả thị phi để mà điều khiển nó. Cũng như Đạo gồm cả Âm Dương và vượt lên cả Âm Dương để điều khiển cả Âm Dương. Cho nên mới nói “Thánh nhân hòa chi dĩ thị phi, nhi hư hồ Thiên Quân”.

Daisetz T. Suzuki nói rằng: “Đây là một thứ nghịch thuyết về triết học sâu sắc nhất: “biện bất biện, và bất biện biện...” (C'est ici le paradoxe philosophique le plus profond, la discrimination de la non-discrimination et la non-discrimination de la discrimination...) (*L'Essence du Bouddhisme* – p. 88). D.T.Suzuki nói đây là nói về thuyết *Bát-Nhã Bình-Đẳng* của Phật giáo, nhưng nó cũng đồng một nghĩa với thuyết Tề-Vật của Trang-tử.

[cxix] Tức là thuyết “Huyền đồng vật ngã” của Lão-tử.

[cxx] Đó là phép “đi bất biến ứng vạn biến”: thị phi nối đuôi nhau mà sinh ra, không biết đầu là đầu mối, như trên một cái vòng tròn. Nhân thị mà sanh phi, nhân phi mà sanh thị, miên miên bất tuyệt.

[cxxi] Chí: đến nơi, đến chốn (cùng tận).

[cxxii] Phong: có cảnh giới. Tuy thấy là có cảnh giới, nhưng chưa bị phân đây đó.

[cxxiii] Đạo, thì gồm cả Thị Phi và vượt lên trên cả Thị với Phi. Nếu lại chia-phân Thị Phi thì Đạo như giấm bớt (khuy). Nhân thế người ta mới bày ra Nhân, Nghĩa, Lễ... tức là “Ái” nghĩa là lòng Nhân-ái (yêu thương) để hòa hợp lại những gì đã bị chia phân. Lão-tử cũng nói: Đại Đạo phế, hữu Nhân Nghĩa... Theo Trang-tử, cũng như Lão-tử, đó là công việc miễn cưỡng giả tạo: không bao giờ nói lại Vật Ngã (hay Nhĩ Ngã) một khi đã bị chia-phân. Cho nên mới nói: “Đạo chi sở dĩ khuy, ái chi sở dĩ thành”

[cxxiv] Chiêu-thị: tức là Chiêu-Văn, tên người xưa đờn cầm rất giỏi.

Dùng âm nhạc để hòa lại những âm thanh đã bị chia phân, đó là dụng ý của Trang-tử trong thiên Tề Vật khi ông bàn đến “nhân lại”

[cxxv] Sur Khoáng: một nhạc công đời xưa, rất sành âm luật.

[cxxvi] Huệ tử: một tay sành biện luận.

Có nhà bình luận cho rằng Trang-tử ở đây khi nói đến Chiêu Văn là muốn ám chỉ Hoàng đế; Sur Khoáng, ám chỉ Nghiêu Thuấn, và Huệ tử, ám chỉ Khổng tử.

[cxxvii] Kiên-bạch: tức là nói về biện thuyết “kiên bạch” và “bạch mã” của Công tôn Long đời Chiến quốc, một thứ ngụy biện mà rốt cuộc mọi người không ai hiểu gì được cả.

[cxxxviii] *Hoạt nghi chi diệu*: ánh sáng mập mờ, Trang-từ muốn ám chỉ Đạo, bao gồm thị phi, không thiên hẳn bên Thị hay bên Phi: có Âm mà cũng có Dương, có Dương mà cũng có Âm (Âm trung chi Dương; Dương trung chi Âm), tức là cái nhân quang của người nhận thấy cả thấy các cặp mâu thuẫn trên đời đều là một cả.

[cxxxix] *Dung*: “Ngụ chur dung”, tức là dựa theo cái lý thông thường của người đời. Xem lại đoạn trên: thuyết “triêu tam, mộ tứ” của người nuôi khí. Bậc thánh trí đối với mình thì dùng cái sáng mập mờ (hoạt nghi chi diệu) tức là cái ánh sáng của Đạo mà đối xử; nhưng đối với đời, thì lại khác, lấy cái lý thông thường của mọi người mà đối xử, khi thì bàn đến Thị, khi luận đến Phi để mà hòa với mọi người, rồi “đứng yên ở cốt trục của bánh xe Trời (Thiên Quân) đó gọi là lưỡng hành”. “Ngụ chur dung”, tức cùng một ý với “triêu tam nhi mộ tứ” vậy.

[cxxx] *Minh*: “đĩ minh”, tức là lấy cái ánh sáng phân biệt Thị Phi của người đời để mà xử sự với người đời.

[cxxxii] *Thử và Thị*: có nghĩa là “đó” và “đây”, nghĩa là “vật” và “ngã”.

[cxxxiii] *Hữu thủy*: nguồn gốc của cái hữu (có): Origine de l'Être.

Hữu vị thủy hữu thủy: cái hữu không nguồn gốc: l'Être sans origine.

Hữu vị thủy hữu phù vị thủy hữu thủy: nguồn gốc của cái hữu không nguồn gốc: origine de l'Être sans origine.

Hữu hữu: cái Có (hữu): l'Être

Hữu vô: cái Không (vô): le Néant (Non-Être)

Hữu vị thủy hữu vô: cái Có có trước cái Không. (l'Être avant le Néant).

Hữu vị thủy hữu phù vị thủy hữu vô: cái Không có trước cái Có. (le Néant avant l'Être).

[cxxxiiii] *Nhất dĩ ngôn vi nhị*: “Một” và “lời” là “hai việc khác nhau”: Đạo không thể còn dùng được lời nói mà miêu tả được. Tức là cùng một ý với Lão-tử khi ông nói: “Đạo khả Đạo phi thường Đạo...” và “tri giả bất ngôn, ngôn giả bất tri”.

Nhị dĩ nhất vi Tam: Nhị: ám chỉ Âm Dương tương đối; Một: ám chỉ Đạo. Cùng nghĩa với câu này của Lão-tử: Nhất sanh Nhị, Nhị sanh Tam, Tam sanh vạn vật. Nhất, là Đạo tịnh; Tam, là Đạo động, Đạo sinh sinh hóa hóa, tức là số Một (Đạo) cộng với số hai (Âm Dương). Cho nên mới nói tới số Ba là trở về số Một.

Thánh nhân thì biết “Trở về” với số Một; chúng nhân thì chạy mãi đi ra và lưu tán vô cùng.

[cxxxv] *Thị*: thị, là “đây”, là ám chỉ cái Hiện tại tuyệt đối, bao gồm cả Thời gian (Présent Éternel). Nhận thấy Đạo Một rồi, thì không còn thấy Thời gian chia phân làm ba giai đoạn giả tạo nữa là Quá khứ, Hiện tại và Vị lai nữa, mà thấy, bất cứ ở vào lúc nào, một cái Hiện tại vô thủy vô chung.

[cxxxvi] *Phong*: là khu vực, là chia ranh. Đạo không hề có chia phân thành từng khu vực hạn định của một cái Thị hay Phi, của một cái Âm hay Dương.

[cxxxvii] *Thường*: định thức. Lời dùng để bàn về lẽ Đạo cũng không thể hạn định theo một định thức nào, là vì như thế dễ bị hạn chế trong một cái Thị hay Phi mà thành mất Đạo.

[cxxxviii] *Vi thị*: cũng như nói Thị Phi sinh ra.

Chân: chia thành từng khu vực.

[cxxxix] *Lục hap chi ngoại*: nói về bên ngoài Tính và Phận của vạn vật.

Lục hap chi nội: nói về bên trong Tính và Phận của vạn vật.

[cxxx] *Biện*: phân biệt thị phi mà để bình phẩm theo một chiều nào.

[cxli] *Phân dã giả, hữu bất phân dĩ*: phân, là phân biệt thị phi; bất phân, là không thiên hẳn bên nào, mà chỉ gìn giữ thế quân bình của thị hay phi.

Biện dã giả, hữu bất biện dã: biện, đây là biện bác (tranh luận). Tranh luận, là có phân thị phi; nhưng tranh luận mà không tranh luận, là tranh luận để làm sáng tỏ lập trường của mình chứ không phải để tranh luận phần phải cho mình. Người đạt Đạo không bao giờ tranh luận để thuyết phục ai, hay dẫn dụ ai theo mình cả, vì theo Trang-từ người hiểu Đạo không bắt chước ai cả mà trở về sống cái sống của mình, sống yên với cái mà tạo hóa đã an bài, không đèo bồng ham muốn cái ngoài tánh phận của mình.

[cxlii] *Biện dã giả, hữu bất kiến dã*: biện là phân biệt thị phi để mà biện luận biện bác, vì vậy không thể nhận thấy được Đạo tuyệt đối là cái lẽ gồm nắm bao trùm và vượt lên trên thị phi, thiện ác. Nên mới nói: “hay biện phân, thì có chỗ không thấy rõ được”, vì chỉ thấy có một bề: bề mặt hay bề trái của sự thật mà thôi.

[cxliii] *Đạo chiêu nhi bất Đạo*: Đạo mà chói sáng, nghĩa là rõ ràng, thì là Đạo theo hẳn một bên nào rồi, thị hay phi. Cho nên Đạo mà như thế, không phải Đạo. Đạo, dường như mịt mờ, nửa tối nửa sáng, lẫn lộn Âm Dương, thị phi. Trang-tử đã dùng trước đây danh từ như “hoạt nghi chi diệu” và tiếp sau đây danh từ “bảo quang” để ám chỉ Đạo. So sánh câu này của Lão-tử: “tục nhân chiêu chiêu; ngã độc hôn hôn” (chương 20 Đạo Đức Kinh).

[cxliiii] *Ngôn biện nhi bất cập*: cùng một ý với câu trên “Đạo chiêu nhi bất Đạo”. Biện đây là phân biệt thị phi. Bất cập là không đầy đủ, còn thiếu thốn, vì thế hễ nói thị thì lại còn thiếu phi, chỉ nói có cái bề mặt mà không nói đến bề trái của một sự vật nào, cho nên mới nói “lời mà rõ ràng thì không tới chốn”.

[cxliiii] *Tri chi kỳ sở bất tri*: tức là biết dừng lại chỗ mà lý trí và lời nói không làm sao hiểu và nói được, đó mới thật khôn ngoan, thượng trí. Dừng lại, là không đi đâu nữa, ở lại đó. So sánh với câu: “tri bất tri, thượng” của Lão-tử (chương 71).

“Chỉ hi” là đã đến nơi đến chốn, tức là đã đến chỗ cùng cực của sự hiểu biết vậy.

[cxliiii] *Bảo quang*: che đây ánh sáng. Lại cũng có người cho rằng “bảo quang” có nghĩa là ‘như có như không’. Thì cũng cùng một nghĩa như “che đây ánh sáng”.

So sánh câu “bất ngôn chi biện” với câu “bất ngôn chi giáo” và “thiện giả bất biện; biện giả bất thiện” (chương 51 của Lão-tử).

[cxliiii] *Vương Nghệ*: một bậc hiền thời Vua Nghiêu. Ở thiên Thiên địa thì cho rằng ông là thầy của Khiết Khuyết.

[cxliiii] *Độc* là “nhữ”.

[cxliiii] *Thiên tử 偏死*: chết một bên thân mình (tê liệt).

[cxlix] *Thu*: âm là thu, tức là “nê thu”, một thứ cá có thể sống trong bùn, lúc nước cạn. Ta gọi là cá chạch. Bản Nhược Tông dịch là loài nhái, không đúng.

[cl] *Tuân*, âm là huyện, cùng với huyện (thông dụng).

[cli] *Sô hoạn*:

Sô: loài thú ăn cỏ. *Hoạn*: loài gia súc, ăn cùng món ăn với người ta. Nói chung là ăn thịt, cỏ bần.

[cli] *Tiến*: cò non.

[cli] *Lương thu* là con rết.

[cliv] Chữ “thị” 嗜 cũng là 嗜.

[clv] *Thu*: con cái, giống cái (đối với chữ hùng).

[clvi] *Quyết sậu*: cúi đầu mà chạy, không ngoái lại sau.

[clvii] *Cù-Thước tử*: tên của một môn đệ của Khổng tử. Giã thác, không có thật.

[clviii] *Chư 諸*: đồng nghĩa với chữ 於.

[clix] *Duyên*: cột lại với nhau, ở đây có nghĩa là quyến luyến, ràng buộc, quán quít. Câu “bất duyên đạo”, ý muốn nói: bậc thánh nhơn cũng còn phải đeo đuổi, quán quít theo Đạo nữa, nghĩa là không còn chạy theo Đạo, còn mến Đạo, còn cầu Đạo nữa... vì như thế là còn chưa được Đạo, vì người và Đạo còn là hai mà chưa là Một (thành thuần). Hợp nhất với Đạo, thì không còn thấy có Đạo để mà theo đuổi, quán quít nữa.

[clx] *Vô vị hữu vị*: không nói (mà) đã nói. Cùng nghĩa với “vô vi nhi vô bất vi”: không làm mà không có gì là không làm. Tức là nói về công dụng của chữ Hư Vô trong lời nói: tuy không dùng đến lời nói, nhưng ý nghĩa lại nhiều hơn là đã nói nhiều; tức là “bất ngôn chi giáo” của Lão-tử.

[clxi] *Hữu vị vô vị*: nói, mà như không có nói gì cả. đồng nghĩa với câu “hữu ngôn vô ngôn”. Cái điều mà thánh nhân đắc Đạo nói, thường chỉ là dùng đến lời nói của giới nhị nguyên, nên chỉ có giá trị “nửa chừng” (demi-vérité) mà thôi; trong khi Chân lý gồm cả hai mặt (trái và mặt, âm và dương). Cho nên dù là có nói mà dường như chưa hề có nói, vì không thể nói ra được cái Chân lý Toàn diện với những danh từ hạn định của Nhị Nguyên.

[clxii] *Trần cầu chi ngoại*: trần, là bụi; cầu, là bụi nhỏ. ám chỉ sự vô thường của sự vật trên đời: rốt cuộc thấy đều trở thành tro bụi. “trần cầu chi ngoại” là ngoài sự tiêu vong và bất thường của sự vật, tức ám chỉ cái lẽ thường tồn nơi ta là Đạo.

[clxiii] *Phu tử*: ám chỉ Khổng tử.

[clxiv] *Mạnh lãg*: âm là mạn lãg, nghĩa là vu vơ không đúng với thực tế.

[clxv] *Hành*: đọc là hạnh, tức là tư cách.

[clxvi] *Khưu*: tên của Không tử.

Võng: nghĩa là bậy bạ, bướng.

[clxvii] *Thời dạ* 時夜: ám chỉ con gà (thường gọi là tư dạ 司夜).

[clxviii] *Hề*: làm thế nào, làm sao.

[clxix] *Bàng*: dựa vào.

[clxx] *Thần hợp*: không phân biệt nhau.

[clxxi] *Tri*: phó mặc cho

Hoạt: lộn xộn, hỗn loạn.

Hôn: không phân biệt, tối tăm, ngu độn, sâu kín.

[clxxii] *Di lệ tương tôn*: lệ, là chỉ về sự thấp hèn; tôn, là cao quý. Ý muốn nói: quý tiện cùng xem như nhau.

[clxxiii] *Dịch dịch*: bôn ba, chạy theo hấp tấp. Câu “chúng nhân dịch dịch” là muốn nói người đến đua theo thị phi, ồ ạt chạy theo thị phi.

[clxxiv] *Ngu xuân*: không nghiên cứu, không chia phân sự vật làm hai. Không nhận thấy sự khác nhau giữa các mâu thuẫn.

[clxxv] *Tham vạn tuế nhi nhất thành thuận*: chen vào cuộc thiên biến vạn hóa của Trời Đất, mà luôn luôn ôm giữ được cái Đạo một bất biến và thuận nhất.

[clxxvi] *Uẩn*: tích tụ lại, liên hợp lại. chỉ sự không thể chia lìa giữa vạn vật.

[clxxvii] *Sô hoạn*: sô là thịt các con vật ăn cỏ; hoạn là thịt các con vật nhà: món ăn cao lương, cỗ bàn...

[clxxviii] *Mộng ẩm tửu giả, dân nhi khóc khấp*: chiêm bao vui vẻ (dự tiệc rượu) nên không muốn dứt; tỉnh dậy thì tiếc cảnh vui nên rầu buồn khóc lóc. Cũng như, chiêm bao buồn khổ khóc lóc, tỉnh dậy là thoát được cảnh đau khổ nên vui mừng như được đi săn bắn. Tóm lại, mộng mà vui thì tỉnh buồn, mộng mà buồn thì tỉnh vui. Được cái này thì mất cái kia.

[clxxix] *Thiên nghệ*: tức là tự nhiên, Thiên quân.

[clxxx] *Mạn diễn*: cái biến của Vô cực (tức là của Đạo).

[clxxxi] *Vong niên, vong nghĩa*:

Vong niên, là muốn nói về sự đồng nhau của Sống, Chết. (Chữ niên là chỉ về thời gian). Còn chữ nghĩa là chỉ về vấn đề giá trị, ám chỉ vấn đề thị phi, thiện ác, nên vong nghĩa, là nói về sự đồng nhau của thị phi.

[clxxxii] *Chấn*: là thông sướng.

[clxxxiii] *Vô cảnh*: ám chỉ cảnh của Hư Vô, hay là Đạo. Có nhà chú giá cho Vô cảnh, tức là vô cực, như thế cũng đồng một nghĩa như trên.

[clxxxiv] *Khứ, tựu*: tức là có sự bỏ lấy, nghĩa là chọn lựa.

[clxxxv] Hữu sở hiểu ố, hữu sở khứ tựu, tắc bất năng tuyệt đối tự do hĩ.

[clxxxvi] “*Nhất thiết bình đẳng*”: cả thầy vạn vật bằng nhau cả.

[clxxxvii] Chí nhon vô kỹ, thần nhon vô công, thánh nhon vô danh.

[clxxxviii] *Tri*: ở đây có nghĩa là sự hiểu biết theo nhị-nguyên; nhân đó mới có sự lo âu, nghĩ ngợi, do lòng đèo bồng tham muốn chạy theo ngoại vật cũng như chạy theo cái học trực vật. Lão-tử bảo: “Vi học nhật ích”.

Theo Trang-tử, ở thiên Tề-Vật, thì không có gì là thật Phải, thật Quấy, thật Thiện, thật Ác một cách tuyệt đối. Có cái Thiện không nên làm, có cái ác cần phải làm, để lập lại thế quân bình. Nhưng làm việc Thiện không nên vì Danh (tức là vị ngã), làm việc ác không nên vì nó mà lụy thân: cả hai đều làm thương sinh cả.

[clxxxix] *Duyên đốc*: Duyên có nghĩa là thuận; đốc là giữa. Muốn giữ được Đạo dưỡng sinh, cần ăn ở mực thước, đừng có cái gì thái quá. No quá, đói quá không nên; vui quá, buồn quá cũng không nên.

Nếu làm việc Thiện (ám chỉ các việc Phải, việc lành) thì coi chừng, đừng để sa vào cái bẫy của tám lòng hiểu danh; còn làm việc chẳng phải (sai với phép nước, sai với luân-lý đạo đức của xã hội mình đang sống) thì phải phòng người trong xã hội trừng phạt lên án. Tránh hai lẽ cực đoan ấy, mà dùng đến trung đạo có lẽ sẽ giữ được mình, có thể toàn được sinh mạng... hưởng được hết tuổi trời.

Làm sai với phép nước để đến bị xã hội tru lục, đánh rằn, đó là không biết cách phòng hoạn cho bản thân, nhưng làm việc thiện, làm việc phải để được tên tuổi vang lừng trong thiên hạ, cũng chưa phải là biết cách phòng hoạn nữa. Bởi vậy, ở thiên Nhân Gian Thế sách Trang-tử cũng có câu: “*cây trên núi, tự nó là cừ địch của nó... cây quế ăn được, nên bị đốt. Cây sơn dùng được, nên bị chặt.*” Con người mà có tài và để cho người người đều biết mình là có tài, thì sẽ như cây sơn, cây quế... bị chặt, bị đốt. “*Người ta đều biết cái lợi của hữu dụng, mà không biết cái lợi của vô dụng.*”

[exc] *Bào*: là người đầu bếp. Ở đây lấy nghề làm họ.

Đinh: là tên của người đầu bếp. (theo Chu Quế Diệu dẫn Thích Văn)

[excii] *Văn Huệ Quán*: tức là Lương Huệ Vương.

[exciii] *Ngưu*: là bò. (Ta thường nhận lầm chữ này là trâu. Con trâu gọi là thúy ngưu).

[exciiii] Ở đây, đọc là *Gian*: hai chữ này cổ vẫn dùng lẫn nhau.

[exciv] *Hữu Sư*: một tước quan.

[excv] *Giới*: một chân. Người một chân.

[excvi] *Hữu dư*: hai chân cùng đi.

[excvii] *Kỳ*: cầu mong

Phàn: cái lông.

[excviii] Đọc là *vượng* 旺.

[excix] *Bội tình*: Tình, là tình cảm vui buồn (vui được, buồn mất) của thường nhân chưa huyền đồng con người tạo vật.

[ec] *Thích lai* là chi về cái sống; thích khứ là chi về cái chết.

[eci] *Chữ đế* là ám chỉ Tạo hóa, Tự nhiên (không phải là Thượng đế theo quan niệm Thần quyền).

[ecii] *Huyền giải*: Huyền, là cột lại; Giải, là mở ra. Người Pháp gọi là Association và Dissociation.

Ở thiên Đại Tông Sư cũng có nói: “*Đắc giả thời dã, thất giả thuận dã; an thời nhi xử thuận, ai lạc bất năng nhập dã, thủ cổ chi sở vị Huyền giải dã.*” Bởi vậy, chỗ mà Trang-tử gọi là Huyền giải, là ám chỉ cảnh giới mà Sống Chết bằng nhau, quên cả sự đắc thất.

[eciii] *Cùng*, tức là hết, ám chỉ củi. Củi là thân thể; lửa, là tinh thần. Củi tuy có chỗ tận, chỗ cùng, nhưng hết bó này đến bó kia (vô tận), thì lửa truyền từ bó củi này sang bó củi kia cũng vô đây. Ở đây ta thấy chủ trương của Trang-tử là tinh thần và vật chất đều nương nhau mà có, đều là một, và sinh tử cũng là một.

[eciv] Đây là chỗ mà cái học Lão-Trang sơ dĩ có khác với cái học của nhà Phật tiểu thừa “xem đời là bể khổ”, “sinh, lão, bệnh, tử, khổ”, nhìn cuộc đời hiện tại đều phủ một màu đen tối... Trang-tử thì khác: “Trang-Châu chiêm bao thấy mình làm bướm, vui phàn làm bướm, tự thích chí, không còn biết có Châu nữa...” chứ không “đứng núi này trông núi nọ”, đang sống, lại lo cầu đến cái sống sau khi chết.

[ecv] Ngụy biện như quan chủ tế ngụy biện với đám heo tể đã kể trên đây vậy.

[ecvi] Với nhãn quang Nhị nguyên, thì ngay trong thân thể của ta sẽ thấy các tạng phủ như là nghị ch với nhau cả (như nước Sở nước Việt cách biệt nhau vậy).

[ecvii] Tức là quên mất cả thanh sắc thị phi, mỹ ác...

[ecviii] (Đức chi hòa), tức là “hòa” của đạ o và đức, tức là chỗ mà Lão Tử gọi “thượng đức bất đức” cái đức siêu việt của đạ o gồm nắm cả thị phi, thiện ác...

[ecix] Cái “biết” đây, là ám chỉ “chân trí” (cái biết thật).

[ecx] Tâm thường: tức là cái tâm thường-trụ, bất biến đồng với Đạ o thường nơi mình. Chữ “tâm” trước, là ám chỉ cái tâm bất thường, còn vọng độ ng của mình.

[ecxii] Chữ “tổ i” ở đây có nghĩa là “tự”: hợp lại i, tự i. i nói, tự i sao chúng nhân tự i tự về theo ông ta (Vương đài).

[ecxiii] Không ai lại đi cầu học nơi một kẻ mà lòng còn vọng độ ng (náo loạn vì ngoại vật). chỉ có sự điềm đạ m hư vô là đặc tánh của bậc thánh nhân sống giữa sự náo độ ng không dừng của thiên hạ, cũng như mội thứ cây cối đều thụ mạ ng nơi đất, thế mà chỉ riêng có cây tùng cây bách thì cành lá bốn mùa vẫn xanh tươi không thay đổi... vì nó còn giữ được đặc tính trường xuân của nó.

[cxciii] Chữ chính đây, là chính kỳ .

Chữ sinh đây, nguyên là chữ Tính, hay là Bản Tính (theo Quách Tự ợng).

[cxciv] Chỗ ng lạ i với tư cách “khuyế n dụ ” người theo đạ o củ a phầ n đōng các tôn giáo.

[cxcv] Tử Sả n đāng là Tư ợng quố c nư ớ c Trị nh.

[cxcvi] Tên củ a mộ t người xư a có tài bả n cung không ai bì kị p.

[cxcvii] Xúc quỷ : là kỳ dị

[cxcviii] Đạ i ý là nói về Đức điề m đạ m, không để cho ngoạ i vậ t đōng đư ợ c Tâm mình.

[cxcix] Tức là Khổ ng-tử (thay lời Trang-tử mà giả ng về lễ Đạ o cho Ai Công).

[cxcx] Chi Ly Vô Thầ n, là người có hình thể chia lia như què chân và sứ t môi (xá u xí, kỳ dị). Ứ ng ánh Đạ i Anh, tức là người cổ bư ớ u dị hình. Nhân đây mà gọ i tên.

Thích cái đẹ p bên trong, đế n quên cả sự xá u xí củ a hình hài bên ngoà i: đó là cái thích đế n tộ t độ .

Trong Tình sử Trung Hoa có chép câu chuyệ n mộ t chàng trai si tình mộ t người đàn bà mộ t mắ t, bắ y giờ trong thiên hạ anh ta nhìn lạ i tắ t cả mộ i người đàn bà khác trong nư ớ c đē u có thừ a mộ t mắ t cả .

[cxcxi] Hình thì nên quên; mà đức, thì không nên quên.

[cxcxii] Du: là rong chơi trong cõi hư không.

[cxcxiii] Hoặ c viế t là “yêu nghiệ t”.

[cxcxiv] Chữ “chúc” đây phát âm là dụ c, tức là “nuôi dư ớ ng”.

[cxcv] Chi Ly Vô Thầ n, là người có hình thể chia lia như què chân và sứ t môi (xá u xí, kỳ dị). Ứ ng ánh Đạ i Anh, tức là người cổ bư ớ u dị hình. Nhân đây mà gọ i tên.

Thích cái đẹ p bên trong, đế n quên cả sự xá u xí củ a hình hài bên ngoà i: đó là cái thích đế n tộ t độ .

Trong Tình sử Trung Hoa có chép câu chuyệ n mộ t chàng trai si tình mộ t người đàn bà mộ t mắ t, bắ y giờ trong thiên hạ anh ta nhìn lạ i tắ t cả mộ i người đàn bà khác trong nư ớ c đē u có thừ a mộ t mắ t cả .

[cxcvi] Nghĩa đen là “rong chơi”, mà nghĩa bóng, là tiêu diêu tự đắ c, để cho cái tâm ung dung linh hoặ t trong cõi Hư Vô, tức là đã đế n cõi “toàn đức” rồi vậ y.

[cxcvii] Nghiệ t, tức là yêu nghiệ t, là tộ i ác. Tư Mã bàn rằng: “Trí tuệ sinh yêu nghiệ t”

[cxcviii] Đức ở đây, là ám chỉ lễ nghĩa. So sánh với câu “Đạ i Đạ o phé , hữ u Nhân Nghĩa” (Lão-tử Đ.Đ.K)

[cxcix] Sinh: ở đây cùng nghĩa với chữ tinh.

[cxcx] Kiên bạch: là thuyế t biệ n luậ n củ a Công tôn Long, tức là thuyế t “bạ ch mã kiên thạ ch”. Trang-tử ché Huệ -thi không biế t thiệ n dư ớ ng thiên chân, suố t đời biệ n luậ n để tiêu hao sinh lực trong nhữ ng cái họ c tranh biệ n vô ích cho con đư ờ ng giả i thoát.

[cxcxi] Bắ t đắ c bắ t nhiên.